

PHẦN I: LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

CHƯƠNG 1: CÁC NƯỚC CHÂU Á, CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LA-TINH

BÀI 1: NHẬT BẢN

Câu 1. Từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868, đặc điểm bao trùm của nền kinh tế Nhật Bản là gì?

- A. Nông nghiệp lạc hậu
- B. Công nghiệp phát triển
- C. Thương mại hàng hóa
- D. Sản xuất quy mô lớn

Câu 2. Ý nào không phản ánh đúng nét mới của nền kinh tế Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868?

- A. Công trường thủ công xuất hiện ngày càng nhiều
- B. Kinh tế hàng hóa phát triển mạnh
- C. Tư bản nước ngoài đầu tư nhiều ở Nhật Bản
- D. Những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển

Câu 3. Ý nào không phản ánh đúng tình hình kinh tế của Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868?

- A. Nền nông nghiệp dựa vẫn trên quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu
- B. Công trường thủ công xuất hiện ngày càng nhiều
- C. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng
- D. Sản xuất công nghiệp theo dây chuyền chuyên môn hóa

Câu 4. Nội dung nào là đặc điểm nổi bật của xã hội Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868?

- A. Nhiều đảng phái ra đời
- B. Chế độ đẳng cấp vẫn được duy trì
- C. Nông dân là lực lượng chủ yếu chống chế độ phong kiến
- D. Tư sản công thương nắm quyền lực kinh tế và chính trị

Câu 5. Từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868, tầng lớp nào trong xã hội Nhật Bản đã dần tư sản hóa?

- A. Daimyô (quý tộc phong kiến lớn)
- B. Samurai (võ sĩ)
- C. Địa chủ vừa và nhỏ
- D. Quý tộc

Câu 6. Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản là một quốc gia

- A. Phong kiến quân phiệt
- B. Công nghiệp phát triển
- C. Phong kiến trì trệ, bảo thủ
- D. Tư bản chủ nghĩa

Câu 7. Người đứng đầu chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản được gọi là

- A. Thiên hoàng
- B. Sôgun (Tướng quân)
- C. Nữ hoàng
- D. Vua

Câu 8. Đến giữa thế kỉ XIX, vị trí tối cao ở Nhật Bản thuộc về

- A. Thủ tướng
- B. Sôgun (Tướng quân)
- C. Thiên hoàng
- D. Nữ hoàng

Câu 9. Đến giữa thế kỉ XIX, quyền lực thực tế ở Nhật Bản thuộc về

- A. Thủ tướng
- B. Sôgun (Tướng quân)

C. Thiên hoàng D. Nữ hoàng

Câu 10. Cuối thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đã sử dụng chính sách hay biện pháp gì để ép Nhật Bản phải “mở cửa”?

- A. Đàm phán ngoại giao
- B. Áp lực quân sự
- C. Tấn công xâm lược
- D. Phá hoại kinh tế

Câu 11. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng nhất về tình hình xã hội Nhật Bản giữa thế kỉ XIX?

- A. Xã hội ổn định
- B. Tồn tại nhiều mâu thuẫn ở tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội
- C. Mâu thuẫn gay gắt giữa nông dân với lãnh chúa phong kiến
- D. Mâu thuẫn gay gắt giữa nông dân với địa chủ phong kiến

Câu 12. Những mâu thuẫn gay gắt về kinh tế, chính trị, xã hội ở Nhật Bản giữa thế kỉ XIX là do

- A. Sự tồn tại và kìm hãm của chế độ phong kiến Mạc phủ
- B. Áp lực quân sự ép “mở cửa” của các nước phương Tây
- C. Sự chống đối của giai cấp tư sản đối với chế độ phong kiến
- D. Làn sóng phản đối và đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân

Câu 13. Cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản diễn ra trong bối cảnh nào?

- A. Chế độ Mạc phủ do Sôgun (Tướng quân) đứng đầu thực hiện những cải cách quan trọng
- B. Xã hội phong kiến Nhật Bản lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng
- C. Các nước tư bản phương Tây được tự do buôn bán trao đổi hàng hóa ở Nhật Bản
- D. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa được tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ ở Nhật Bản

Câu 14. Minh Trị là hiệu của vua

- A. Mútshutô B. Kômây
- C. Tôkugaoa D. Satsuma

Câu 15. Nguyên nhân trực tiếp để Thiên hoàng Minh Trị quyết định thực hiện một loạt cải cách là

- A. Do đề nghị của các đại thần
- B. Chế độ Mạc phủ đã sụp đổ
- C. Muốn thể hiện quyền lực sau khi lên ngôi
- D. Đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nhân dân

Câu 16. Tháng 1-1868, một sự kiện nổi bật đã diễn ra ở Nhật Bản là

- A. Chế độ Mạc phủ sụp đổ
- B. Thiên hoàng Minh Trị lên ngôi
- C. Cuộc Duy tân Minh Trị bắt đầu
- D. Nhật Bản kí hiệp ước mở cửa cho Mĩ vào buôn bán

Câu 17. Thực hiện những cải cách về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, mục đích chính của Thiên hoàng Minh Trị là gì?

- A. Đưa Nhật Bản phát triển mạnh như các nước phương Tây
- B. Biến Nhật Bản trở thành một cường quốc ở Châu Á
- C. Giúp Nhật Bản thoát khỏi bị lệ thuộc vào phương Tây
- D. Đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng một nước phong kiến lạc hậu

Câu 18. Ý nào sau đây không phải là chính sách cải cách về kinh tế trong cuộc Duy tân Minh Trị

- A. Thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường
- B. Xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông liên lạc
- C. Nhà nước nắm giữ một số công ti độc quyền trọng yếu
- D. Kêu gọi nước ngoài đầu tư vào Nhật Bản

Câu 19. Ý nào không phản ánh đúng chính sách cải cách về quân sự trong cuộc Duy tân Minh Trị

- A. Tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây
- B. Thực hiện chế độ nghĩa vụ thay thế cho chế độ trưng binh
- C. Nhà nước nắm giữ ngành đóng tàu, sản xuất vũ khí
- D. Mua vũ khí của phương Tây để hiện đại hóa quân đội

Câu 20. Ý nào thể hiện tính chất tiên bộ của những cải cách do Thiên hoàng Minh Trị khởi xướng

- A. Giải quyết những vấn đề cấp thiết của tình hình chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa – giáo dục,... đặt ra với nước Nhật Bản cuối thế kỉ XIX
- B. Tập trung vào vấn đề phát triển mô hình chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa – giáo dục, hoàn toàn theo phương Tây
- C. Tiếp nối những giá trị lâu đời về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa – giáo dục,... của nước Nhật xưa
- D. Thực hiện quyền dân chủ về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa - giáo dục,... cho các tầng lớp nhân dân

Câu 21. Hiến pháp năm 1889 quy định thể chế của nước Nhật là chế độ nào?

- A. Dân chủ cộng hòa B. Dân chủ đại nghị
- C. Cộng hòa tư sản D. Quân chủ lập hiến

Câu 22. Sự kiện nổi bật nhất năm 1889 ở Nhật Bản là

- A. Chế độ Mạc phủ sụp đổ
- B. Hiến pháp mới được công bố
- C. Nhật Bản kí hiệp ước mở cửa cho Đức vào buôn bán
- D. Nhật Bản kí hiệp ước mở cửa cho Nga vào buôn bán

Câu 23. Tầng lớp nào đóng vai trò quan trọng trong Chính phủ mới được thiết lập ở Nhật Bản sau cuộc Duy tân Minh Trị?

- A. Tư sản B. Nông dân
- C. Thị dân D. Quý tộc tư sản hóa

Câu 24. Điểm tiên bộ nhất trong cải cách về chính trị ở Nhật Bản năm 1868 là

- A. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các công dân
- B. Thực hiện chính sách hòa hợp giữa các dân tộc
- C. Thủ tiêu hoàn toàn chế độ người bóc lột người
- D. Xác định vai trò làm chủ của nhân dân lao động

Câu 25. Ý nào không phản ánh đúng ý nghĩa cuộc Duy tân Minh Trị năm 1868 ở Nhật Bản?

- A. Có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản
- B. Đưa Nhật Bản phát triển theo con đường của các nước tư bản phương Tây
- C. Đưa Nhật Bản trở thành một nước đế quốc duy nhất ở Châu Á
- D. Xóa bỏ chế độ quân chủ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển

Câu 26. Yếu tố nào đã đưa đến sự tập trung trong công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng ở Nhật Bản trong khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX?

- A. Quá trình tích lũy tư bản nguyên thủy
- B. Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa
- C. Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài
- D. Sự cạnh tranh gay gắt của các công ti tư bản độc quyền

Câu 27. Sức mạnh của các công ti độc quyền ở Nhật Bản được thể hiện như thế nào?

- A. Có nguồn vốn lớn để đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh
- B. Xuất khẩu tư bản ra nước ngoài để kiếm lời
- C. Có khả năng chi phối, lũng đoạn nền kinh tế, chính trị đất nước
- D. Chiếm ưu thế cạnh tranh với công ti độc quyền của các nước khác

Câu 28. Chính sách đối ngoại nhất quán của Nhật Bản cuối thế kỉ XIX là

- A. Hữu nghị và hợp tác B. Thân thiện và hòa bình
- C. Đối đầu và chiến tranh D. Xâm lược và bành trướng

Câu 29. Yếu tố nào tạo điều kiện cho giới cầm quyền Nhật Bản có thể thực hiện được chính sách đối ngoại cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

- A. Sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân
- B. Các công ti độc quyền hậu thuẫn về tài chính
- C. Có tiềm lực về kinh tế, chính trị và quân sự
- D. Thực hiện chính sách ngoại giao thân thiện với phương Tây

Câu 30. Việc tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược: Chiến tranh Đài Loan(1874), Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905) đã chứng tỏ

- A. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa
- B. Nhật Bản đủ sức cạnh tranh với các cường quốc lớn
- C. Cải cách Minh Trị giành thắng lợi hoàn toàn
- D. Thiên hoàng Minh Trị là một vị tướng cầm quân giỏi

Câu 31. Yếu tố nào chi phối làm cho đế quốc Nhật Bản mang đặc điểm là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt?

- A. Vừa tiến lên tư bản chủ nghĩa, vừa duy trì chế độ phong kiến, chủ trương xây dựng nước Nhật bằng sức mạnh kinh tế
- B. Vừa tiến lên tư bản chủ nghĩa, vừa duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến, chủ trương xây dựng nước Nhật bằng sức mạnh kinh tế
- C. Vừa tiến lên tư bản chủ nghĩa, vừa duy trì chế độ phong kiến, chủ trương xây dựng nước Nhật bằng sức mạnh quân sự
- D. Vừa tiến lên tư bản chủ nghĩa, vừa duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến, chủ trương xây dựng nước Nhật bằng sức mạnh quân sự

Câu 32. Các tổ chức nghiệp đoàn ở Nhật Bản được thành lập dựa trên cơ sở nào?

- A. Sự phát triển của phong trào công nhân
- B. Sự phát triển của phong trào nông dân
- C. Sự ủng hộ của tầng lớp trí thức
- D. Sự cho phép của Chính phủ Nhật Bản

Câu 33. Việc thành lập các tổ chức nghiệp đoàn ở Nhật Bản cuối thế kỉ XIX là kết quả của phong trào

- A. Nông dân B. Tiểu tư sản
- C. Học sinh, sinh viên D. Công nhân

Câu 34. Lựa chọn phương án phù hợp để hoàn thiện đoạn tư liệu sau về phong trào công nhân ở Nhật Bản cuối thế kỉ XIX: “Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản được thành lập năm 1901 do..... một người bạn của Nguyễn Ái Quốc trong Quốc tế Cộng sản, đứng đầu. Xuất thân từ ở Tôkiô, năm 23 tuổi, ông đã tham gia tích cực rồi trở thành lãnh đạo của phong trào công nhân đường sắt.”

- A. Cataiama Xen công nhân đường sắt
- B. Abe Shinzô công nhân dệt may
- C. Abe Shinzô công nhân đóng tàu
- D. Cataiama Xen công nhân in

Câu 35. Điểm khác biệt của xã hội phong kiến Nhật Bản so với xã hội phong kiến Việt Nam nằm giữa thế kỉ XIX là

- A. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện trong nông nghiệp
- B. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng
- C. Sự tồn tại nhiều thương điểm buôn bán của các nước phương Tây
- D. Kinh tế hàng hóa phát triển, công trường thủ công xuất hiện

Câu 36. Việt Nam có thể học tập bài học kinh nghiệm nào từ cuộc Duy tân Minh Trị để vận dụng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

- A. Xóa bỏ; tiếp nhận, học hỏi cái tiến bộ, thành tựu của thế giới
- B. Dựa vào sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân để tiến hành thành công công cuộc đổi mới đất nước
- C. Tiếp nhận, học hỏi cái tiến bộ của thế giới, thay đổi cái cũ cho phù hợp với điều kiện của đất nước
- D. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài để khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	D	B	B	C
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	B	B	B	A
Câu	13	14	15	16	17	18
Đáp án	B	C	B	C	D	C
Câu	19	20	21	22	23	24
Đáp án	C	A	D	B	D	A
Câu	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	B	C	D	C	A
Câu	31	32	33	34	35	36
Đáp án	D	A	D	D	B	C

BÀI 2: ÁN ĐỘ

Câu 1. Xã hội Ấn Độ suy yếu từ đầu thế kỉ XVII là do cuộc tranh giành quyền lực giữa

- A. Các chúa phong kiến B. Địa chủ và tư sản
- C. Tư sản và phong kiến D. Phong kiến và nông dân

Câu 2. Từ đầu thế kỉ XVII, các nước tư bản phương Tây nào tranh nhau xâm lược Ấn Độ?

- A. Pháp, Tây Ban Nha B. Anh, Bồ Đào Nha
- C. Anh, Hà Lan D. Anh, Pháp

Câu 3. Nội dung nào phản ánh đúng tình hình Ấn Độ giữa thế kỉ XIX?

- A. Thực dân Anh hoàn thành xâm lược và đặt ách cai trị ở Ấn Độ
- B. Anh và Pháp bắt tay nhau cùng thống trị Ấn Độ
- C. Chế độ phong kiến Ấn Độ sụp đổ hoàn toàn
- D. Các nước đế quốc từng bước can thiệp vào Ấn Độ

Câu 4. Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh coi Ấn Độ là

- A. Thuộc địa quan trọng nhất
- B. Đối tác chiến lược
- C. Kẻ thù nguy hiểm nhất
- D. Chỗ dựa tin cậy nhất

Câu 5. Ý nào không phản ánh đúng chính sách kinh tế của thực dân Anh đối với Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX?

- A. Ra sức vơ vét lương thực, nguyên liệu cho chính quốc
- B. Đầu tư vốn phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn
- C. Mở rộng công cuộc khai thác một cách quy mô
- D. Bóc lột nhân công để thu lợi nhuận

Câu 6. Trong khoảng 25 năm cuối thế kỉ XIX, ở Ấn Độ đã diễn ra tình trạng hay sự kiện gì?

- A. Nạn đói liên tiếp xảy ra làm gần 26 triệu người chết
- B. Tuyến đường sắt đầu tiên được Anh xây dựng tại Ấn Độ
- C. Anh và Pháp bắt tay nhau cùng khai thác thị trường Ấn Độ
- D. Đảng Quốc đại phát động khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Anh

Câu 7. Chính sách cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ có điểm gì đáng chú ý?

- A. Chính phủ Anh cai trị trực tiếp
- B. Cai trị thông qua bộ máy chính quyền bản xứ
- C. Dựa vào các chúa phong kiến Ấn Độ để cai trị
- D. Là sự kết hợp giữa bộ máy chính quyền thực dân và các chúa phong kiến

Câu 8. Để tạo chỗ dựa vững chắc cho nền thống trị của mình tại Ấn Độ, thực dân Anh đã thực hiện thủ đoạn

- A. Dung dưỡng giai cấp tư sản Ấn Độ
- B. Loại bỏ các thế lực chống đối
- C. Cầu kết với các chúa phong kiến Ấn Độ
- D. Chia để trị

Câu 9. Ngày 1 - 1 – 1877, Nữ hoàng Anh tuyên bố

- A. Đồng thời là nữ hoàng Ấn Độ
- B. Đồng thời là Thủ tướng Ấn Độ
- C. Ấn Độ là một bộ phận không thể tách rời của nước Anh

D. Nói lỏng quyền tự trị cho Ấn Độ

Câu 10. Ý nào không phải là chính sách cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ?

- A. Chia để trị, chia rẽ người Ấn với các dân tộc khác ở Ấn Độ
- B. Mua chuộc tầng lớp có thế lực trong giai cấp phong kiến bản xứ
- C. Du nhập và tạo điều kiện cho sự phát triển của Thiên Chúa giáo ở Ấn Độ
- D. Khơi gợi sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, đẳng cấp trong xã hội

Câu 11. Điểm giống nhau cơ bản trong chính sách cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ và của thực dân Pháp ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX là

- A. Đầu thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc phục vụ công cuộc khai thác
- B. Đầu thực hiện chế độ cai trị trực trị, cai trị trực tiếp, chia để trị
- C. Đầu tư phát triển công nghiệp ở thuộc địa
- D. Thực hiện chế độ cai trị gián trị, cai trị gián tiếp thông qua bộ máy chính quyền tay sai

Câu 12. Từ giữa thế kỉ XIX, thành phần xã hội dần dần đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội ở Ấn Độ là

- A. Giai cấp công nhân
- B. Giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức
- C. Địa chủ và tư sản
- D. Tư sản và công nhân

Câu 13. Việc làm nào của giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức Ấn Độ cho thấy vai trò quan trọng của họ trong đời sống xã hội từ giữa thế kỉ XIX?

- A. Thành lập xưởng đóng tàu và làm đại lí vận tải cho hãng tàu của Anh
- B. Mở xí nghiệp dệt và làm đại lí cho các hãng buôn của Anh
- C. Xây dựng các khu công nghiệp quy mô của người Ấn
- D. Đầu tư khai thác mỏ, cạnh tranh với tư sản Anh

Câu 14. Nguyên vọng nào của giai cấp tư sản Ấn Độ đã không được thực dân Anh chấp nhận

- A. Muốn được tham gia chính quyền và hợp tác với tư sản Anh
- B. Muốn được tự do phát triển kinh tế và tham gia chính quyền
- C. Muốn được Chính phủ Anh đầu tư vốn để phát triển sản xuất
- D. Muốn được cạnh tranh bình đẳng với tư sản Anh ở Ấn Độ

Câu 15. Cuối năm 1885, chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ được thành lập với tên gọi

- A. Đảng Quốc dân đại hội (Đảng Quốc đại)
- B. Đảng Dân chủ
- C. Quốc dân đảng
- D. Đảng Cộng hòa

Câu 16. Sự thành lập của chính đảng đó có ý nghĩa gì

- A. Đánh dấu giai cấp tư sản Ấn Độ đã bước lên vũ đài chính trị
- B. Chế độ cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ suy yếu
- C. Giai cấp tư sản Ấn Độ có tiềm lực kinh tế mạnh
- D. Giai cấp công nhân Ấn Độ đã bước lên vũ đài chính trị

Câu 17. Phương pháp đấu tranh chủ yếu của Đảng Quốc đại trong những năm cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX là

- A. Tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng bạo lực cách mạng
- B. Ôn hòa, đòi chính phủ thực dân tiến hành cải cách
- C. Bạo động, lật đổ chính quyền thực dân Anh ở Ấn Độ
- D. Hợp tác với chính phủ thực dân để đàn áp quần chúng

Câu 18. Trong đấu tranh, Đảng Quốc đại đã đưa ra yêu cầu gì đối với chính phủ thực dân Anh?

- A. Được tham gia bộ máy chính quyền, tự do phát triển kỹ nghệ, thực hiện một số cải cách giáo dục, xã hội.
- B. Được điều hành các hội đồng trị sự, tham gia phát triển công nghệ, tiến hành một số cải cách giáo dục, xã hội
- C. Được nắm chính quyền, phát triển kỹ nghệ, thực hiện một số cải cách giáo dục, xã hội.
- D. Được tham gia các hội đồng trị sự, được giúp đỡ để phát triển kỹ nghệ, thực hiện một số cải cách giáo dục, xã hội.

Câu 19. Nguyên nhân khiến thực dân Anh không chấp nhận yêu cầu về chính trị, kinh tế, văn hóa của Đảng Quốc đại là gì?

- A. Muốn duy trì sự bảo thủ, lạc hậu, kìm hãm sự phát triển của thuộc địa để dễ bề cai trị
- B. Muốn tư sản Ấn Độ phải luôn phục tùng chính quyền thực dân Anh về mọi mặt
- C. Muốn giai cấp tư sản Ấn Độ phải thỏa hiệp với chính quyền thực dân Anh
- D. Muốn kìm hãm sự phát triển của giai cấp tư sản Ấn Độ để dễ bề sai khiến

Câu 20. Đảng Quốc đại bị chia rẽ thành hai phái vì

- A. Thái độ thỏa hiệp của các đảng viên và chính sách hai mặt của chính quyền thực dân Anh
- B. Thái độ thỏa hiệp của các đảng viên và chính sách mua chuộc của chính quyền thực dân Anh
- C. Thái độ thỏa hiệp của một số lãnh đạo Đảng và chính sách hai mặt của chính quyền thực dân Anh
- D. Thái độ thỏa hiệp của một số lãnh đạo Đảng và chính sách mua chuộc của chính quyền thực dân Anh

Câu 21. Trong Đảng Quốc đại, Tilắc là thủ lĩnh của phái

- A. Lập hiến B. Ôn hòa
- C. Cấp tiến D. Cộng hòa

Câu 22. Ý phản ánh đúng chủ trương đấu tranh của Tilắc là

- A. Tuyên truyền ý thức dân tộc, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân
- B. Phát động nhân dân lật đổ thực dân Anh, xây dựng quốc gia độc lập dân chủ
- C. Phản đối thái độ thỏa hiệp, đòi hỏi phải có thái độ kiên quyết chống thực dân Anh
- D. Tập hợp những trí thức tiến bộ để đấu tranh

Câu 23. Tháng 7 – 1905, chính quyền thực dân Anh đã ban hành đạo luật nào đối với Ấn Độ?

- A. Chia đôi xứ Benga B. Về chế độ thuế khóa
- C. Thống nhất xứ Benga D. Giáo dục

Câu 24. Sự kiện nào được nhân dân Ấn Độ coi là ngày “quốc tang”?

- A. Tilắc bị bắt B. Đảng Quốc đại tan rã
- C. Khởi nghĩa Bombay thất bại D. Đạo luật chia cắt Benga bắt đầu có hiệu lực

Câu 25. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa của nhân dân ở Bombay và Cancútta năm 1905 là

- A. Thực dân Anh đàn áp người Hồi giáo ở miền Đông và người theo đạo Hindu ở miền Tây
- B. Người Hồi giáo ở miền Đông và người theo đạo Hindu ở miền Tây bị áp bức, bóc lột nặng nề
- C. Đạo luật về chia cắt Benga có hiệu lực

D. Nhân dân ở Bombay và Cancúttá muốn lật đổ chính quyền thực dân Anh giành độc lập, dân chủ

Câu 26. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa ở Bombay (1908) là do nhân dân phản đối

- A. Chính sách chia để trị
- B. Bản án 6 năm tù đối với Tilắc
- C. Đạo luật chia đôi xứ Benga
- D. Đời sống nhân dân cực khổ

Câu 27. Kết quả của cuộc khởi nghĩa Bombay là buộc thực dân Anh phải

- A. Tuyên bố trao trả độc lập cho Ấn Độ
- B. Thu hồi đạo luật chia cắt Benga
- C. Nói lòng ách cai trị Ấn Độ
- D. Trả tự do cho Tilắc

Câu 28. Lực lượng lãnh đạo cao trào cách mạng 1905 – 1908 ở Ấn Độ là

- A. Một bộ phận giai cấp tư sản Ấn Độ
- B. Giai cấp công nhân Ấn Độ
- C. Giai cấp nông dân Ấn Độ
- D. Tầng lớp trí thức ở Ấn Độ

Câu 29. Điểm khác biệt giữa cao trào cách mạng 1905 – 1908 với các phong trào trước đó ở Ấn Độ là

- A. Có sự tham gia đông đảo của hàng vạn công nhân ở nhiều thành phố trên cả nước
- B. Có quy mô lớn, nêu cao khẩu hiệu đấu tranh “Ấn Độ của người Ấn Độ”
- C. Diễn ra dưới hình thức một cuộc tổng bãi công, lan rộng ra nhiều thành phố
- D. Do một bộ phận giai cấp tư sản lãnh đạo, mang đậm ý thức dân tộc, đấu tranh cho một nước Ấn Độ độc lập và dân chủ

Câu 30. Cuộc đấu tranh nào đã buộc thực dân Anh phải thu hồi đạo luật chia cắt Benga?

- A. Cuộc tổng bãi công của hàng vạn công nhân Bombay
- B. Cuộc khởi nghĩa của binh lính Xipay
- C. Cuộc khởi nghĩa ở Cancúttá
- D. Cuộc khởi nghĩa ở Đêli

Câu 31. Phong trào dân tộc ở Ấn Độ phải tạm ngừng vì

- A. Chính sách chia rẽ của thực dân Anh và sự phân hóa của Đảng Quốc đại
- B. Chính sách chia rẽ của thực dân Anh và sự can thiệp từ bên ngoài
- C. Sự đàn áp của thực dân Anh và sự thoả hiệp của Đảng quốc đại
- D. Sự đàn áp của thực dân Anh và B.Tilắc đã bị bắt

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	D	A	A	B
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	A	D	A	C
Câu	11	12	13	14	15

Đáp án	B	B	B		B	A
Câu	16	17	18		19	20
Đáp án	A	B	D		A	C
Câu	21	22	23	24	25	26
Đáp án	C	B	A	D	C	B
Câu	27	28	29	30	31	
Đáp án	B	A	D	A	A	

BÀI 3: TRUNG QUỐC

Câu 1. Từ thế kỉ XVIII, nhất là sang thế kỉ XIX, Trung Quốc đứng trước nguy cơ trở thành

- A. “sân sau” của các nước đế quốc
- B. “ván bài” trao đổi giữa các nước đế quốc
- C. “quân cờ” cho các nước đế quốc điều khiển
- D. “miếng mồi” cho các nước đế quốc phân chia, xâu xé

Câu 2. Yếu tố nào giúp các nước đế quốc xâu xé được Trung Quốc?

- A. Phong trào bãi công của công nhân lan rộng khắp cả nước
- B. Thái độ thỏa hiệp của giai cấp tư sản
- C. Thái độ thỏa hiệp của triều đình Mãn Thanh
- D. Phong trào nông dân chống phong kiến bùng nổ

Câu 3. Với hiệp ước Nam Kinh, Trung Quốc đã trở thành một nước

- A. Nửa thuộc địa, nửa phong kiến
- B. Thuộc địa, nửa phong kiến
- C. Phong kiến quân phiệt
- D. Phong kiến độc lập

Câu 4. Phong trào đấu tranh chống thực dân, phong kiến của nhân dân Trung Quốc bắt đầu từ

- A. Đầu thế kỉ XIX B. Giữa thế kỉ XIX
- C. Cuối thế kỉ XIX D. Đầu thế kỉ XX

Câu 5. Chiến tranh thuốc phiện năm 1840 – 1842 là cuộc chiến tranh giữa

- A. Pháp và Trung Quốc B. Anh và Trung Quốc
- C. Anh và Pháp D. Đức và Trung Quốc

Câu 6. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc là

- A. Trần Thắng B. Ngô Quảng
- C. Hồng Tú Toàn D. Chu Nguyên Chương

Câu 7. Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc nổ ra tại

- A. Kim Điền (Quảng Tây) B. Dương Tử (Quảng Đông)
- C. Mãn Châu (vùng Đông Bắc) D. Nam Kinh (Quảng Đông)

Câu 8. Kết quả lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc là

- A. Xây dựng được chính quyền Trung ương Thiên Kinh (Nam Kinh)
- B. Buộc các nước đế quốc phải thu hẹp vùng chiếm đóng
- C. Xóa bỏ sự tồn tại của chế độ phong kiến
- D. Mở rộng căn cứ khởi nghĩa ra khắp cả nước

Câu 9. Chính sách tiến bộ nhất của chính quyền Trung ương Thiên Kinh (Nam Kinh) là

- A. Thực hiện chính sách bình quân ruộng đất, bình quyền nam nữ
- B. Xóa bỏ sự bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến
- C. Xóa bỏ mọi loại thuế khóa cho nhân dân
- D. Thực hiện các quyền ự do dân chủ

Câu 10. Người khởi xướng cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là

- A. Hồng Tú Toàn và Lương Khải Siêu
- B. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu
- C. Từ Hi Thái hậu và Khang Hữu Vi
- D. Khang Hữu Vi và Tôn Trung Sơn

Câu 11. Mục đích chính của cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là

- A. Khẳng định vai trò quan lại, sĩ phu tiến bộ
- B. Đưa Trung Quốc phát triển thành một cường quốc ở Châu Á
- C. Thực hiện những cải cách tiến bộ để cải thiện đời sống nhân dân
- D. Đưa Trung Quốc phát triển, thoát khỏi tình trạng bị các nước đế quốc xâm xé

Câu 12. Vị vua nào đã ủng hộ cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc

- A. Khang Hi B. Càn Long
- C. Quang Tự D. Vĩnh Khang

Câu 13. Cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc phát triển chủ yếu trong lực lượng nào?

- A. Đông đảo nhân dân
- B. Tầng lớp công nhân vừa mới ra đời
- C. Giai cấp địa chủ phong kiến
- D. Tầng lớp quan lại, sĩ phu có tư tưởng tiên tiến

Câu 14. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự thất bại nhanh chóng của cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là

- A. Không dựa vào lực lượng nhân dân
- B. Chưa được chuẩn bị kĩ về mọi mặt
- C. Những người lãnh đạo chưa có nhiều kinh nghiệm
- D. Sự chống đối, đàn áp của phái thủ cựu do Từ Hi Thái hậu đứng đầu

Câu 15. Phong trào Nghĩa Hòa đoàn bùng nổ đầu tiên tại

- A. Sơn Đông B. Trục Lệ
- C. Sơn Tây D. Vân Nam

Câu 16. Phong trào Nghĩa Hòa đoàn nhằm mục tiêu

- A. tấn công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh
- B. tấn công trụ sở của chính quyền phong kiến Mãn Thanh
- C. tấn công tô giới của các nước đế quốc tại Trung Quốc
- D. đánh đuổi đế quốc khỏi đất nước Trung Quốc

Câu 18. Nội dung chính của Điều ước Tân Sửu (1901) là

- A. Trả lại cho nhà Thanh một số vùng đất và các nước đế quốc được phép chiếm đóng Bắc Kinh

- B. Nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và buộc phải để cho các nước chiếm đóng Bắc Kinh
- C. Nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và cắt đất cho các nước đế quốc thiết lập các vùng tô giới
- D. Nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và mở cửa tự do cho người nước ngoài vào Trung Quốc buôn bán

Câu 19. Điều ước Tân Sửu (1901) đánh dấu

- A. Trung Quốc bị biến thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến
- B. Các nước đế quốc đã chia sẻ xong “cái bánh ngọt” Trung Quốc
- C. Triều đình Mãn Thanh đầu hàng hoàn toàn, nhà nước phong kiến Trung Quốc sụp đổ
- D. Trung Quốc trở thành thuộc địa của các nước đế quốc phương Tây

Câu 20. Đầu thế kỉ XX, phong trào cách mạng ở Trung Quốc phát triển theo khuynh hướng nào?

- A. Vô sản B. Phong kiến
- C. Tự do dân chủ D. Dân chủ tư sản

Câu 21. Lãnh tụ của phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc những năm đầu thế kỉ XX là

- A. Tôn Trung Sơn B. Hồng Tú Toàn
- C. Khang Hữu Vi D. Lương Khải Siêu

Câu 22. Chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Trung Quốc là

- A. Trung Quốc Đồng minh hội
- B. Trung Quốc Quang phục hội
- C. Trung Quốc Nghĩa đoàn hội
- D. Trung Quốc Liên minh hội

Câu 23. Trung Quốc Đồng minh hội là tổ chức của

- A. Giai cấp vô sản Trung Quốc
- B. Giai cấp nông dân Trung Quốc
- C. Giai cấp tư sản dân tộc Trung Quốc
- D. Liên minh giữa tư sản và vô sản Trung Quốc

Câu 24. Cương lĩnh chính trị của Trung Quốc Đồng minh hội là

- A. Học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn
- B. Học thuyết Tam dân của Khang Hữu Vi
- C. Học thuyết Tam dân của Lương Khải Siêu
- D. Học thuyết Tam dân của Từ Hi Thái hậu

Câu 25. Lực lượng tham gia Trung Quốc Đồng minh hội là

- A. Công nhân, trí thức tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh
- B. Nông dân, trí thức tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh
- C. Trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh, đại biểu công nông
- D. Công nhân, nông dân, trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh

Câu 26. Để trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, chính quyền Mãn Thanh đã làm gì?

- A. Ra sắc lệnh “Quốc hữu hóa đường sắt”
- B. Quyết định thực hiện công nghiệp hóa đất nước
- C. Trao quyền kinh doanh đường sắt cho công ti nước ngoài

D. Xây dựng mạng lưới đường sắt đến các thành phố lớn ở Trung Quốc

Câu 27. Ý nào không thể hiện đúng mục tiêu hoạt động của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội?

A. Đánh đổ Mãn Thanh

B. Tấn công tô giới của các nước đế quốc tại Trung Quốc

C. Khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc

D. Thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất cho dân cày

Câu 28. Cuộc khởi nghĩa do Trung Quốc Đồng minh hội phát động diễn ra đầu tiên ở đâu?

A. Bắc Kinh B. Vũ Hán

C. Vũ Xương D. Nam Kinh

Câu 29. Trung Quốc Đồng minh hội chủ trương đưa cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đường nào?

A. Đấu tranh bạo động B. Cách mạng vô sản

C. Đấu tranh ôn hòa D. Dân chủ tư sản

Câu 30. Thành quả lớn nhất của cuộc Cách mạng Tân Hợi do Trung Quốc Đồng minh hội lãnh đạo là

A. Đem lại ruộng đất cho nông dân nghèo

B. Thành lập Trung Hoa Dân quốc

C. Công nhận quyền bình đẳng và quyền tự do cho mọi công dân

D. Buộc các nước đế quốc phải xóa bỏ hiệp ước bất bình đẳng đã kí

Câu 31. Ý nào không phải là ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911)?

A. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển

B. Chấm dứt sự thống trị của các nước đế quốc ở Trung Quốc

C. Tác động đến phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước Châu Á

D. Lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ phong kiến ở Trung Quốc

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	
Đáp án	D	C	A	B	B	
Câu	6	7	8	9	10	
Đáp án	C	A	A	A	B	
Câu	11	12	13	14	15	
Đáp án	D	C	D	A	A	
Câu	16	17	18	19	20	
Đáp án	A	C	B	A	D	
Câu	21	22	23	24	25	26
Đáp án	A	A	C	A	C	A

Câu	27	28	29	30	31	
Đáp án	B	C	D	B	B	

BÀI 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

Câu 1. Thực dân Pháp đã chiếm những quốc gia nào ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX?

- A. Philippin, Brunây, Xingapo B. Việt Nam, Lào, Campuchia
C. Xiêm (Thái Lan), Indônêxia D. Malaixia, Miến Điện (Mianma)

Câu 2. Từ nửa sau thế kỉ XIX, các nước Đông Dương trở thành thuộc địa của

- A. Thực dân Anh B. Thực dân Pháp
C. Thực dân Hà Lan D. Thực dân Tây Ban Nha

Câu 3. Sự kiện nổi bật nào diễn ra ở Campuchia năm 1863?

- A. Thực dân Pháp buộc Campuchia phải chấp nhận quyền bảo hộ của chúng
B. Chính phủ Campuchia kí hiệp ước thừa nhận trở thành thuộc địa của Pháp
C. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha bùng nổ mạnh mẽ, lan rộng khắp cả nước
D. Cuộc khởi nghĩa của Acha Xoa phát triển mạnh mẽ ở vùng biên giới giáp Việt Nam

Câu 4. Ông vua nào ở Campuchia buộc phải chấp nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp?

- A. Sivôtha B. Xihanúc
C. Nôrôđôm D. Pucômbô

Câu 5. Sự kiện nổi bật nào diễn ra ở Campuchia năm 1884?

- A. Thực dân Pháp buộc Campuchia phải chấp nhận quyền bảo hộ của chúng
B. Chính phủ Campuchia kí hiệp ước thừa nhận trở thành thuộc địa của Pháp
C. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha bùng nổ mạnh mẽ, lan rộng khắp cả nước
D. Cuộc khởi nghĩa của Acha Xoa phát triển mạnh mẽ ở vùng biên giới giáp Việt Nam

Câu 6. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nhiều cuộc khởi nghĩa ở Campuchia bùng nổ cuối thế kỉ XIX là do

- A. Chính sách thống trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp
B. Giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp
C. Ách áp bức bóc lột nặng nề của chế độ phong kiến
D. Nhân dân bất bình trước thái độ nhu nhược của hoàng tộc

Câu 7. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp ở Campuchia trong những năm 1861 – 1892 là

- A. Acha Xoa B. Pucômbô
C. Commađam D. Sivôtha

Câu 8. Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Campuchia chống hực dân Pháp rong những năm 1863 – 1866 do ai lãnh đạo?

- A. Acha Xoa B. Pucômbô
C. Commađam D. Sivôtha

Câu 9. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha chống thực dân Pháp ở Campuchia là

- A. Ách áp bức bóc lột của chế độ phong kiến
B. Giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp đàn áp nhân dân
C. Thái độ nhu nhược của triều đình đối với quân Xiêm
D. Ách thống trị của thực dân Pháp gây nên nổi bất bình trong hoàng tộc và các tầng lớp nhân dân

Câu 10. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha chống thực dân Pháp ở Campuchia cuối thế kỉ XIX nổ ra mạnh nhất ở đâu?

- A. Xiêm Riệp và Uđông B. Uđông và Phnôm Pênh
C. Khăm Muộn và Xiêm Riệp D. Phnôm Pênh và Khăm Muộn

Câu 11. Acha Xoa đã mượn vùng đất nào của Việt Nam để làm bàn đạp tấn công quân Pháp ở Campuchia?

- A. Châu Đốc, Tịnh Biên B. Châu Đốc, Hà Tiên
C. Châu Đốc, Thất Sơn D. Châu Đốc, Tây Ninh

Câu 12. Năm 1864, nghĩa quân của Acha Xoa đã chiếm được vùng đất nào ở Campuchia?

- A. Uđông B. Paman
C. Campôt D. Phnôm Pênh

Câu 13. Cuộc khởi nghĩa được xem là biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia là

- A. Khởi nghĩa của Acha Xoa B. Khởi nghĩa của Pucômbô
C. Khởi nghĩa của Commađam D. Khởi nghĩa của Hoàng thân Sivôtha

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa của Pucômbô đã lấy vùng đất nào ở Việt Nam để xây dựng căn cứ?

- A. Châu Đốc B. Tây Ninh
C. Thất Sơn D. An Giang

Câu 15. Lực lượng tham gia cuộc khởi nghĩa của Pucômbô bao gồm

- A. Người Khome, Chăm, Xtiêng, Kinh
B. Người Khome, Chăm, Êđê, Kinh
C. Người Khome, Chăm, Xtiêng, Bana
D. Người Khome, Chăm, Xơđăng, Chứt

Câu 16. Năm 1866, nghĩa quân của Pucômbô đã chiếm được vùng đất nào ở Campuchia?

- A. Uđông B. Paman
C. Campôt D. Phnôm Pênh

Câu 17. Lực lượng nghĩa quân nào ở Việt Nam đã liên kết với nghĩa quân của Pucômbô?

- A. Trương Quyền, Nguyễn Trung Trực
B. Trương Định, Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương)
C. Trương Quyền, Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương)
D. Trương Định, Nguyễn Hữu Huân (Thủ khoa Huân)

Câu 18. Ý nghĩa nào phản ánh đúng sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam đối với cuộc khởi nghĩa của Pucômbô?

- A. Nhân dân ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ thường xuyên cung cấp vũ khí, đạn dược cho nghĩa quân
B. Nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ thường xuyên cung cấp lương thực, vũ khí cho nghĩa quân
C. Nhân dân sáu tỉnh Nam Kỳ thường xuyên tham gia huấn luyện quân sự, cung cấp lương thực cho nghĩa quân
D. Nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ thường xuyên phối hợp chiến đấu cùng nghĩa quân

Câu 19. Năm 1893, sự kiện nào đã diễn ra liên quan đến vận mệnh của nước Lào?

- A. Chính phủ Xiêm kí hiệp ước thừa nhận quyền cai trị của Pháp ở Lào
- B. Các đoàn hám hiểm của Pháp bắt đầu xâm nhập nước Lào
- C. Nghĩa quân của Phacađuốc giải phóng được tỉnh Xavannakhét
- D. Nghĩa quân Phacađuốc quyết định lập căn cứ tại tỉnh Xavannakhét

Câu 20. Kết quả lớn nhất mà cuộc khởi nghĩa Phacađuốc ở Lào mang lại là

- A. Giải phóng Luông Phabang và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
- B. Giải phóng Uđông và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
- C. Giải phóng cao nguyên Bôlôven và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt – Lào
- D. Giải phóng Xavannakhét và mở rộng hoạt động sang cả vùng biên giới Việt - Lào

Câu 21. Cuộc khởi nghĩa trên cao nguyên Bôlôven ở Lào trong những năm 1901 – 1937 do ai lãnh đạo?

- A. Phacađuốc B. Ong Kẹo và Commađam
- C. Pucômbô D. Thiên hộ Dương

Câu 22. Ý nào phản ánh đúng về tình hình ở Lào vào năm 1937?

- A. Cuộc khởi nghĩa của nhân dân ở vùng biên giới Việt – Lào kết thúc
- B. Cuộc khởi nghĩa do Ong Kẹo và Commađam lãnh đạo kết thúc
- C. Cuộc khởi nghĩa do Phacađuốc lãnh đạo kết thúc

Câu 23. Ý nào không phản ánh đúng nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự thất bại của các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Đông Dương cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

- A. Mang tính tự phát
- B. Lực lượng quân Pháp ở Đông Dương rất mạnh, đủ sức đàn áp phong trào
- C. Thiếu đường lối đúng đắn và thiếu tổ chức mạnh
- D. Chưa có sự đoàn kết, phối hợp đấu tranh

Câu 24. Từ thời vua Môngkút (Rama IV, trị vì từ năm 1851 đến năm 1868), nước Xiêm (Thái Lan) đã thực hiện chủ trương gì để phát triển đất nước?

- A. Kêu gọi vốn đầu tư từ nước ngoài
- B. Mở cửa buôn bán với bên ngoài.
- C. Kêu gọi sự ủng hộ của Pháp
- D. Ban bố các đạo luật nhằm phát triển kinh tế

Câu 25. Triều đại tạo nên bộ mặt mới, phát triển nước Xiêm theo hướng tư bản chủ nghĩa là

- A. Rama B. Rama IV
- C. Rama V D. Chulalongcon

Câu 26. Năm 1887, đường xe điện được xây dựng sớm nhất Đông Nam Á tại nước nào?

- A. Lào B. Việt Nam
- C. Myanmar D. Xiêm (Thái Lan)

Câu 27. Những cải cách ở Xiêm từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX đều theo khuôn mẫu từ

- A. Các nước phương Đông B. Các nước phương Tây
- C. Nhật Bản D. Trung Quốc

Câu 28. Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị các nước đế quốc biến thành thuộc địa vì

- A. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo
- B. Thực hiện chính sách dựa vào các nước lớn

C. Tiến hành cải cách để phát triển nguồn lực đất nước, thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo

D. Chấp nhận kí kết các hiệp ước bất bình đẳng với các đế quốc Anh, Pháp

Câu 29. Chính sách ngoại giao mềm dẻo của Xiêm được thể hiện ở việc

A. Vừa lợi dụng Anh - Pháp vừa tiến hành cải cách để tạo nguồn lực cho đất nước

B. Vừa lợi dụng vị trí nước “đệm” giữa hai thế lực Anh – Pháp vừa cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc để giữ gìn chủ quyền

C. Vừa lợi dụng vị trí nước “đệm” vừa chấp nhận kí kết hiệp ước bất bình đẳng với các đế quốc Anh, Pháp

D. Vừa lợi dụng vị trí nước “đệm” vừa phát huy nguồn lực của đất nước để phát triển

Câu 30. Chính sách ngoại giao đã đưa đến hậu quả gì cho nước Xiêm?

A. Đất nước chịu nhiều lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh và Pháp

B. Đất nước bị các nước Anh, Pháp chia cắt, thống trị

C. Đất nước chịu nhiều áp lực từ các nước lớn

D. Đất nước thường xuyên lâm vào tình trạng khủng hoảng, bất ổn

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	B	A	C	B
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	A	D	B
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	B	C	B	B	A
Câu	16	17	18	19	20
Đáp án	B	C	B	A	D
Câu	21	22	23	24	25
Đáp án	B	B	B	B	C
Câu	26	27	28	29	30
Đáp án	D	B	C	B	A

BÀI 5: CHÂU PHI VÀ CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH (CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu nào khiến các nước tư bản phương Tây đua nhau xâm xé Châu Phi?

A. Lục địa châu Phi rộng lớn, giàu tài nguyên

B. Trình độ phát triển chung của châu Phi thấp, chưa biết sử dụng đồ sắt

C. Các nước tư bản phương Tây cạnh tranh gay gắt để tìm thị trường

D. Dân cư sinh sống ở châu Phi thừa thớt, trình độ dân trí thấp

Câu 2. Các nước tư bản phương Tây đua nhau xâm xé châu Phi vào khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 50 – 60 của thế kỉ XIX
- B. Những năm 60 – 70 của thế kỉ XIX
- C. Những năm 70 – 80 của thế kỉ XIX
- D. Những năm 80 – 90 của thế kỉ XIX

Câu 3. Các nước tư bản phương Tây đua nhau xâm xé châu Phi khi

- A. Kênh đào Xuyê hoàn thành
- B. Kênh đào Panama hoàn hành
- C. Nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân bùng nổ
- D. Chính quyền nhiều quốc gia châu Phi suy yếu

Câu 4. Một sự kiện nổi bật đã diễn ra ở Ai Cập năm 1882 là

- A. Đức độc chiếm Ai Cập, kiểm soát kênh đào Xuyê
- B. Anh độc chiếm Ai Cập, kiểm soát kênh đào Xuyê
- C. Pháp độc chiếm Ai Cập, kiểm soát kênh đào Xuyê
- D. Bồ Đào Nha độc chiếm Ai Cập, kiểm soát kênh đào Xuyê

Câu 5. Các nước phương Tây xâm chiếm hệ thống huộc địa ở châu Phi theo thứ tự là

- A. Anh, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Bỉ
- B. Anh, Đức, Pháp, Bồ Đào Nha, Bỉ
- C. Anh, Bồ Đào Nha, Pháp, Đức, Bỉ
- D. Anh, Bỉ, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha

Câu 6. Việc phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc ở châu Phi căn bản hoàn thành vào thời gian nào?

- A. Đầu thế kỉ XIX B. Giữa thế kỉ XIX
- C. Cuối thế kỉ XIX D. Đầu thế kỉ XX

Câu 7. Ý không phản ánh điểm giống nhau trong chín sách thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở châu Phi và châu Á là

- A. Chế độ cai trị hà khắc
- B. Cầu kết với phong kiến và các thế lực tay sai
- C. Đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp
- D. Thực hiện chính sách “chia để trị”

Câu 8. Cuộc khởi nghĩa của Ápđên Căđe ở Angiêri (1830 – 1847) nhằm chống lại kẻ thù nào?

- A. Thực dân Anh B. Thực dân Bồ Đào Nha
- C. Thực dân Pháp D. Thực dân Tây Ban Nha

Câu 9. Người đứng đầu tổ chức chính trị bí mật “Ai Cập trẻ” là

- A. Đại tá Átmét Arabi B. Ápđên Căđe
- C. Muhamét Átmét D. Ápđên Phata en Sisi

Câu 10. Tổ chức chính trị bí mật “Ai Cập trẻ” được thành lập, đã

- A. Kêu gọi đối phó với các thế lực thù địch
- B. Tập hợp, tổ chức những thanh niên yêu nước
- C. Chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa vũ trang
- D. Đề ra những cải cách mang tính chất tư sản

Câu 11. Người lãnh đạo cuộc đấu tranh chống thực dân Anh của nhân dân Xudăng năm 1882 là

- A. Nhà sư Pucômbô
- B. Nhà chính trị Áptên Cade
- C. Nhà quân sự Átmét Arabi
- D. Nhà truyền giáo Muhamét Átmét

Câu 12. Cuối thế kỉ XIX cuộc đấu tranh nào của nhân dân châu Phi chống thực dân phương Tây được xem là tiêu biểu nhất?

- A. Cuộc đấu tranh của nhân dân Ai Cập
- B. Cuộc đấu tranh của nhân dân Angiêri
- C. Cuộc đấu tranh của nhân dân Môđambích
- D. Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Êtiôpia

Câu 13. Nhân dân Êtiôpia đã bảo vệ được nền độc lập trước sự xâm lược của thực dân

- A. Anh B. Pháp
- C. Đức D. Italia

Câu 14. Hai nước ở châu Phi vẫn giữ được nền độc lập trước sự xâm lược của thực dân phương Tây ở cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX là

- A. Êtiôpia và Ai Cập B. Angiêri và Tuynidi
- C. Xuđăng và Ănggôla D. Êtiôpia và Libêria

Câu 15. Quân Italia đã bị thảm bại trong trận đánh nào ở Êtiôpia

- A. Adua B. Hôlétta
- C. Sentada D. Áptđi Ababa

Câu 16. Nguyên nhân dẫn đến hã bại trong phong trào đấu tranh chống thực dân phương Tây của nhân dân châu Phi là

- A. Các phong trào diễn ra lẻ tẻ
- B. Chưa có chính đảng lãnh đạo
- C. Chưa có sự liên kết đấu tranh
- D. Trình độ tổ chức thấp, lực lượng chênh lệch

Câu 17. Khu vực Mĩ Latinh bao gồm

- A. Toàn bộ khu vực phía Tây của châu Mĩ
- B. Toàn bộ lãnh thổ rộng lớn của châu Mĩ
- C. Trung Mĩ, Nam Mĩ một phần Bắc Mĩ và những quần đảo thuộc vùng biển Caribê
- D. Bắc Mĩ, Trung Mĩ, một phần Nam Mĩ

Câu 18. Thực dân phương Tây đã thống trị các nước Mĩ Latinh từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVII là

- A. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha B. Anh, Tây Ban Nha
- C. Pháp, Bồ Đào Nha D. Đức, Hà Lan

Câu 19. Chính sách thống trị nổi bật của thực dân phương Tây ở Mĩ Latinh là

- A. Thiết lập chế độ thống trị phản động, gây ra nhiều tội ác dã man, tàn khốc
- B. Thi hành chính sách thực dân mới, trao quyền cho người bản xứ
- C. Lôi kéo lực lượng tay sai, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc
- D. Thành lập các tổ chức chính trị, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc

Câu 20. Nước cộng hòa da đen đầu tiên ở Mĩ Latinh được thành lập năm 1804 là

- A. Pêru B. Haiti
- C. Mêhicô D. Puéchiên tranhô Ricô

Câu 21. Cuộc đấu tranh của nhân dân Haiti dưới sự lãnh đạo của Tútxanh Luyéchiên tranhhuya nhằm chống lại kẻ thù là

- A. Pháp B. Italia

C. Tây Ban Nha D. Bồ Đào Nha

Câu 22. Các quốc gia độc lập ở châu Mỹ Latinh lần lượt được hình thành vào thời gian nào?

- A. Hai thập niên đầu thế kỉ XVIII
- B. Hai thập niên cuối thế kỉ XVIII
- C. Hai thập niên đầu thế kỉ XIX
- D. Hai thập niên cuối thế kỉ XIX

Câu 23. Sau khi giành được độc lập, vấn đề quan trọng nhất mà nhân dân Mỹ Latinh phải tiếp tục đối mặt là

- A. Tình trạng nghèo đói
- B. Kinh tế, xã hội lạc hậu
- C. Các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo
- D. Chính sách bành trướng của Mỹ

Câu 24. Học thuyết của Mỹ về châu Mỹ Latinh có tên gọi là

- A. Học thuyết Môn-rô B. Học thuyết đôm-inô
- C. Học thuyết Aixenhao D. Học thuyết Truman

Câu 25. Mục đích của Mỹ trong việc đề xướng học thuyết “Châu Mỹ của người châu Mỹ” ở thế kỉ XIX là

- A. Giúp đỡ nhân dân các nước Mỹ Latinh
- B. Vì quyền lợi của mọi công dân Mỹ Latinh
- C. Bảo vệ độc lập, chủ quyền cho các nước Mỹ Latinh
- D. Độc chiếm khu vực Mỹ Latinh, biến Mỹ Latinh thành “sân sau” của Mỹ

Câu 26. Để thực hiện học thuyết Môn-rô về châu Mỹ Latinh, Mỹ đã làm gì?

- A. Thành lập tổ chức chính trị và tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược
- B. Thiết lập liên minh quân sự và tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược
- C. Dung chính sách ngoại giao để mua chuộc, chia rẽ các nước
- D. Dùng chính sách kinh tế để khống chế, nô dịch các nước

Câu 27. Ý nào không phản ánh đúng ý đồ của Mỹ trong việc thành lập tổ chức “Liên minh dân tộc các nước cộng hòa châu Mỹ” (gọi tắt là Liên Mỹ) năm 1889?

- A. Tiếp tục bành trướng ở khu vực Mỹ Latinh
- B. Đoàn kết với các nước châu Mỹ để cùng phát triển
- C. Lấy danh nghĩa đoàn kết với các nước châu Mỹ nhằm biến khu vực Mỹ Latinh thành “sân sau” của đế quốc Mỹ
- D. Độc chiếm vùng lãnh thổ giàu có ở Mỹ Latinh

Câu 28. Năm 1898, Mỹ gây chiến với Tây Ban Nha nhằm mục đích gì?

- A. Tranh giành ảnh hưởng với Tây Ban Nha tại khu vực Mỹ Latinh
- B. Thể hiện sức mạnh của Mỹ ở khu vực Mỹ Latinh
- C. Chiếm những thuộc địa của Tây Ban Nha
- D. Đánh bại thực dân Tây Ban Nha

Câu 29. Chính sách “Cái gậy lớn” và “Ngoại giao đồng đô-la” được Mỹ đề xướng vào thời gian nào?

- A. Cuối thế kỉ XIX B. Đầu thế kỉ XX
- C. Giữa thế kỉ XX D. Cuối thế kỉ XX

Câu 30. Thực chất của chính sách “Cái gậy lớn” và “Ngoại giao đồng đô-la” là

- A. Dùng sức mạnh kinh tế, ép các nước Mỹ Latinh phải phụ thuộc Mỹ
- B. Dùng sức mạnh quân sự, ngoại giao ép các nước Mỹ Latinh phải phụ thuộc Mỹ

C. Dùng sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao ép các nước Mỹ Latinh phải phụ thuộc vào Mỹ

D. Dùng sức mạnh của đồng đôla để chia các nước Mỹ Latinh, từ đó ép các nước này phải phụ thuộc Mỹ

Câu 31. Chính sách mà Mỹ đã thực hiện ở khu vực Mỹ Latinh từ đầu thế kỉ XX chính là biểu hiện của

A. Chủ nghĩa thực dân mới B. Chủ nghĩa thực dân cũ

C. Sự đồng hóa dân tộc D. Sự nô dịch văn hóa

Đáp án

Câu	1	2		3		4	5
Đáp án	A	C		A		B	A
Câu	6	7		8		9	10
Đáp án	D	C		C		A	D
Câu	11	12		13		14	15
Đáp án	D	D		D		D	D
Câu	16	17		18		19	20
Đáp án	D	C		A		A	B
Câu	21	22	23		24	25	26
Đáp án	A	D	D		A	D	A
Câu	27	28	29		30	31	
Đáp án	B	A	B		C	A	

BÀI 6: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

Câu 1. Sự kiện lịch sử thế giới nổi bật vào năm 1914 là

A. Hội nghị Vescxai được khai mạc tại Pháp

B. Hội nghị Oasinhton được tổ chức tại Mỹ

C. Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ

D. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ

Câu 12. Yếu tố nào đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

A. Sự phát triển không đều về kinh tế, chính trị của chủ nghĩa tư bản

B. Việc sở hữu các loại vũ khí có tính sát thương cao

C. Hệ thống thuộc địa không đồng đều

D. Tiềm lực quân sự của các nước tư bản phương Tây

Câu 3. Mâu thuẫn gay gắt giữa các nước đế quốc “già” và các nước đế quốc “trẻ” cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX chủ yếu vì

- A. Vấn đề sở hữu vũ khí và phương tiện chiến tranh mới
- B. Vấn đề thuộc địa
- C. Chiến lược phát triển kinh tế
- D. Mâu thuẫn trong chính sách đối ngoại

Câu 4. Chủ trương của giới cầm quyền Đức trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là

- A. Tiến hành các cuộc chiến tranh nhằm giành giật thuộc địa, chia lại thị trường
- B. Chủ động đàm phán với các nước đế quốc
- C. Liên minh với các nước đế quốc
- D. Gây chiến với các nước đế quốc láng giềng

Câu 5. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Chiến tranh Mĩ – Tây Ban Nha
2. Chiến tranh Trung – Nhật
3. Chiến tranh Anh – Bồ Đào Nha
4. Chiến tranh Nga – Nhật

- A. 1, 2, 3, 4
- B. 2, 1, 3, 4
- C. 3, 2, 1, 4
- D. 1, 4, 2, 3

Câu 6. Đức là kẻ hung hãn nhất trong cuộc đua giành thuộc địa cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX vì

- A. Nước Đức có tiềm lực kinh tế, quân sự nhưng lại ít thị trường, thuộc địa
- B. Nước Đức có lực lượng quân đội hùng mạnh, được huấn luyện đầy đủ
- C. Nước Đức có nền kinh tế phát triển mạnh nhất Châu Âu
- D. Giới quân phiệt Đức tự tin có thể chiến thắng các đế quốc khác

Câu 7. Dấu hiệu nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX quan hệ quốc tế giữa các đế quốc ở Châu Âu ngày càng căng thẳng?

- A. Sự hình thành các khối, các liên minh chính trị
- B. Sự hình thành các khối, các liên minh kinh tế
- C. Sự hình thành các khối, các liên minh quân sự
- D. Sự tập trung lực lượng quân sự ở biên giới giữa các nước

Câu 8. Những nước nào tham gia phe Liên minh?

- A. Anh, Pháp, Nga
- B. Anh, Đức, Italia
- C. Đức, Áo – Hung, Italia
- D. Đức, Pháp, Nga

Câu 9. Những nước nào tham gia phe hiệp ước?

- A. Anh, Pháp, Đức
- B. Anh, Pháp, Nga
- C. Mĩ, Đức, Nga
- D. Anh, Pháp, Mĩ

Câu 10. Ý nào không phản ánh đúng mục đích thành lập của hai khối quân sự đối đầu (Liên minh và Hiệp ước) đầu thế kỉ XX?

- A. Để lôi kéo đồng minh
- B. Để tăng cường chạy đua vũ trang
- C. Giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế đang bao trùm thế giới tư bản
- D. Ôm mộng xâm lược, cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của nhau

Câu 11. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội
- B. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân

D. Thái tử Áo – Hung bị một người yêu nước Xécbi ám sát

Câu 12. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội
- B. Mâu thuẫn giữa tư sản với chúa phong kiến ở các nước tư bản
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân ở các nước tư bản
- D. Thái tử Áo – Hung bị một người yêu nước Xécbi ám sát

Câu 13. Đức sử dụng chiến lược nào trong giai đoạn đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Đánh nhanh thắng nhanh/đánh chớp nhoáng
- B. Đánh cầm cự, vừa đánh vừa đàm phán
- C. Tiến công thẳng vào các đối thủ thuộc phe Hiệp ước
- D. Đánh lâu dài để gìn giữ lực lượng

Câu 14. Mục đích chính của Đức khi tiến công vào các nước thuộc phe Hiệp ước là

- A. Phô trương sức mạnh của Đức
- B. Thăm dò thái độ của các nước thuộc phe Hiệp ước
- C. Thăm dò thái độ của đồng minh các nước thuộc phe Hiệp ước
- D. Thăm dò sức mạnh của các nước thuộc phe Hiệp ước

Câu 15. Mở đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đức tập trung phần lớn binh lực ở mặt trận phía Tây để

- A. Dự định nhanh chóng đánh bại Ba Lan, rồi quay sang tấn công Nga
- B. Dự định nhanh chóng đánh bại Pháp, rồi quay sang tấn công Nga
- C. Dự định nhanh chóng đánh bại Anh, rồi quay sang tấn công Nga
- D. Dự định nhanh chóng đánh bại Bỉ, rồi quay sang tấn công Nga

Câu 16. Sự kiện nào đánh dấu sự thất bại của kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Đức trong giai đoạn đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Quân Đức tấn công Bỉ, chặn con đường ra biển, không cho quân Anh sang tiếp viện
- B. Quân Pháp phản công giành thắng lợi trên sông Máchu nhĩaơ, quân Anh đổ bộ lên lục địa châu Âu
- C. Quân Đức dồn binh lực sang mặt trận phía Đông, cùng quân Áo – Hung tấn công Nga quyết liệt
- D. Quân Nga tấn công vào Đông Phổ, buộc Đức phải điều quân từ mặt trận phía Tây về chống lại quân Nga

Câu 17. Hai bên tham chiến đưa những phương tiện chiến tranh mới (xe tăng, máy bay trinh sát và ném bom, hơi độc,...) vào thời điểm nào trong giai đoạn đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Năm 1914 B. Năm 1915
- C. Năm 1916 D. Năm 1917

Câu 18. Sự kiện nào đánh dấu kết thúc giai đoạn 1 của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Chiến dịch tấn công Vécdoong của Đức thất bại (12 – 1916)
- B. Pháp phản công và giành thắng lợi trên sông Máchu nhĩaơ (9 – 1914)
- C. Sau cuộc tấn công Nga quyết liệt của quân Đức – Áo – Hung (1915)
- D. Cả hai bên đưa vào cuộc chiến những phương tiện chiến tranh mới như xe tăng, máy bay trinh sát, ném bom (1915)...

Câu 19. Phe Liên minh Đức – Áo – Hung đánh mất quyền chủ động, lâm vào thế bị động trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất từ thời điểm nào?

- A. Đầu năm 1915 B. Cuối năm 1915
C. Đầu năm 1916 D. Cuối năm 1916

Câu 20. Đức đã làm gì để cắt đứt đường tiếp tế trên biển của phe Hiệp ước?

- A. Sử dụng máy bay trinh sát và ném bom
B. Ném bom và thả hơi độc
C. Mai phục và tiêu diệt
D. Sử dụng tàu ngầm

Câu 21. Mĩ giữ thái độ “trung lập” trong giai đoạn đầu của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất vì

- A. Muốn lợi dụng chiến tranh để bán vũ khí cho cả hai phe
B. Chưa đủ tiềm lực để tham chiến
C. Không muốn “hi sinh” một cách vô ích
D. Sợ quân Đức tấn công

Câu 22. Đến năm 1917, yếu tố nào tác động để Mĩ quyết định đứng về phe Hiệp ước trong Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Có đủ khả năng chi phối Hiệp ước
B. Các nước Đức – Áo – Hung đã suy yếu
C. Phong trào cách mạng ở các nước dâng cao
D. Phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mĩ phát triển mạnh

Câu 23. Mĩ chính thức tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất bằng việc làm nào?

- A. Kí Hiệp ước liên minh với Đức B. Tuyên chiến với Pháp
C. Tuyên chiến với Đức D. Tuyên chiến với Anh

Câu 24. Nội dung nào chi phối giai đoạn 2 của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga
B. Đức dồn lực lượng, quay lại đánh Nga và loại Italia ra khỏi vòng chiến
C. Tàu ngầm Đức vi phạm quyền tự do trên biển, tấn công phe Hiệp ước
D. Mĩ tuyên chiến với Đức, chính thức tham chiến và đứng về phe Hiệp ước

Câu 25. Ngày 3 – 3 – 1918, Hòa ước Brét Litốp được kí kết giữa

- A. Nga và Pháp B. Nga và Đức
C. Anh và Pháp D. Đức và Mĩ

Câu 26. Nội dung chủ yếu của Hòa ước Brét Litốp là

- A. Hai bên bắt tay cùng nhau chống đế quốc
B. Nước Nga rút ra khỏi chiến tranh đế quốc
C. Phá vỡ tuyến phòng thủ của Đức ở biên giới hai nước
D. Hai nước hòa giải để tập trung vào công cuộc kiến thiết đất nước

Câu 27. Cuối tháng 9 – 1918, quân Đức ở vào tình thế như thế nào?

- A. Liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ
B. Liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ
C. Rút khỏi lãnh thổ Pháp và Bungari
D. Rút khỏi lãnh thổ Pháp và Ba Lan

Câu 28. Trước nguy cơ thất bại, chính phủ mới được thành lập ở Đức (3 – 10 – 1918) đã làm gì?

- A. Kí hiệp ước với Mĩ thừa nhận thất bại
B. Đề nghị thương lượng với Mĩ
C. Bắt tay liên minh với Mĩ
D. Chấp nhận bồi thường cho Mĩ

Câu 29. Sự kiện nào đã diễn ra ở Đức ngày 9-11-1918?

- A. Cách mạng bùng nổ, Hoàng đế Vinhem II bỏ chạy sang Hà Lan
- B. Chính phủ mới được thành lập
- C. Đức kí hiệp ước thừa nhận thất bại với Mĩ
- D. Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện

Câu 30. Sự kiện nào đã diễn ra ở Đức ngày 11-11-1918?

- A. Cách mạng bùng nổ
- B. Chính phủ mới được thành lập
- C. Hoàng đế Vinhem II bỏ chạy sang Hà Lan
- D. Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện

Câu 31. Ý nào không phải là hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Khoảng 1,5 tỉ người bị lôi cuốn vào vòng khói lửa
- B. 10 triệu người chết, hơn 20 triệu người bị thương
- C. Nền kinh tế các nước Châu Âu trở nên kiệt quệ vì chiến tranh
- D. Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công, chặt đứt khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc

Câu 32. Sự kiện đánh dấu bước chuyển biến lớn của cục diện chính trị thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Chính phủ mới được thành lập ở Đức
- B. Cách mạng bùng nổ mạnh mẽ ở Đức
- C. Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện
- D. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước Xô viết được thành lập

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	
Đáp án	D	A	B	A	B	
Câu	6	7	8	9	10	11
Đáp án	A	C	C	B	C	B
Câu	12	13	14	15	16	
Đáp án	C	A	B	B	B	
Câu	17	18	19	20	21	
Đáp án	B	C	D	D	A	
Câu	22	23	24	25	26	27
Đáp án	C	C	D	B	B	A
Câu	28	29	30	31	32	
Đáp án	B	A	D	D	D	

BÀI 7: NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

Câu 1. Yếu tố nào tác động mạnh mẽ đến tình hình văn hóa thế giới từ đầu thời cận đại đến đầu thế kỉ XX?

- A. Sự giao lưu của các nền văn hóa
- B. Sự xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ lớn
- C. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ
- D. Những biến động của lịch sử từ đầu thời cận đại đến cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Câu 2. Văn học, nghệ thuật, tư tưởng vào buổi đầu thời cận đại có vai trò quan trọng trong việc

- A. Khẳng định những giá trị truyền thống
- B. Làm cầu nối để mở rộng giao lưu văn hóa
- C. Tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến và hình thành quan điểm, tư tưởng của giai cấp tư sản
- D. Định hướng cho sự phát triển của các quốc gia

Câu 3. Nhiều nhà văn, nhà thơ lớn đã xuất hiện ở Pháp vào thế kỉ

- A. XVI B. XVII
- C. XVIII D. XIX

Câu 4. Chọn ý đúng nhất để hoàn thiện đoạn tư liệu về các nhà văn, nhà thơ tiêu biểu của nước Pháp buổi đầu thời cận đại:

“Coócacách mạngây (1606 – 1684) là đại biểu xuất sắc cho nền..... cổ điển Pháp. Laphôngten (1621 – 1695) là nhà ngụ ngôn và..... cổ điển Pháp. Môlie (1622- 1673) là tác giả nổi tiếng của nền..... cổ điển Pháp...”

- A. Chính kịch...bi kịch...hài kịch
- B. Bi kịch...nhà văn...hài kịch
- C. Bi kịch...nhà văn...chính kịch
- D. Bi kịch... nhà thơ...hài kịch

Câu 5. Bétôven là nhà soạn nhạc thiên tài người

- A. Anh B. Đức
- C. Pháp D. Áo

Câu 6. Người có cống hiến to lớn cho nghệ thuật hợp xướng của thế giới là

- A. Traicôpxki (1840- 1893) B. Bétôven (1770 – 1827)
- C. Mooda (1756 – 1791) D. Bach (1685 – 1750)

Câu 7. Rembran là họa sĩ đồ họa nổi tiếng thế giới ở thế kỉ

- A. XVI B. XVII
- C. XVIII D. XIX

Câu 8. Rembran là người nước nào?

- A. Anh B. Hà Lan
- C. Pháp D. Áo

Câu 9. Trào lưu Triết học Ánh sáng xuất hiện ở thế kỉ

- A. XV- XVI B. XVI – XVII
- C. XVII – XVIII D. XVIII – XIX

Câu 10. Được xem như “Những người đi trước dọn đường cho Cách mạng Pháp năm 1789 thắng lợi” là

- A. Các nhà Khai sáng ở thế kỉ XVII – XVIII
- B. Các nhà triết học cổ điển ở thế kỉ XVII – XVIII

C. Các nhà văn, nhà thơ cổ điển ở thế kỉ XVII – XVIII

D. Các nhà soạn nhạc kịch cổ điển ở thế kỉ XVII – XVIII

Câu 11. Hoạt động trên lĩnh vực nghệ thuật, các nhà văn, nhà thơ đều thực hiện nhiệm vụ

A. Phản ánh khá đầy đủ, toàn diện hiện thực xã hội

B. Phản ánh đời sống của nhân dân lao động

C. Đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột

D. Bảo vệ những người nghèo khổ

Câu 12. Hãy sắp xếp tên tác giả cho phù hợp với tên các tác phẩm sau:

1. Những người khốn khổ

2. Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoayơ

3. Chiến tranh và hòa bình

A. Víchto Huygô, Mác Tuên, Lép Tônxtôi

B. Lép Tônxtôi, Mác Tuên, Víchto Huygô

C. Víchto Huygô, Lép Tônxtôi, , Mác Tuên

D. Mác Tuên, Víchto Huygô, Lép Tônxtôi

Câu 13. Thơ Dâng là tác phẩm văn học của quốc gia nào?

A. Trung Quốc B. Nhật Bản

C. Hàn Quốc D. Ấn Độ

Câu 14. Thơ Dâng là tác phẩm văn học đạt giải Nôben năm 1913 vì

A. Thể hiện rõ tinh thần dân tộc và tinh thần nhân đạo sâu sắc

B. Thể hiện rõ tình yêu hòa bình và tinh thần nhân đạo sâu sắc

C. Thể hiện rõ lòng yêu nước, đấu tranh vì nền hòa bình của nhân loại

D. Thể hiện rõ lòng yêu nước, yêu hòa bình và tinh thần nhân đạo sâu sắc

Câu 15. Nhật kí người điên và AQ chính truyện là các tác phẩm của nhà văn Trung Quốc nổi tiếng nào?

A. Tào Đình B. Cố Mạn

C. Mạc Ngôn D. Lỗ Tấn

Câu 16. Tác phẩm Đứng động vào tôi của nhà thơ Hôxê Rídan đã phản ánh

A. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Xingapo

B. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Malaixia

C. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Philíppin

D. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Indônêxia

Câu 17. Hôxê Máchiến tranhi là nhà văn nổi tiếng của

A. Mỹ B. Cuba

C. Mêhicô D. Vê-nê-xuê-la

Câu 18. Công trình nghệ thuật kiến trúc đặc sắc được hoàn thành vào năm 1708 là

A. Điện Cremlin (Nga) B. Thành Rôma (Italia)

C. Cung điện Vécxai (Pháp) D. Cung điện Buốckinham (Anh)

Câu 19. Nơi tụ hội nhiều nhà văn hóa lớn của thế giới cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX là

A. Pari (Pháp) B. Luân Đôn (Anh)

C. Xanh pêtéc-bua (Nga) D. Mađorít (Tây Ban Nha)

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	C	B	B	B

Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	B	C	A
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	A	A	D	D	D
Câu	16	17	18	19	
Đáp án	C	B	C	A	

BÀI 8: ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Câu 1. Cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức chiến tranh giành độc lập là

- A. Cách mạng Anh thế kỉ XVII
- B. Cải cách nông nô ở Nga (1860 – 1861)
- C. Cách mạng Mỹ cuối thế kỉ XVIII
- D. Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII

Câu 2. Cuộc cách mạng tư sản dưới sự lãnh đạo của liên minh giữa tư sản với quý tộc mới là

- A. Cách mạng Anh thế kỉ XVII
- B. Cải cách nông nô ở Nga (1860 – 1861)
- C. Cách mạng Mỹ cuối thế kỉ XVIII
- D. Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII

Câu 3. Cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức cuộc vận động thống nhất đất nước là

- A. Cách mạng Nga 1905 – 1907
- B. Cách mạng Mỹ cuối thế kỉ XVIII
- C. Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII
- D. Cách mạng Đức, Italia cuối thế kỉ XIX

Câu 4. Cuộc cách mạng tư sản nào được coi là “Đại cách mạng”?

- A. Cách mạng Nga 1905- 1907
- B. Cách mạng Mỹ cuối thế kỉ XVII
- C. Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII
- D. Cách mạng Đức, Italia cuối thế kỉ XIX

Câu 5. Mục tiêu chung của các cuộc cách mạng tư sản là

- A. Tấn công vào giai cấp địa chủ phong kiến, giành quyền lợi cho giai cấp tư sản
- B. Lật đổ giai cấp địa chủ phong kiến, giành quyền lợi cho giai cấp nông dân và nhân dân lao động
- C. Đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp tư sản và nông dân
- D. Giải quyết mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời với lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa

Câu 6. Chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn ự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền vào thời gian nào?

- A. Giữa thế kỉ XIX
- B. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX
- C. Những năm cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX
- D. Đầu thế kỉ XX

Câu 7. Một điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước tư bản khi chuyển sang giai đoạn độc quyền là

- A. Xuất khẩu tư bản ra nước ngoài
- B. Thành lập nhiều tổ chức độc quyền xuyên quốc gia
- C. Hợp tác với các nước, các khu vực trên thế giới
- D. Đẩy mạnh các cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa

Câu 8. Mâu thuẫn sâu sắc giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đã dẫn đến cuộc đấu tranh của

- A. Công nhân chống ách áp bức bóc lột, đòi cải thiện đời sống
- B. Vô sản chống tư sản
- C. Công nhân và nông dân chống tư sản
- D. Các tầng lớp nhân dân chống tư sản

Câu 9. Cơ sở dẫn tới sự ra đời của học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học là

- A. Lí luận của chủ nghĩa Mác
- B. Vai trò to lớn của Mác và Ăngghen
- C. Thực tiễn phong trào đấu tranh của công nhân
- D. Sự phát triển phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản

Câu 10. Người sáng lập học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học là

- A. Mác và Lênin B. Mác và Ăngghen
- C. Ăngghen và Lênin D. Ăngghen và Đimitorốp

Câu 11. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản ra đời vào năm

- A. 1846 B. 1848
- C. 1887 D. 1889

Câu 12. Để giải quyết những mâu thuẫn xung quanh vấn đề thuộc địa, các nước đế quốc đã

- A. Tấn công nước Nga
- B. Tiến hành cải cách kinh tế, chính trị
- C. Đàn áp các phong trào đấu tranh của nhân dân trong nước
- D. Gây ra cuộc chiến tranh thế giới để chia lại thị trường, thuộc địa

Đáp án

Câu	21	22	23	24	25	26
Đáp án	C	A	D	C	D	C
Câu	27	28	29	30	31	32
Đáp án	D	B	D	B	B	D

BÀI 9: CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÃ NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở LIÊN XÔ (1921 - 1941)

Câu 1. Thể chế chính trị của nước Nga sau cuộc Cách mạng 1905 - 1907 là

- A. Dân chủ tư sản B. Dân chủ cộng hòa
C. Quân chủ lập hiến D. Quân chủ chuyên chế

Câu 2. Sau cuộc Cách mạng 1905- 1907, người đứng đầu nước Nga là

- A. Nga hoàng Nicôlai I B. Nga hoàng Nicôlai II
C. Nga hoàng Alếchxanđra III D. Nga hoàng Alếchxanđrôvích

Câu 3. Yếu tố kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga đầu thế kỉ XX là

- A. Làn song phản đối của nhân dân lan rộng
B. Chính sách thỏa hiệp với bên ngoài của Chính phủ
C. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân
D. Sự tồn tại của chế độ quân chủ và những tàn tích phong kiến

Câu 4. Nga hoàng tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất vào năm nào?

- A. 1914 B. 1915
C. 1916 D. 1917

Câu 5. Tình hình nước Nga khi tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào?

- A. Nhân dân tin tưởng, ủng hộ Nga hoàng
B. Địa vị kinh tế, chính trị của nước Nga được tăng cường
C. Vỡ vệt được nhiều tài nguyên của các nước bại trận
D. Nền kinh tế suy sụp, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, quân đội Nga thua trận liên tiếp

Câu 6. Thái độ của hơn 100 dân tộc Nga khi Nga hoàng tham gia cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất ra sao?

- A. Ủng hộ Nga hoàng để mở rộng lãnh thổ
B. Phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng
C. Yêu cầu Nga hoàng phải tiến hành một cuộc cải cách
D. Biểu tình đòi Nga hoàng phải nhường ngôi cho người khác

Câu 7. Ý nào không phản ánh đúng tình hình nước Nga đầu thế kỉ XX – “đã tiến sát tới một cuộc cách mạng”

- A. Phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng
B. Chính phủ Nga hoàng bất lực không còn thống trị như cũ được nữa
C. Đời sống của công dân, nông dân và hơn 100 dân tộc Nga cùng cực
D. Nga hoàng tiến hành cải cách kinh tế để giải quyết những khó khăn của đất nước

Câu 8. Đầu thế kỉ XX, ở nước Nga tồn tại nhiều mâu thuẫn xã hội, ngoại trừ

- A. Mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản
B. Mâu thuẫn giữa nông nô với chế độ phong kiến
C. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến
D. Mâu thuẫn giữa hơn 100 dân tộc Nga với chế độ Nga hoàng

Câu 9. “Tự do cho nước Nga” là khẩu hiệu trong cuộc đấu tranh cách mạng nào ở nước Nga?

- A. Cách mạng 1905 – 1907 B. Cách mạng tháng Hai năm 1917
C. Cách mạng tháng Mười năm 1917 D. Cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền Xô viết

Câu 10. Ý nào không phản ánh đúng nhiệm vụ đặt ra cho cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga?

- A. Giải quyết những mâu thuẫn tồn tại trong xã hội Nga

- B. Lật đổ chế độ Nga hoàng do Nicôlai II đứng đầu
- C. Tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa
- D. Đem lại quyền lợi cho nhân dân lao động

Câu 11. Sự kiện mở đầu cho Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở nước Nga là

- A. Cuộc biểu tình của 9 vạn nữ nông dân Pêtorôgrát
- B. Cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân Pêtorôgrát
- C. Cuộc biểu tình của 9 vạn nam, nữ công nhân Pêtorôgrát
- D. Cuộc biểu tình của 9 vạn nam, nữ nông dân Pêtorôgrát

Câu 12. Hình thức đấu tranh chủ yếu trong Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở nước Nga là

- A. Biểu tình tuần hành thị uy rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang
- B. Tổng bãi công chính trị rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang
- C. Bãi khóa, bãi thị rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang
- D. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang

Câu 13. Kết quả lớn nhất mà Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga giành được là

- A. Quân cách mạng đã chiếm được các công sở
- B. Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ
- C. Bắt giam các bộ trưởng và tướng tá của Nga hoàng
- D. Nhân dân tiếp tục đấu tranh, thành lập chính quyền cách mạng

Câu 14. Lực lượng tham gia Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là

- A. Tư sản, công nhân, nông dân, binh lính,...
- B. Tư sản và nông dân
- C. Nông dân và công nhân
- D. Công nhân, nông dân và binh lính

Câu 15. Tính chất của Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là

- A. Cách mạng tư sản B. Cách mạng vô sản
- C. Cách mạng dân chủ tư sản D. Cách mạng giải phóng dân tộc

Câu 16. Chính quyền cách mạng do quần chúng nhân dân thiết lập nên sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là

- A. Chính phủ lâm thời
- B. Nhà nước dân chủ nhân dân
- C. Nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân
- D. Các Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính

Câu 17. Nét nổi bật của tình hình nước Nga sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 là

- A. Tình hình chính trị, xã hội ổn định
- B. Các đế quốc bên ngoài đua nhau chống phá
- C. Tình trạng hai chính quyền song song tồn tại
- D. Nhân dân bắt tay ngay vào xây dựng chế độ mới

Câu 18. Hai chính quyền song song tồn tại ở nước Nga sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 vì

- A. Đất nước rộng lớn đòi hỏi có hai chính quyền
- B. Bị các nước đế quốc bên ngoài chi phối, can thiệp
- C. Hai chính quyền đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau
- D. Tạo tiền đề để thành lập chính quyền thống nhất trong cả nước

Câu 19. Chính đảng nào tiếp tục chuẩn bị kế hoạch làm cách mạng để giải quyết tình trạng hai chính quyền song song tồn tại ở nước Nga sau Cách mạng tháng Hai năm 1917?

- A. Đảng Mensêvích B. Đảng Bôn-sê-vích
C. Đảng Xã hội dân chủ D. Đảng Thống nhất công nhân

Câu 20. Bản báo cáo quan trọng của Lênin trước Trung ương Đảng Bôn-sê-vích (4-1917) là

- A. Chính cương tháng tư B. Luật cương tháng tư
C. Cương lĩnh tháng tư D. Báo cáo chính trị tháng tư

Câu 21. Văn kiện đó đã xác định mục tiêu và đường lối của cách mạng Nga năm 1917 là

- A. Chuyển từ cách mạng tư sản sang cách mạng vô sản
B. Chuyển từ cách mạng ruộng đất sang cách mạng xã hội chủ nghĩa
C. Chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa
D. Chuyển từ cách mạng tư sản dân quyền sang cách mạng xã hội chủ nghĩa

Câu 22. Đảng Bôn-sê-vích Nga đã quyết định chuyển sang khởi nghĩa giành chính quyền khi nào?

- A. Khi Chính phủ lâm thời tư sản đã suy yếu, không đủ sức chống lại cuộc đấu tranh của nhân dân
B. Khi quần chúng nhân dân đã sẵn sàng tham gia cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích Nga
C. Khi cuộc đấu tranh hòa bình nhằm tập hợp lực lượng quần chúng đông đảo đã đủ sức lật đổ giai cấp tư sản
D. Khi Đảng Bôn-sê-vích Nga đã đủ sức mạnh và sẵn sàng lãnh đạo quần chúng tiến hành cách mạng đến thắng lợi

Câu 23. Lực lượng đi đầu trong Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là

- A. Nông dân B. Công nhân
C. Tiểu tư sản D. Đội Cận vệ đỏ

Câu 24. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trong cả nước Nga năm 1917 là

- A. Trung tâm Quân sự cách mạng B. Ủy ban hành chính cách mạng
C. Ủy ban Quân sự cách mạng D. Bộ Tổng tham mưu

Câu 25. Đêm 24-10-1917, ở nước Nga đã diễn ra sự kiện lịch sử gì?

- A. Nhân dân Pê-tơ-rô-grát đập phá cung điện Mùa Đông
B. Quân khởi nghĩa bao vây và tấn công Cung điện Mùa đông
C. Nhân dân Nga ăn mừng chiến thắng tại Cung điện Mùa đông

Câu 26. Vì sao ngày 25-10-1917 (tức ngày 7-11-1917) đi vào lịch sử là ngày thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga?

- A. Ngày cách mạng cùng nổ
B. Ngày cách mạng giành thắng lợi hoàn toàn trên đất nước Nga rộng lớn
C. Ngày quân cách mạng tiến công vào thủ phủ Chính phủ lâm thời tư sản
D. Ngày cách mạng giành thắng lợi ở Thủ đô Pê-tơ-rô-grát

Câu 27. Sau đó, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi ở thành phố nào?

- A. Kiép B. Minxơ C. Pê-tơ-rô-grát

Câu 28. Sự kiện nào đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử nước Nga đầu năm 1918?

- A. Thủ tướng Kê-rê-n-xki (của Chính phủ lâm thời tư sản) bị bắt
B. Lênin từ Phần Lan trở về nước
C. Cách mạng tháng Mười Nga giành thắng lợi hoàn toàn

D. Quân khởi nghĩa chiếm Mátxcova

Câu 29. Ý nào không phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga

A. Làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước Nga

B. Giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc Nga khỏi ách áp bức bóc lột

C. Đưa người lao động trở thành người làm chủ đất nước và vận mệnh của mình

D. Đưa đến sự thành lập Liên bang Xô viết (Liên Xô)

Câu 30. Một trong những ý nghĩa quốc tế to lớn của Cách mạng tháng Mười Nga là

A. Đập tan ách áp bức bóc lột phong kiến, đưa nhân dân lao động lên làm chủ

B. Tạo thế cân bằng trong so sánh lực lượng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản

C. Cổ vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào cách mạng thế giới

D. Đưa đến sự thành lập tổ chức quốc tế mới của giai cấp công nhân quốc tế

Câu 31. Người Cộng sản Việt Nam đầu tiên tiếp thu lí luận Cách mạng tháng Mười Nga là

A. Nguyễn Ái Quốc B. Trần Phú

C. Lê Hồng Phong D. Nguyễn Thị Minh Khai

Đáp án

Câu	1	2	3		4	5
Đáp án	D	B	D		A	D
Câu	6	7	8		9	10
Đáp án	B	D	B		B	C
Câu	11	12	13		14	15
Đáp án	B	B	B		A	C
Câu	16	17	18		19	20
Đáp án	D	C	C		B	C
Câu	21	22	23	24	25	26
Đáp án	C	C	D	A	B	D
Câu	27	28	29	30	31	
Đáp án	C	C	D	C	A	

BÀI 10: LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

Câu 1. Ý nào không phản ánh đúng tình hình nước Nga Xô viết khi bước vào thời kì hòa bình xây dựng đất nước?

A. Tình hình chính trị không ổn định

- B. Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng
- C. Chính quyền Xô viết nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của nước ngoài
- D. Các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn

Câu 2. Tháng 3 – 1921 Đảng Bôlêvích Nga quyết định thực hiện

- A. Cải cách ruộng đất B. Chính sách cộng sản thời chiến
- C. Chính sách kinh tế mới D. Hợp tác hóa nông nghiệp

Câu 3. Người đề xướng chính sách đó là

- A. Xtalin B. Khorút-xốp
- C. Lênin D. Đimitorốp

Câu 4. “NEP” là cụm từ viết tắt của

- A. Chính sách kinh tế mới
- B. Chính sách cộng sản thời chiến
- C. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết
- D. Các kế hoạch 5 năm của Liên Xô từ năm 1925 – 1941

Câu 5. Trong Chính sách kinh tế mới, ngành kinh tế nào ở Nga chưa được chú trọng thực hiện cải cách

- A. Công nghiệp B. Nông nghiệp
- C. Du lịch D. Thương nghiệp và tiền tệ

Câu 6. Trong nông nghiệp, Chính sách kinh tế mới đề ra chủ trương gì?

- A. Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực
- B. Nông dân phải bán một phần số lương thực dư thừa cho Nhà nước
- C. Thay thế thuế lương thực từ nộp bằng hiện vật sang nộp bằng tiền
- D. Cơ giới hóa nông nghiệp

Câu 7. Chính sách kinh tế mới không đề ra chủ trương nào trong lĩnh vực công nghiệp?

- A. Cho phép tư nhân lập xí nghiệp nhỏ có sự kiểm soát của Nhà nước.
- B. Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga.
- C. Thành lập Ban quản lý dự án các khu công nghiệp nặng.
- D. Nhà nước khôi phục phát triển công nghiệp nặng.

Câu 8. Trong Chính sách kinh tế mới, đề nâng cao năng suất lao động đã có nhiều chủ trương quan trọng, ngoại trừ

- A. Nhà nước chấn chỉnh lại việc tổ chức, sản xuất các ngành kinh tế công nghiệp
- B. Nhà nước tổ chức lại các xí nghiệp, nhà máy, thành lập các tổ chức nghiệp đoàn
- C. Nhà nước chuyển các xí nghiệp nhỏ sang hạch toán kinh doanh, cải thiện chế độ tiền lương
- D. Nhà nước nắm các ngành kinh tế chủ chốt: công nghiệp, giao thông vận tải, ngân hàng, ngoại thương

Câu 9. Trong thương nghiệp và tiền tệ, Chính sách kinh tế mới không đề cập đến vấn đề nào?

- A. Cho phép mở lại các chợ
- B. Đánh thuế lưu thông hàng hóa
- C. Cho phép tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi
- D. Khôi phục, đẩy mạnh mối quan hệ trao đổi giữa thành thị và nông thôn

Câu 10. Dựa vào bảng thống kê sau về sản lượng một số sản phẩm kinh tế của nước Nga (1921-1923)

Năm	1921	1923
Sản phẩm		
Ngũ cốc (triệu tấn)	36,7	56,6
Gang (triệu tấn)	0,1	0,3
Thép (triệu tấn)	0,2	0,7
Vải sợi (triệu mét)	105,0	691,0
Điện (triệu kwh)	0,55	1,1

Hãy lựa chọn nhận xét đúng nhất về kết quả thực hiện Chính sách kinh tế mới ở nước Nga.

- A. Một số ngành kinh tế có bước phát triển mạnh.
- B. Chỉ tập trung phát triển vào một số ngành kinh tế.
- C. Sự phát triển giữa các ngành kinh tế không đồng đều.
- D. Nền kinh tế quốc dân của nước Nga Xô viết đã có những chuyển biến rõ rệt.

Câu 11. Thực chất của Chính sách kinh tế mới là

- A. Nhà nước nắm độc quyền mọi mặt và quản lý các ngành kinh tế
- B. Coi trọng, bảo vệ quyền lợi, giúp đỡ để các tập đoàn tư bản lớn phục hồi và phát triển sản xuất
- C. Kịp thời chuyển đổi, quy hoạch lại các nhà máy, xí nghiệp nhỏ để tập trung cho sản xuất lớn
- D. Chuyển đổi kịp thời từ nền kinh tế do Nhà nước nắm độc quyền mọi mặt sang nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của nhà nước

Câu 12. Ý nghĩa lớn nhất đối với Nga khi thực hiện thành công chính sách kinh tế mới là gì

- A. Nước Nga đã chiến thắng các thế lực thù địch trong nước, bảo vệ được thành quả cách mạng
- B. Nước Nga đã chiến thắng các thế lực thù địch từ bên ngoài bao vây, tấn công phá hoại thành quả cách mạng
- C. Nhân dân Xô viết vượt qua mọi khó khăn, phấn khởi sản xuất, hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế
- D. Nước Nga phục hồi các công ti tư bản và giải quyết được những quyền lợi cơ bản cho các tầng lớp nhân dân

Câu 13. Từ chính sách kinh tế mới ở Nga, bài học kinh nghiệm nào mà Việt Nam có thể học tập cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

- A. Chỉ tập trung phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn
- B. Quan tâm đến lợi ích của các tập đoàn, tổng công ti lớn
- C. Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp nặng
- D. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của nhà nước

Câu 14. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) được thành lập dựa trên yêu cầu nào?

- A. Sự giúp đỡ từ bên ngoài
- B. Hợp tác kinh tế giữa các dân tộc trên đất nước Nga
- C. Tự nguyện, tự quyết của các dân tộc

D. Tự liên minh chặt chẽ giữa các dân tộc trên lãnh thổ Xô viết nhằm tăng cường sức mạnh về mọi mặt

Câu 15. Bốn nước Cộng hòa Xô viết đầu tiên trong Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết gồm

- A. Nga, Ucraina, Litva và ngoại Caccador
- B. Nga, Ucraina, Ácách mangelêni và ngoại Caccador
- C. Nga, Ucraina, Tátgikixtan và ngoại Caccador
- D. Nga, Ucrana, Bôlêrútchia và ngoại Caccador

Câu 16. Yếu tố nào không phải là nguyên tắc tồn tại của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- A. Sự bình đẳng về mọi mặt
- B. Quyền tự quyết của các dân tộc
- C. Xây dựng liên minh mạnh, mở rộng quan hệ với bên ngoài
- D. Sự giúp đỡ lẫn nhau vì mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội

Câu 17. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô là

- A. Hợp tác hóa nông nghiệp
- B. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa
- C. Phát triển các ngành công nghiệp du lịch và dịch vụ
- D. Đẩy mạnh quan hệ thương mại với các nước xã hội chủ nghĩa

Câu 18. Trong thời kì thực hiện công nghiệp hóa, ngành công nghiệp nào chưa được Chính phủ Liên Xô chú trọng đầu tư phát triển

- A. Công nghiệp quốc phòng
- B. Công nghiệp hàng không – vũ trụ
- C. Công nghiệp chế tạo máy, nông cụ
- D. Công nghiệp năng lượng (điện, than, dầu mỏ), khai khoáng

Câu 19. Nhiều kế hoạch dài hạn 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội được tiến hành trong giai đoạn 1928 – 1941 ở Liên Xô là do

- A. Đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hóa
- B. Ý muốn của những người lãnh đạo đất nước
- C. Yêu cầu cải thiện đời sống của các tầng lớp nhân dân
- D. Muốn nhanh chóng trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất thế giới

Câu 20. Ý nào không phải là đặc điểm nổi bật của nền kinh tế nông nghiệp Liên Xô trong những năm 1921- 1941?

- A. Nông nghiệp tập thể hóa
- B. Nông nghiệp được cơ giới hóa
- C. Nông nghiệp có quy mô sản xuất lớn
- D. Tiến hành “cách mạng xanh” trong nông nghiệp

Câu 21. Ý nào không phải là thành tựu mà Liên Xô đạt được về văn hóa – giáo dục trong những năm 1921 – 1941?

- A. Thanh toán nạn mù chữ
- B. Xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất
- C. Thành lập những trường đại học lớn hàng đầu thế giới
- D. Hoàn thành phổ cập giáo dục Tiểu học và tiếp tục thực hiện đối với Trung học cơ sở

Câu 22. Thành tựu lớn nhất mà Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1921 – đến năm 1941 là

- A. Hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp

- B. Đã xóa nạn mù chữ cho trên 60 triệu người dân
- C. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng tăng lên
- D. Trở thành nước công nghiệp đứng đầu châu Âu, đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ)
- Câu 23.** Một trong những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô trong những năm 1921-1941 là
- A. Chưa thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng trong phân phối sản phẩm
- B. Chưa thực hiện tốt nguyên tắc tập trung trong công nghiệp hóa
- C. Chưa thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ trong đời sống nhân dân
- D. Chưa thực hiện tốt nguyên tắc tự nguyện trong tập thể hóa nông nghiệp
- Câu 24.** Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết đã thiết lập quan hệ ngoại giao với
- A. Một số nước châu Phi
- B. Một số nước ở châu Đại Dương
- C. Một số nước ở khu vực Mỹ Latinh
- D. Một số nước láng giềng châu Á và châu Âu
- Câu 25.** Ý nào không phản ánh đúng đường lối đối ngoại của Liên Xô trong những năm 1921- 1941
- A. Thực hiện chính sách ngoại giao nước lớn
- B. Kiên trì, bền bỉ đấu tranh trong quan hệ quốc tế
- C. Từng bước phá vỡ chính sách bao vây về kinh tế của các nước đế quốc
- D. Từng bước phá vỡ chính sách cô lập về ngoại giao của các nước đế quốc
- Câu 26.** Trong những năm 1922 – 1925, những cường quốc tư bản nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô?
- A. Anh, Pháp, Tây Ban Nha
- B. Đức, Anh, Italia, Pháp, Nhật Bản
- C. Đức, Anh, Bồ Đào Nha
- D. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italia
- Câu 27.** Năm 1925, Liên Xô đã đạt được những thành tựu nổi bật trong lĩnh vực đối ngoại là
- A. Hơn 20 quốc gia thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô
- B. Ấn Độ công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô
- C. Triều Tiên công nhận và thiết lập ngoại giao với Liên Xô
- D. Đức, Anh, Italia, Pháp, Nhật Bản đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô
- Câu 28.** Năm 1933, thành tựu đối ngoại nổi bật mà Liên Xô đạt được là
- A. Trung Quốc công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô
- B. Mông Cổ công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô
- C. Iran công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô
- D. Mỹ công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô
- Câu 29.** Việc nhiều nước công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô chứng tỏ điều gì?
- A. Liên Xô có tiềm lực kinh tế và quốc phòng mạnh
- B. Liên Xô có khả năng ngoại giao chi phối các nước
- C. Uy tín ngày càng cao của Liên Xô trên trường quốc tế
- D. Các nước buộc phải thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	C	C	A	C
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	B	B	D
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	D	C	D	D	D
Câu	16	17	18	19	20
Đáp án	C	B	B	A	D
Câu	21	22	23	24	25
Đáp án	C	D	D	D	A
Câu	26	27	28	29	
Đáp án	C	A	D	C	

BÀI 11: TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 -1939)

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước tư bản đã tổ chức Hội nghị hòa bình tại đâu, vào thời gian nào?

- A. Pari (1919-1920) và Luân Đôn (1920 – 1921)
- B. Vécxai (1919 – 1920) và Oasinhton (1921-1922)
- C. Luân Đôn (1919 – 1920) và Oasinhton (1921 – 1922)
- D. Oasinhton (1919 – 1920) và Vécxai (1921 – 1922)

Câu 2. Nội dung chủ yếu của các hội nghị hòa bình được tổ chức sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Để kí hòa ước và các hiệp ước phân chia quyền lợi cho các nước thắng trận
- B. Để kí hòa ước và bảo vệ quyền lợi cho nhân dân các nước tư bản
- C. Để kí hòa ước và bảo vệ quyền lợi cho nhân dân các nước thuộc địa
- D. Để kí hòa ước và bảo vệ quyền lợi cho nhân dân các nước chịu ảnh hưởng của chiến tranh

Câu 3. Văn kiện kí kết từ các hội nghị hòa bình được tổ chức sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đưa đến hình thành một trật tự thế giới mới, đó là

- A. Trật tự đa cực B. Trật tự Oasinhton
- C. Trật tự Vécxai D. Trật tự Vécxai – Oasinhton

Câu 4. Những nước giành được nhiều quyền lợi trong trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ B. Anh, Pháp, Mĩ, Nhật Bản
- C. Anh, Đức, Mĩ, Nhật Bản D. Italia, Pháp, Mĩ, Nhật Bản

Câu 5. “Quan hệ hòa bình giữa các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất chỉ là tạm thời và mỏng manh” vì

- A. Hệ thống thuộc địa của các nước nhiều, ít khác nhau
- B. Có sự phát triển không đồng đều về kinh tế
- C. Các nước đều cho rằng mình có sức mạnh cạnh tranh riêng
- D. Làm nảy sinh những bất đồng do mâu thuẫn về việc phân chia quyền lợi

Câu 6. Tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên có tên gọi là

- A. Hội Ái hữu B. Hội Quốc xã
- C. Hội Quốc liên D. Hội Đoàn kết

Câu 7. Tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên có sự tham gia của

- A. 41 nước B. 42 nước
- C. 43 nước D. 44 nước

Câu 8. Mục tiêu thành lập của tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên là

- A. Duy trì trật tự thế giới mới
- B. Tăng cường an ninh giữa các nước
- C. Đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế
- D. Thúc đẩy sự giao lưu văn hóa, khoa học giữa các nước

Câu 9. Cuộc khủng hoảng trong những năm 1929 – 1933 diễn ra chủ yếu ở lĩnh vực

- A. Xã hội B. Kinh tế
- C. Văn hóa D. Chính trị

Câu 10. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra đầu tiên ở

- A. Anh B. Pháp
- C. Đức D. Mỹ

Câu 11. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài trong bao lâu?

- A. 3 năm B. 4 năm
- C. 5 năm D. 6 năm

Câu 12. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 là do

- A. Giá cả đã đỏ, người dân không mua được hàng hóa
- B. Hậu quả của cao trào cách mạng thế giới 1918 – 1923
- C. Sản xuất ồ ạt “cung” vượt quá “cầu” thời kì 1924 – 1929
- D. Việc quản lí, điều tiết sản xuất ở các nước tư bản lạc hậu

Câu 13. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra trầm trọng nhất vào năm

- A. 1929 B. 1930
- C. 1931 D. 1932

Câu 14. Ý nào không phản ánh đúng hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933?

- A. Tàn phá nặng nề nền kinh tế của các nước tư bản
- B. Đem lại nhiều cơ hội và quyền lợi cho một số nước tư bản
- C. Công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, đời sống khó khăn
- D. Gây hậu quả nghiêm trọng về chính trị, xã hội, đe dọa sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản

Câu 15. Để thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, các nước tư bản Anh, Pháp, Mỹ đã làm gì

- A. Kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài
- B. Đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân
- C. Quốc hữu hóa các xí nghiệp, nhà máy ở trong nước
- D. Tiến hành cải cách kinh tế - xã hội ở trong nước

Câu 16. Để giải quyết khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, các nước Đức, Italia, Nhật Bản đã làm gì?

- A. Lôi kéo, tập hợp đồng minh
- B. Thiết lập chế độ độc tài phát xít
- C. Đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân
- D. Thủ tiêu các quyền tự do, dân chủ của nhân dân

Câu 17. Chủ nghĩa phát xít được định nghĩa là

- A. Nền chuyên chính khủng bố công khai của những kẻ đầu trọc, hiếu chiến nhất
- B. Nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, mạnh động nhất
- C. Nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất
- D. Nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực tay sai phản động nhất, hiếu chiến nhất

Câu 18. Sự ra đời của chủ nghĩa phát xít đã đưa đến nguy cơ nghiêm trọng nhất là

- A. Phong trào đấu tranh của nhân dân bị đàn áp
- B. Các quyền tự do, dân chủ của nhân dân bị thủ tiêu
- C. Đảng Cộng sản ở nhiều nước phải ngừng hoạt động
- D. Một cuộc chiến tranh thế giới mới

Câu 19. Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập và cuộc chạy đua vũ trang ráo riết đã báo hiệu điều gì?

- A. Cuộc khủng hoảng kinh tế chưa thể giải quyết được
- B. Một cuộc chiến tranh thế giới mới đang đến gần
- C. Nguy cơ xảy ra xung đột sắc tộc, tôn giáo
- D. Nguy cơ của các cuộc chiến tranh cục bộ

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	A	D	B	D
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	A	B	D
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	B	C	D	B	D
Câu	16	17	18	19	
Đáp án	B	C	D	B	

BÀI 12: NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Câu 1. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 tác động nặng nề nhất đến ngành kinh tế nào của nước Đức?

- A. Công nghiệp
- B. Nông nghiệp

C. Giao thông vận tải D. Du lịch và dịch vụ

Câu 2. Ý nào không phản ánh đúng hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đối với nước Đức?

- A. Khủng hoảng chính trị trầm trọng
- B. Cuộc đấu tranh của quần chúng lao động diễn ra gay gắt
- C. Kinh tế suy sụp, các nhà máy đóng cửa, số lượng thất nghiệp tăng nhanh
- D. Giới cầm quyền Đức lo củng cố quyền lực, chuẩn bị chiến tranh

Câu 3. Các thế lực phản động, hiếu chiến tập trung trong tổ chức nào ở nước Đức?

- A. Đảng Dân chủ B. Đảng Quốc xã
- C. Đảng Xã hội dân chủ D. Đảng Đoàn kết dân tộc

Câu 4. Người đứng đầu tổ chức đó là

- A. Hitle B. Hindenburg
- C. Rommen D. Manxtên

Câu 5. Ý không phản ánh đúng chủ trương của người đứng đầu tổ chức đó là

- A. Chống cộng sản, phân biệt chủng tộc
- B. Ra sức tuyên truyền kích động chủ nghĩa phục thù
- C. Phát xít hóa bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độc tài
- D. Liên kết với Đảng Xã hội dân chủ để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế

Câu 6. Một sự kiện diễn ra ở nước Đức ngày 30 – 1 – 1933 là

- A. Đảng Cộng sản Đức kêu gọi quần chúng thành lập Mặt trận Nhân dân chống phát xít
- B. Đảng Xã hội dân chủ Đức tuyên bố bất hợp tác, từ chối Liên minh với Đảng Cộng sản Đức
- C. Tổng thống Hindenburg chỉ định Hitle làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới
- D. Giai cấp tư sản tuyên bố xóa bỏ chế độ cộng hòa tư sản, nhằm đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế

Câu 7. Quan sát bức hình dưới đây và dựa vào hiểu biết của em

Hãy lựa chọn phương án phù hợp nhất chú thích cho bức hình ấy

- A. Tổng thống Hindenburg trao quyền Thủ tướng cho Hitle, binh lính vui mừng ủng hộ
- B. Tổng thống Hindenburg trao quyền thủ tướng cho Hitle, nhân dân đồng tình ủng hộ
- C. Tổng thống Hindenburg trao quyền thủ tướng cho Hitle, kẻ độc tài hiếu chiến, một thời kì đen tối của lịch sử Đức bắt đầu
- D. Tổng thống Hindenburg trao quyền Thủ tướng cho Hitle, kẻ độc ác hiếu chiến, mở ra trang mới trong lịch sử nước Đức

Câu 8. Để thực hiện nền chuyên chính độc tài, ở trong nước Chính phủ Hitle đã thực hiện chính sách

- A. Bài Do Thái
- B. Hạn chế các quyền tự do dân chủ tối thiểu của người dân
- C. Đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân phản đối chế độ độc tài
- D. Công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ (trước tiên là Đảng Cộng sản)

Câu 9. Chính phủ Hitle đặt Đảng Cộng sản nước Đức ra ngoài vòng pháp luật sau sự kiện nào?

- A. Hitle lên nắm quyền B. Tổng thống Hindenburg mất
- C. Nhà quốc hội Đức bị đốt cháy D. Nền Cộng hòa Vaima sụp đổ

Câu 10. Năm 1934, sau khi tổng thống Hindenburg qua đời, Hitle đã tự xưng là

- A. Tổng thống B. Thủ tướng

C. Quốc trưởng suốt đời D. Thống soái

Câu 11. Chính phủ Hítle đã tổ chức lại nền kinh tế trong nước theo hướng

- A. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp quân sự, quốc phòng
- B. Tạo điều kiện cho các nhà tài phiệt tổ chức, phát triển sản xuất
- C. Tập trung, mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự
- D. Đầu tư vào các ngành dịch vụ

Câu 12. Sự kiện nổi bật nào đã diễn ra ở nước Đức tháng 7 – 1933?

- A. Hítle thành lập Tổng hội đồng kinh tế để điều hành các ngành kinh tế
- B. Nền Cộng hòa Vaima hoàn toàn sụp đổ
- C. Đảng Cộng sản Đức phải ngừng hoạt động
- D. Hiến pháp Vaima chính thức bị hủy bỏ

Câu 13. Ngành kinh tế được phục hồi và phát triển nhanh nhất ở Đức những năm 30 của thế kỉ XX là

- A. Công nghiệp dệt B. Công nghiệp quân sự
- C. Công nghiệp khai khoáng D. Công nghiệp cơ khí, chế tạo

Câu 14. Đường lối đối ngoại chủ yếu của Chính phủ Hítle là

- A. Bắt tay với các nước phát xít
- B. Thực hiện chính sách đối ngoại nước lớn
- C. Tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh
- D. Mở rộng giao lưu, hợp tác với các nước tư bản châu Âu

Câu 15. Tháng 10 – 1933, chính quyền Hítle đã có hành động gì?

- A. Tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên
- B. Ban hành lệnh tổng động viên trên toàn nước Đức
- C. Tuyên bố thành lập quân đội thường trực
- D. Bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự

Câu 16. Đến năm 1938, nước Đức đã được ví như

- A. Một trại tập trung khổng lồ B. Một trại lính khổng lồ
- C. Một tên sen đầm quốc tế D. Một đế quốc bất khả chiến bại

Đáp án

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	D	B	A
Câu	5	6	7	8
Đáp án	D	C	C	D
Câu	9	10	11	12
Đáp án	C	C	C	A
Câu	13	14	15	16
Đáp án	B	C	A	B

BÀI 13: NƯỚC MỸ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 -1939)

Câu 1. Thời kì phồn vinh của nền kinh tế Mỹ ở thập niên 20 của thế kỉ XX được biểu hiện như thế nào?

- A. Các nước tư bản trở hành con nợ của Mỹ
- B. Mỹ nắm trong tay 60% dự trữ ngoại tệ của thế giới
- C. Mỹ trở thành trung tâm công nghiệp duy nhất của thế giới
- D. Nền kinh tế Mỹ tăng trưởng cao, đặc biệt là sản xuất ô tô, thép, dầu mỏ

Câu 2. Thời kì phồn vinh của nền kinh tế Mỹ chấm dứt khi

- A. Dự trữ ngoại tệ của Mỹ bị sụt giảm
- B. Mỹ mất vị trí là trung tâm công nghiệp số 1 thế giới
- C. Khủng hoảng kinh tế bùng nổ tháng 10 – 1929
- D. Các nước tư bản vượt Mỹ, vươn lên phá triển mạnh mẽ

Câu 3. Cuộc khủng hoảng kinh tế ở nước Mỹ bắt đầu từ lĩnh vực

- A. Nông nghiệp B. Công nghiệp
- C. Tài chính, ngân hàng D. Thương mại, dịch vụ

Câu 4. Ý nào không phản ánh đúng về tình hình thị trường chứng khoán Mỹ trong ngày 29 – 10 – 1929?

- A. Ngày khủng hoảng chưa từng có
- B. Giá một loại cổ phiếu được coi là đảm bảo nhất sụt xuống 80%
- C. Có loại cổ phiếu giá lại tăng nhanh đến chóng mặt
- D. Hàng triệu người mất sạch số tiền mà họ đã tiết kiệm cả đời

Câu 5. Khủng hoảng kinh tế ở Mỹ diễn ra trầm trọng nhất vào năm nào?

- A. Năm 1930 B. Năm 1931
- C. Năm 1932 D. Năm 1933

Câu 6. Quan sát biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ về tỉ lệ thất nghiệp ở Mỹ (1920 – 1946)

Hãy lựa chọn nội dung đúng lí giải về việc số người thất nghiệp ở Mỹ lên tới mức cao nhất vào những năm 1932 – 1933

- A. Từ việc quản lí của chủ tư bản ở một số xí nghiệp, nhà máy, người lao động muốn thay đổi công việc, làm gia tăng tình trạng thất nghiệp
- B. Mong muốn có thu nhập cao, người lao động có nhu cầu tìm việc làm mới, làm gia tăng tình trạng thất nghiệp
- C. Những cuộc khủng hoảng chu kì tác động đến một số lĩnh vực kinh tế, tỉ lệ thất nghiệp tăng nhanh
- D. Các ngành kinh tế bị khủng hoảng trầm trọng, sản xuất đình trệ, tê liệt, phá sản làm gia tăng tỉ lệ thất nghiệp

Câu 7. Người đề xướng thực hiện Chính sách mới nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi cuộc kinh tế là

- A. H.Huơ B. H.Truman
- C. D.Aixenhao D. Ph.Rudoven

Câu 8. Bản chất của Chính sách mới là gì?

- A. Nhà nước đề xuất một hệ thống những chính sách mới về kinh tế - ài chính, chính trị - xã hội
- B. Nhà nước cho phép các lĩnh vực kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội của đất nước có những đổi mới phù hợp

C. Là chính sách đầu tư có trọng điểm của Nhà nước vào các lĩnh vực kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội của đất nước

D. Là hệ thống chính sách tích cực của Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội

Câu 9. Ý nào không phản ánh đúng những biện pháp mà Chính phủ Rudoven đã thực hiện để can thiệp vào đời sống kinh tế nước Mĩ trong cơn khủng hoảng?

A. Ban bố lệnh can thiệp khẩn cấp B. Phục hồi sự phát triển kinh tế

C. Tạo thêm việc làm D. Giải quyết nạn thất nghiệp

Câu 10. Để phục hồi và phát triển nền kinh tế, Chính phủ Rudoven đã thông qua một số đạo luật, ngoại trừ

A. Đạo luật về ngân hàng

B. Đạo luật phục hưng công nghiệp

C. Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp

D. Đạo luật phát triển du lịch- dịch vụ

Câu 11. Đạo luật quan trọng nhất nhằm phục hồi và phát triển nền kinh tế là

A. Đạo luật về ngân hàng

B. Đạo luật phục hưng công nghiệp

C. Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp

D. Cả ba đạo luật về ngân hàng, công nghiệp, nông nghiệp

Câu 12. Nội dung chủ yếu của đạo luật phục hưng công nghiệp là gì?

A. Tổ chức lại sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm và thị trường tiêu thụ

B. Kêu gọi tư bản nước ngoài đầu tư vào các ngành công nghiệp theo những hợp đồng dài hạn

C. Cho phép phát triển tự do hóa một số ngành công nghiệp mà không cần có những hợp đồng thỏa thuận

D. Tập trung vào một số ngành công nghiệp mũi nhọn bằng kí kết những hợp đồng về thị trường tiêu thụ với chủ tư bản

Câu 13. Chính sách mới đã giải quyết được nhiều vấn đề cơ bản của nước Mĩ, ngoại trừ

A. Xoa dịu mâu thuẫn giai cấp, duy trì được chế độ dân chủ tư sản

B. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc điều hành nền kinh tế

C. Tình trạng phân biệt đối xử với người da đen và da màu, xây dựng xã hội dân chủ thực sự

D. Khôi phục sản xuất, cứu trợ người thất nghiệp, tạo nhiều việc làm mới

Câu 14. Trong lịch sử bầu cử Tổng thống Mĩ, Ph.Rudoven trúng cử mấy nhiệm kì liên tiếp?

A. 2 nhiệm kì B. 3 nhiệm kì

C. 4 nhiệm kì D. 5 nhiệm kì

Câu 15. Chính sách đối ngoại chủ yếu của Mĩ đối với các nước Mĩ Latinh là

A. Chính sách làng giềng hợp tác

B. Chính sách làng giềng đoàn kết

C. Chính sách làng giềng hữu nghị

D. Chính sách làng giềng thân thiện

Câu 16. Tháng 11 – 1933, Mĩ chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với

A. Trung Quốc B. Liên Xô

C. Anh D. Pháp

Câu 17. Quốc hội Mỹ đã thông qua hàng loạt đạo luật về vấn đề quốc tế để làm gì?

- A. Giữ vai trò trung lập giữa các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mỹ
- B. ủng hộ các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mỹ
- C. can thiệp quân sự vào các nước bên ngoài nước Mỹ
- D. giúp đỡ các thế lực thù địch ở bên ngoài nước Mỹ

Đáp án

Câu	1	2		3	4
Đáp án	D	C		C	C
Câu	5	6		7	8
Đáp án	C	D		D	D
Câu	9	10	11	12	13
Đáp án	A	D	B	A	C
Câu	14	15	16	17	
Đáp án	C	D	B	A	

BÀI 14: NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 -1939)

Câu 1. Nét nổi bật của tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh hế giới thứ nhất là

- A. Trở thành chủ nợ của các nước tư bản châu Âu
- B. Là nước bại trận và bị thiệt hại nặng nề về kinh tế
- C. Cùng với Mỹ trở thành trung tâm công nghiệp của thế giới
- D. Là nước thứ hai (sau Mỹ) thu nhiều nguồn lợi sau Chiến tranh thế giới thứ nhất để phát triển kinh tế

Câu 2. Yếu tố nào tác động làm sụt giảm trầm trọng nền kinh tế Nhật Bản trong những năm đầu thập niên 30 của thế kỉ XX?

- A. Các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn khỏi Nhật Bản
- B. Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Mỹ dẫn đến cuộc đại suy thoái của chủ nghĩa tư bản
- C. Chính sách quản lí lỏng lẻo của Nhà nước
- D. Sự đầu tư không hiệu quả của Nhà nước vào các ngành kinh tế

Câu 3. Khủng hoảng ở Nhật Bản diễn ra nghiêm trọng nhất trong lĩnh vực nào?

- A. Tài chính, ngân hàng
- B. Công nghiệp
- C. Nông nghiệp
- D. Thương mại, dịch vụ

Câu 4. Ý nào không phản ánh đúng hậu quả xã hội mà khủng hoảng kinh tế ở Nhật Bản gây ra?

- A. Nông dân bị phá sản, mất mùa, đói kém
- B. Công nhân thất nghiệp lên tới hàng triệu người
- C. Đời sống của các tầng lớp lao động khốn đốn
- D. Mâu thuẫn xã hội vẫn được kiểm soát bằng những chính sách quân phiệt của Nhà nước

Câu 5. Đầu những năm 30 của thế kỉ XX. Nhật Bản phải đối mặt với nhiều vấn đề, ngoại trừ

- A. Khắc phục hậu quả của việc khủng hoảng kinh tế
- B. Giải quyết khó khăn về nguồn nguyên liệu
- C. Giải quyết tình trạng nhập cư
- D. Giải quyết khó khăn về tình trạng tiêu thụ hàng hóa

Câu 6. Giới cầm quyền Nhật Bản đã thực hiện biện pháp gì để giải quyết cuộc khủng hoảng đầu thập niên 30 của thế kỉ XX

- A. Thực hiện chính sách cải cách quy mô lớn trên toàn nước Nhật
- B. Khôi phục các ngành công nghiệp quan trọng và giải quyết nạn thất nghiệp cho người dân
- C. Thực hiện chính sách quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài
- D. Tham khảo và vận dụng chính sách mới của Mỹ

Câu 7. Quá trình quân phiệt hóa ở Nhật Bản kéo dài trong bao lâu

- A. Nửa đầu thập niên 30 của thế kỉ XX
- B. Nửa sau thập niên 30 của thế kỉ XX
- C. Giữa thập niên 30 của thế kỉ XX
- D. Suốt thập niên 30 của thế kỉ XX

Câu 8. Quá trình quân phiệt hóa ở Nhật Bản tập trung nhất vấn đề nào

- A. Quân phiệt hoá lực lượng quốc phòng
- B. Quân phiệt hoá lực lượng an ninh quốc gia
- C. Quân phiệt hoá lực lượng phòng vệ
- D. Quân phiệt hoá bộ máy nhà nước

Câu 9. Giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc vì lí do cơ bản nào

- A. Vốn đầu tư nước ngoài của Nhật Bản ở thị trường Trung Quốc có nguy cơ bị mất
- B. Thị trường Trung Quốc rộng lớn, tập trung 82% vốn đầu tư nước ngoài của Nhật Bản
- C. Mâu thuẫn trong nội bộ giới cầm quyền Trung Quốc đã xuất hiện và ngày càng sâu sắc
- D. Phong trào đấu tranh đòi quyền lợi của các tầng lớp nhân dân Trung Quốc phát triển mạnh

Câu 10. Cùng với việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh chiến tranh xâm lược

- A. Hàn Quốc B. Trung Quốc
- C. Triều Tiên D. Đài Loan

Câu 11. Tháng 9 – 1931, sau khi đánh chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc, Nhật Bản đã

- A. Sáp nhập vùng đất này vào lãnh thổ Nhật Bản
- B. Xây dựng căn cứ quân sự của Nhật ở đây
- C. Biến toàn bộ vùng đất giàu có này thành thuộc địa
- D. Đưa người dân Nhật Bản sang đó sinh sống và sản xuất

Câu 12. Lãnh đạo cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật Bản là

- A. Đảng Dân chủ Tự do B. Đảng Xã hội
- C. Đảng Dân chủ D. Đảng Cộng sản

Câu 13. Mặt trận Nhân dân được thành lập ở Nhật Bản là kết quả của

- A. Cuộc vận động, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân

- B. Cuộc biểu tình phản đối chính sách thống trị của nhà nước
- C. Cuộc vận động đoàn kết của giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- D. Cuộc biểu tình phản đối chính sách xâm lược của giới cầm quyền Nhật Bản

Câu 14. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản có ý nghĩa như thế nào?

- A. Giải phóng nhân dân lao động khỏi ách thống trị của chủ nghĩa quân phiệt
- B. Góp phần làm chậm quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở nước này
- C. Góp phần thúc đẩy nhanh công cuộc giải phóng đất nước
- D. Đẩy nhanh quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở nước này

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	D	B	C	D	C	C	D
Câu	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	D	B	B	C	D	D	B

BÀI 15: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918-1939)

Câu 1. Ý nào không phải là nguyên nhân bùng nổ phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc (1919)?

- A. ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917
- B. ảnh hưởng của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)
- C. học sinh, sinh viên Trung Quốc bị phân biệt đối xử
- D. chính phủ Trung Quốc làm tay sai cho các nước đế quốc

Câu 2. mục đích của phong trào Ngũ tứ là

- A. lật đổ chính quyền phong kiến Mãn Thanh
- B. Phản đối âm mưu xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc
- C. Đánh đuổi các nước đế quốc
- D. Cải cách đất nước Trung Quốc

Câu 3. Điểm mới của phong trào Ngũ tứ là

- A. Thu hút đông đảo quần chúng tham gia
- B. Xác định đúng kẻ thù dân tộc: đế quốc và phong kiến
- C. Làm suy yếu chính quyền Mãn Thanh
- D. Do học sinh, sinh viên lãnh đạo

Câu 4. Mở đầu phong trào Ngũ tứ là cuộc đấu tranh của lực lượng nào?

- A. Công nhân B. Nông dân
- C. Học sinh, sinh viên D. Binh lính

Câu 5. Đặc biệt, phong trào Ngũ tứ đã lôi cuốn được giai cấp nào tham gia?

- A. Công nhân B. Nông dân
- C. Địa chủ D. Trí thức, tiểu tư sản

Câu 6. Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc như thế nào?

- A. Từ cách mạng dân chủ sang cách mạng dân tộc
- B. Từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới
- C. Từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng vô sản

D. Từ cuộc đấu tranh chống phong kiến sang đấu tranh chống đế quốc

Câu 7. Sau phong trào Ngũ tứ, tư tưởng nào được truyền bá sâu rộng ở Trung Quốc?

- A. Tư tưởng cải cách ở Nhật Bản
- B. Tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây
- C. Tư tưởng phục thù của chủ nghĩa phát xít
- D. Chủ nghĩa Mác – Lênin

Câu 8. Trong phong trào Ngũ tứ, giai cấp nào lần đầu tiên xuất hiện trên vũ đài chính trị như một cách mạng độc lập ?

- A. Tư sản B. Nông dân
- C. Công nhân D. Tiểu tư sản

Câu 9. Từ sau phong trào Ngũ tứ, với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, tổ chức chính trị nào đã ra đời và lãnh đạo phong trào cách mạng Trung Quốc?

- A. Đảng Cộng sản B. Đảng Lập hiến
- C. Quốc dân Đảng D. Trung Quốc Đồng minh hội

Câu 10. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc là

- A. Giai cấp công nhân xuất hiện trên vũ đài chính trị
- B. Chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Trung Quốc
- C. Phong trào Ngũ tứ
- D. Đảng Cộng sản ra đời

Câu 11. Cho các dữ kiện sau:

1. Mở đầu vai trò cách mạng chống đế quốc và phong kiến ở Trung Quốc;
2. Phong trào Ngũ tứ lôi cuốn đông đảo các tầng lớp xã hội tham gia;
3. Đánh dấu bước chuyển của cách mạng.

Hãy sắp xếp các dữ kiện trên theo đúng lôgích.

- A. 2, 3, 1 B. 1, 2, 3
- C. 3, 2, 1 D. 2, 1, 3

Câu 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tác động như thế nào đến Ấn Độ?

- A. Chính quyền thực dân Anh tuyên bố Ấn Độ là một bên tham chiến
- B. Thực dân Anh tăng cường bóc lột
- C. Thực dân Anh ban hành những đạo luật phản động
- D. Mâu thuẫn xã hội Ấn Độ ngày càng căng thẳng

Câu 13. Lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ từ năm 1918 đến năm 1939 là lực lượng nào?

- A. Công hội B. Tổ chức công đoàn
- C. Đảng Quốc đại D. Tướng lĩnh trong quân đội

Câu 14. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Ấn Độ phát triển?

- A. Thực dân Anh đẩy nhân dân Ấn Độ vào cuộc sống cùng cực, tăng cường bóc lột, ban hành những đạo luật phản động
- B. Thực dân Anh tiến hành xâm lược Ấn Độ
- C. Mâu thuẫn tôn giáo sâu sắc
- D. Phương pháp đấu tranh ôn hòa không còn tác dụng

Câu 15. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đảng Quốc đại lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ chống thực dân Anh với phương pháp đấu tranh chủ yếu nào?

- A. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị
- B. Dung biện pháp hòa bình, không sử dụng bạo lực, bất hợp tác với thực dân Anh

C. Dùng bạo lực cách mạng

D. Tiến hành khởi nghĩa vũ trang

Câu 16. Sự phát triển của phong trào công nhân Ấn Độ đã đưa đến kết quả gì?

A. Giai cấp công nhân trở thành lực lượng nòng cốt

B. Đảng Cộng sản được thành lập (12 – 1925)

C. Thúc đẩy phong trào đấu tranh chống thực dân Anh

D. Phong trào đấu tranh ở Ấn Độ đã kết thành một làn sóng

Câu 17. Những chính sách cai trị và việc chính quyền thực dân Anh ăng cường bóc lột đối với nhân dân Ấn Độ đã dẫn đến hậu quả gì?

A. Các hình thức đấu tranh phong phú

B. Phong trào tiêu biểu dâng cao

C. Phong trào bất bạo động ngày càng lan rộng

D. Mâu thuẫn xã hội ngày càng căng thẳng

Câu 18. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Ấn Độ tháng 12 – 1925 có ý nghĩa gì?

A. Góp phần thúc đẩy làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ

B. Làm bùng lên làn sóng đấu tranh mới của nhân dân Ấn Độ

C. Lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia

D. Một làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh bùng nổ khắp Ấn Độ

Câu 19. Để chống lại chiến dịch bất hợp tác của Đảng quốc đại, thực dân Anh đã thực hiện biện pháp nào để chia rẽ hàng ngũ cách mạng?

A. Chia rẽ nội bộ B. Mua chuộc

C. Khủng bố D. Nhượng bộ

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	B	B	C	A
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	C	A	D
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	D	A	C	A	B
Câu	16	17	18	19	
Đáp án	B	D	A	B	

BÀI 16: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước phương Tây đã thay đổi chính sách đối với các nước thuộc địa ở Đông Nam Á như thế nào?

A. Tăng cường chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa

B. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, chính trị, xã hội

C. Hợp tác, giao lưu thúc đẩy kinh tế đối ngoại

D. Vơ vét khoáng sản đưa về chính quốc

Câu 2. Ý không phản ánh đúng nét nổi bật về kinh tế của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Bị hội nhập cưỡng bức vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa
- B. Là thị trường tiêu thụ hàng hóa của các nước tư bản
- C. Là nơi cung cấp nguyên liệu cho các nước tư bản
- D. Công nghiệp có bước phát triển khởi sắc, nhất là công nghiệp nặng

Câu 3. Đặc điểm chung về tình hình chính trị của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Vẫn duy trì chế độ quân chủ chuyên chế
- B. Bị chính quyền thực dân không chế
- C. Có nước giành được quyền tự chủ trong chừng mực nhất định
- D. Chính quyền thực dân có nguy cơ sụp đổ trước sức tiến công mạnh mẽ của phong trào cách mạng

Câu 4. Tình hình xã hội nổi bật ở các nước Đông Nam Á giai đoạn này là gì?

- A. Các giai cấp cũ bị phân hóa, các giai cấp mới hình thành
- B. Xã hội ngày càng phân hóa sâu sắc, giai cấp mới ngày càng phát triển về số lượng và ý thức giai cấp
- C. Giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành về số lượng và chất lượng
- D. Giai cấp tư sản dân tộc vươn lên mạnh mẽ

Câu 5. Sự kiện lịch sử thế giới nào đã tác động mạnh mẽ đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917
- B. Phong trào công nhân quốc tế phát triển mạnh
- C. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc
- D. Sự phục hồi của chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

Câu 6. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á phát triển với quy mô như thế nào?

- A. Diễn ra ở ba nước Đông Dương
- B. Diễn ra ở hầu khắp các nước Đông Nam Á
- C. Diễn ra ở chỉ nơi nào có chính đảng của giai cấp tư sản lãnh đạo
- D. Diễn ra chỉ ở nơi nào có Đảng Cộng sản lãnh đạo

Câu 7. Ý nào không phản ánh đúng nét mới trong phong trào dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Phong trào dân tộc tư sản có bước tiến rõ rệt
- B. Phong trào công nhân quốc tế phát triển mạnh
- C. Giai cấp công nhân bước lên vũ đài chính trị
- D. Xuất hiện khuynh hướng cách mạng mới – khuynh hướng cách mạng vô sản

Câu 8. Ý nào không phản ánh đúng nét mới trong phong trào dân tộc tư sản ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Mục tiêu giành độc lập được đặt ra rõ ràng
- B. Có sự liên kết với các phong trào khác trong cả nước
- C. Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng rộng rãi
- D. Diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú

Câu 9. Mục tiêu đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc ở Đông Nam Á là gì?

A. Đòi quyền tự do kinh doanh, tự chủ về chính trị, đòi dung tiếng mẹ đẻ trong nhà trường

B. Đòi quyền tự do, dân sinh dân chủ

C. Đánh đuổi đế quốc, đánh đổ phong kiến

D. Đánh đổ phong kiến, đánh đuổi đế quốc

Câu 10. Nét nổi bật của phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở các nước Đông Nam Á dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là

A. Đấu tranh đòi các quyền lợi về chính trị

B. Đấu tranh đòi các quyền lợi về kinh tế

C. Nổ ra các cuộc khởi nghĩa vũ trang

D. Thực hiện chủ trương “vô sản hóa”

Câu 11. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, phong trào dân tộc ở các nước Đông Nam Á diễn ra như thế nào?

A. Dưới hình thức bất hợp tác B. Sôi nổi, quyết liệt

C. Bí mật D. Hợp pháp

Câu 12. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp dâng cao ở Lào và Campuchia ?

A. Thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân”

B. Thực dân Pháp tăng cường khai thác thuộc địa và thực hiện chế độ thuế khóa, lao dịch nặng nề

C. Thực dân Pháp tăng cường các chính sách thuế khóa, lao dịch

D. Thực dân Pháp thực hiện chính sách bóc lột nặng nề đối với giai cấp công nhân ở các nước Đông Nam Á

Câu 13. Cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Lào, kéo dài suốt hơn 30 năm đầu thế kỉ XX là

A. Khởi nghĩa Ong Kẹo.

B. Khởi nghĩa Commađam

C. Khởi nghĩa Ong Kẹo và Commađam

D. Khởi nghĩa Chậu Pachay

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa chống Pháp tiêu biểu ở Campuchia đầu thế kỉ XX mà chính quyền thực dân đã tiến hành đàn áp đẫm máu với hơn 400 người chết là

A. Phong trào chống bắt phu, bắt lính ở tỉnh Prâyveng

B. Phong trào chống bắt phu, bắt lính ở tỉnh Côngpông Chàm

C. Phong trào chống bắt phu, bắt lính đấu tranh vũ trang chống Pháp ở tỉnh Côngpông Chonăng

D. Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Phacađuốc

Câu 15. Sự kiện có tính bước ngoặt, mở ra thời kì mới của phong trào cách mạng ở Đông Dương đầu thập niên 30 của thế kỉ XX là

A. Phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930 – 1931) ở Việt Nam

B. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (sau là Đảng Cộng sản Đông Dương)

C. Phong trào cách mạng dâng cao thành làn sóng mạnh mẽ ở cả ba nước Đông Dương do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933)

D. Quốc tế Cộng sản đã công nhận Đảng Cộng sản và phong trào cách mạng ở Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới

Câu 16. Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 ở Việt Nam có tác dụng như thế nào đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Lào và Campuchia?

A. Thúc đẩy phong trào công nhân ở Lào, Campuchia phát triển

B. Đã đòi được các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân hai nước.

C. Kích thích sự phát triển của phong trào đấu tranh dân chủ.

D. Giải phóng được nhân dân hai nước khỏi ách thống trị thực dân.

Câu 17. Để cùng nhau chống chủ nghĩa phát xít, trong các năm 1936 – 1939, ở ba nước Đông Dương đã thành lập

A. Mặt trận Dân chủ Đông Dương

B. Mặt trận Dân tộc Đông Dương

C. Mặt trận Giải phóng Đông Dương

D. Mặt trận Đoàn kết Đông Dương

Câu 18. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian:

1. Thực dân Pháp tăng cường chính sách khai thác thuộc địa ở Đông Dương;

2. Phong trào đấu tranh chống Pháp mạnh mẽ;

3. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời đã mở ra thời kì phát triển mới của phong trào

A. 1,2,3 B. 2,1,3

C. 3,2,1 D. 1,3,2

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	D	B	B	A
Câu	6	7	8	9	
Đáp án	B	B	B	A	
Câu	10	11	12	13	14
Đáp án	C	B	B	C	C
Câu	15	16	17	18	
Đáp án	B	C	A	D	

BÀI 17: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

Câu 1. Trong những năm 30 của thế kỉ XX, phe “Trục” được hình thành gồm các nước

A. Đức, Liên Xô, Anh B. Đức, Italia, Nhật Bản

C. Italia, Hunggari, Áo D. Mĩ, Liên Xô, Anh

Câu 2. Bản chất sự liên kết các nước trong phe “Trục” là gì?

A. Liên minh các nước thực dân

B. Liên minh các nước tư bản dân chủ

C. Liên minh các nước phát xít

D. Liên minh các nước thuộc địa

Câu 3. Hoạt động chủ yếu của các nước trong phe “Trục” là

A. Mở rộng các hoạt động kinh tế, thương mại

B. Đấu tranh cho phong trào hòa bình

C. Phát xít hóa tất cả các thuộc địa

D. Tăng cường hoạt động quân sự và gây chiến tranh xâm lược ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới.

Câu 4. Thái độ nhượng bộ phát xít của chính phủ các nước Anh, Pháp, Mĩ là do

- A. Sợ các nước phát xít tiến công nước mình và muốn liên minh với phe phát xít
- B. Lo sợ trước sự lớn mạnh của Liên Xô và muốn tiến công Liên Xô
- C. Lo sợ sự bành trướng của chủ nghĩa phát xít nhưng thù ghét chủ nghĩa cộng sản nên muốn đẩy chiến tranh về phía Liên Xô
- D. Cần thời gian để chuẩn bị chiến đấu chống cả chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít

Câu 5. Đạo luật trung lập (8-1935) của Chính phủ Mĩ đã thể hiện chính sách

- A. Không can thiệp vào tình hình các nước phát xít
- B. Không can thiệp vào các sự kiện ở châu Âu
- C. Không can thiệp vào các sự kiện xảy ra bên ngoài châu Mĩ
- D. Không can thiệp vào cuộc chiến giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít

Câu 6. Liên Xô đã có thái độ như thế nào với các nước phát xít?

- A. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm và ngay lập tức tuyên chiến với phát xít Đức
- B. Coi chủ nghĩa phát xít là đối tác trong cuộc chiến chống các nước đế quốc Anh, Pháp, Mĩ
- C. Lo sợ chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên nhân nhượng với các nước phát xít
- D. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên chủ trương liên kết với các nước Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Câu 7. Tại Hội nghị Muynich (Đức), Anh và Pháp đã có động thái như thế nào?

- A. Kêu gọi đoàn kết chống lại chủ nghĩa phát xít, kiên quyết bảo vệ vùng Xuyđét của Tiệp Khắc
- B. Tiếp tục nhân nhượng Đức, trao cho Đức vùng Xuyđét của Tiệp Khắc
- C. Cắt một phần lãnh thổ của hai nước cho Đức để Đức tấn công Liên Xô
- D. Quyết định liên kết với Liên Xô chống lại Đức và Italia.

Câu 8. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ vào tháng 9-1939, với sự kiện khởi đầu là

- A. Quân đội Đức tấn công Ba Lan
- B. Anh, Pháp tuyên chiến với Đức
- C. Đức tấn công Anh, Pháp
- D. Đức tấn công Liên Xô

Câu 9. Để bảo vệ quyền lợi quốc gia trong tình thế bị cô lập, Chính phủ Liên Xô đã

- A. Kí Hiệp ước Xô – Đức không xâm lược lẫn nhau
- B. Chủ trương liên kết với Anh, Pháp để chống chủ nghĩa phát xít
- C. Đứng về phía các nước Êtiôpia, nhân dân Tây Ban Nha, Trung quốc chống xâm lược
- D. Đưa quân giúp Tiệp Khắc chống cuộc xâm lược của Đức

Câu 10. Tại sao Đức kí Hiệp ước Xô – Đức không xâm phạm lẫn nhau với Liên Xô?

- A. Đức nhận thức không đánh thắng nổi Liên Xô
- B. Đức sợ bị liên quân Anh – Pháp tiến công sau lưng khi đang đánh Liên Xô
- C. Đề phòng chiến tranh bùng nổ phải chống lại cả ba cường quốc trên hai mặt trận
- D. Liên Xô không phải là mục tiêu tiến công của Đức

Câu 11. Tháng 6 – 1940, tại Pháp diễn ra sự kiện mà có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình Việt Nam là

- A. Đức chiếm đóng 3/4 lãnh thổ nước Pháp

- B. Lực lượng kháng chiến Pháp hình hành
- C. Chính phủ tự trị thành lập do Pétanh đứng đầu làm tay sai cho phát xít Đức
- D. Đức tiến công và chiếm 3/4 lãnh thổ nước Pháp, Chính phủ Pháp đầu hàng và làm tay sai cho Đức

Câu 12. Tháng 6 – 1941, phát xít Đức quyết định tấn công Liên Xô vì

- A. Hiệp ước Xô – Đức không xâm lược lẫn nhau hết hiệu lực
- B. Các nước Anh, Pháp và hầu hết châu Âu đã đầu hàng
- C. Quân Đức đã thống trị phần lớn châu Âu, có đủ điều kiện tấn công Liên Xô
- D. Thực hiện cam kết với Anh, Pháp về việc tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản

Câu 13. Quân Đức sử dụng kế hoạch nào để tấn công Liên Xô?

- A. Kế hoạch đánh bên bờ, lâu dài
- B. Kế hoạch bao vây, đsnh tia bộ phận
- C. Kế hoạch vừa đánh vừa đàm phán
- D. Kế hoạch “chiến tranh chớp nhoáng”, đánh nhanh thắng nhanh

Câu 14. Trận đánh có ý nghĩa bước ngoặt của Hồng quân Liên Xô chuyển từ phòng thủ sang tấn công là

- A. Trận Mátxcova B. Trận Cuốcxơ
- C. Trận Xtalingrát D. Trận công phá Béclin

Câu 15. Sự kiện buộc Mỹ phải chấm dứt chính sách trung lập và tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Phát xít Đức tấn công Liên Xô
- B. Liên quân Anh – Mỹ giành thắng lợi ở En Alamen
- C. Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô ở Xtalingrát
- D. Nhật Bản bắt ngờ tập kích căn cứ của Mỹ ở Trân Châu Cảng

Câu 16. Liên minh chống phát xít hình thành năm 1942 thường được gọi là gì?

- A. Phe Trục B. Phe Đồng minh
- C. Phe Liên minh D. Phe Hiệp ước

Câu 17. Nguyên nhân nào thúc đẩy các quốc gia trên thế giới hình thành liên minh chống phát xít?

- A. Do uy tín của Liên Xô đã tập hợp được các nước khác
- B. Do hành động xâm lược, bành trướng của phe phát xít khiến thế giới lo ngại
- C. Do Anh, Mỹ đều thua nhiều trận trên chiến trường
- D. Do nhân dân các nước trên thế giới đoàn kết.

Câu 18. Văn kiện quốc tế đánh dấu sự cam kết của 26 quốc gia cùng nhau chống chủ nghĩa phát xít vào năm 1942 tại Oasinhton là

- A. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản
- B. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền
- C. Tuyên ngôn Hòa bình
- D. Tuyên ngôn Liên hợp quốc

Câu 19. Trong quá trình đẩy lùi quân phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô đã giải phóng được những nước nào?

- A. Đông Âu B. Tây Âu
- C. Nam Âu D. Bắc Âu

Câu 20. Liên quân Mỹ – Anh và quân Đồng minh mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu bằng

- A. Cuộc tấn công vòng cung Cuốcxơ (Liên Xô)
- B. Cuộc tấn công quân Nhật Bản ở Guadancanan trên Thái Bình Dương

- C. Cuộc đổ bộ Noóc cách mạng (Pháp)
D. Cuộc đổ bộ đánh chiếm đảo Xixilia (Italia)

Câu 21. Sự kiện nước Đức kí văn bản đầu hàng không điều kiện ngày 9-5-1945 có ý nghĩa gì?

- A. Liên Xô đã giành thắng lợi hoàn toàn
B. Chiến tranh chấm dứt hoàn toàn ở châu Âu
C. Chiến tranh chấm dứt hoàn toàn trên thế giới
D. Chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt hoàn toàn

Câu 22. Ngày 9-5-1945 đã đi vào lịch sử thế giới là ngày

- A. Thế giới chiến thắng chủ nghĩa phát xít
B. Chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ hai
C. Hình thành trật tự thế giới mới
D. Giải phóng châu Âu

Câu 23. Nhật Bản đầu hàng không phải vì lí do nào sau đây?

- A. Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hirôshima và Nagasaki
B. Liên Xô đánh bại đạo quân Quan Đông của Nhật Bản ở Mãn Châu
C. Chính phủ Nhật Bản đã quá hoảng sợ, nhân dân và binh lính Nhật muốn đầu hàng
D. Các nước đồng minh gửi Tuyên cáo Potsdam yêu cầu Nhật Bản đầu hàng

Câu 24. Việc Nhật Bản đầu hàng không điều kiện có ý nghĩa như thế nào?

- A. Quân Nhật chính thức ngừng chiến đấu trên các mặt trận
B. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc trên toàn mặt trận
C. Các nước thuộc địa của Nhật được giải phóng
D. Khẳng định sức mạnh của Liên Xô và Mĩ

Câu 25. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với

- A. Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân
B. Sự thắng lợi của nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới
C. Sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản
D. Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật Bản

Câu 26. Nội dung nào không phải là hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Khởi đầu của chiến tranh nguyên tử
B. Thế giới có nhiều thay đổi căn bản
C. Khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế
D. Nhiều thành phố, làng mạc bị phá hủy

Câu 27. Lực lượng nào là trụ cột trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít?

- A. Nhân dân lao động ở các nước phát xít
B. Nhân dân và Hồng quân Liên Xô
C. Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh
D. Nhân dân các nước thuộc địa

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	D	C	C
Câu	6	7	8	9	
Đáp án	D	B	A	A	

Câu	9	10	11	12	13
Đáp án	C	D	C	D	C
Câu	14	15	16	17	18
Đáp án	D	B	B	D	
Câu	19	20	21	22	23
Đáp án	A	C	B	A	C
Câu	24	25	26	27	
Đáp án	B	D	A	C	

BÀI 18: ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)

Câu 1. Năm 1917, sự kiện nào đã làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và số phận của hàng triệu con người ở Nga

- A. Chiến tranh thế giới thứ nhất B. Cách mạng tháng Hai
C. Cách mạng tháng Mười D. Luận cương tháng tư

Câu 2. Cách mạng tháng Mười Nga đã mang lại kết quả ra sao?

- A. Lật đổ chính phủ tư sản, thành lập nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới
B. Lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, thiết lập nền chuyên chính vô sản
C. Lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời thay thế bằng chính phủ chính thức
D. Lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, đưa giai cấp tư sản lên nắm chính quyền

Câu 3. Liên Xô là cụm từ viết tắt của

- A. Liên bang Xô viết
B. Liên hiệp các Xô viết
C. Liên hiệp các Xô viết xã hội chủ nghĩa
D. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

Câu 4. Sau thành công của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, chế độ nào không còn là hệ thống duy nhất trên tg và trải qua những bước thăng trầm đầy biến động?

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế B. Chủ nghĩa tư bản
C. Chủ nghĩa đế quốc D. Xã hội chủ nghĩa

Câu 5. Tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943, tổ chức nào đã tiến hành 7 đại hội, đề ra đường lối cách mạng phù hợp với từng thời kì phát triển của cách mạng trên tg

- A. Hội quốc liên B. Liên hợp quốc
C. Phe Đồng minh D. Quốc tế Cộng sản

Câu 6. Cuộc khủng hoảng kinh tế tg 1929 – 1933 đã để lại hậu quả nghiêm trọng nhất đối với tg là

- A. Dư thừa hàng hóa do cung vượt quá cầu
- B. Xuất hiện chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh
- C. Nạn thất nghiệp tràn lan
- D. Sản xuất đình đốn

Câu 7. Các nước đế quốc giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 bằng con đường nào?

- A. Cải cách kinh tế - xã hội và trút gánh nặng sang thuộc địa
- B. Cải cách kinh tế - xã hội, tăng cường bóc lột nhân dân lao động
- C. Cải cách kinh tế - xã hội hoặc phát xít hóa bộ máy nhà nước
- D. Phát xít hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa

Câu 8. Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập, tiến hành chạy đua vũ trang giữa Mĩ, Anh, pháp và Đức, Italia, Nhật Bản đã báo hiệu

- A. Nguy cơ bành trướng của chủ nghĩa phát xít
- B. Nguy cơ mâu thuẫn gay gắt giữa các nước đế quốc
- C. Nguy cơ một cuộc chiến tranh tg mới
- D. Nguy cơ sụp đổ của chủ nghĩa tư bản

Câu 9. Đặc điểm chung của các nước Đức, Italia và Nhật Bản trong những năm 30 của thế kỉ XX là gì?

- A. Nền cộng hòa sụp đổ, thay bằng nền độc tài quân phiệt
- B. Đảng Quốc xã nắm chính quyền
- C. Diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ
- D. Phát xít hóa, quân phiệt hóa chế độ, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược và trở thành lò lửa chiến tranh

Câu 10. Mục tiêu nổi bật của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản trong những năm 30 là

- A. Chống chủ nghĩa đế quốc và chống chiến tranh xâm lược
- B. Chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh
- C. Chống chủ nghĩa đế quốc và chính phủ tư sản
- D. Chống chiến tranh, đói nghèo

Câu 11. Đặc điểm nổi bật trong phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ là

- A. Đảng Cộng sản lãnh đạo bằng phương pháp bạo lực cách mạng
- B. Đảng Quốc đại lãnh đạo bằng biện pháp hòa bình
- C. Đảng Cộng sản lãnh đạo bằng biện pháp hòa bình
- D. Đảng Quốc đại lãnh đạo bằng phương pháp bạo lực cách mạng

Câu 12. Nét mới trong phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh tg (1918 – 1939) là gì?

- A. Phong trào dân tộc tư sản có bước tiến mới, nhiều Đảng Cộng sản ra đời
- B. Phong trào đấu tranh do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- C. Phong trào tư sản dân tộc suy yếu, phong trào vô sản lớn mạnh
- D. Phong trào vô sản suy yếu, phong trào tư sản dân tộc lên cao

Câu 13. Lãnh đạo phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Việt Nam, Lào, Campuchia trong những năm 1930 – 1939 là

- A. Các quý tộc địa phương
- B. Đảng Dân tộc ở mỗi nước

C. Giai cấp tư sản dân tộc ở từng nước

D. Đảng Cộng sản Đông Dương

Câu 14. Tổ chức có vai trò tập hợp lực lượng đấu tranh phổ biến trong những năm 1936 – 1939 là

A. Mặt trận giải phóng dân tộc

B. Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh

C. Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống độc tài

D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế

Câu 15. Trong phong trào Ngũ tứ (1919) ở Trung Quốc, lần đầu tiên gc nào đã bước lên vũ đài chính trị như một lực lượng cách mạng độc lập

A. Giai cấp công nhân Trung Quốc

B. Giai cấp nông dân Trung Quốc

C. Giai cấp tư sản Trung Quốc

D. Giai cấp địa chủ phong kiến Trung Quốc

Câu 16. Đường lối đấu tranh của M. Gandhi trong những năm 30 của thế kỉ XX là

A. Đấu tranh bạo lực, bất hợp tác với thực dân Anh

B. Đấu tranh bạo lực, hợp tác với thực dân Anh

C. Đấu tranh hòa bình, bất hợp tác với thực dân Anh

D. Đấu tranh hòa bình, hợp tác với thực dân Anh

Câu 17. Sự kiện nào tác động mạnh mẽ nhất đến các nước tư bản trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh tg?

A. Cuộc khủng hoảng kinh tế tg 1918 – 1923

B. Quốc tế Cộng sản thành lập năm 1919

C. Cuộc khủng hoảng kinh tế tg 1929 – 1933

D. Trật tự Vécxai – Oasinhton được thiết lập

Câu 18. Nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng kinh tế nhờ chính sách nào của Tổng thống Ph. Rudoven?

A. Chính sách “thắt lưng buộc bụng”

B. Chính sách mới

C. Chính sách phát xít hóa bộ máy nhà nước

D. Chính sách trung lập

Câu 19. Quá trình phát xít hóa bộ máy nhà nước ở Nhật Bản diễn ra thông qua quá trình nào?

A. Chuyển từ chế độ dân chủ đại nghị sang chuyên chế độc tài

B. Thay thế nền dân chủ đại nghị bằng việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước

C. Đảo chính lật đổ chế độ quân chủ lập hiến, thiết lập chế độ quân phiệt

D. Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa

Câu 20. Điểm chung của các nước giải quyết khủng hoảng bằng con đường phát xít hóa bộ máy nhà nước là

A. Có hệ thống thuộc địa rộng lớn, nhiều nguồn tài nguyên

B. Có thị trường rộng lớn, nhiều vốn đầu tư

C. Có ít hoặc không có thuộc địa, thiếu vốn, thiếu nguyên liệu và thị trường

D. Có ít hoặc không có thuộc địa

Câu 21. Chiến tranh tg thứ hai bùng nổ do mâu thuẫn giữa

A. Các nước đế quốc với nhau

B. Các nước phát xít với các nước tư bản dân chủ

C. Các nước phát xít với Liên Xô

D. Các nước đế quốc với nhau và giữa các nước đế quốc với Liên Xô

Câu 22. Tội phạm chiến tranh, đã lôi kéo 1700 triệu người ở trên 70 nước tham gia, gây ra cái chết cho khoảng 60 triệu người và làm tàn phế 90 triệu người khác là

A. Anh, Pháp

B. Các nước phát xít Đức, Italia và Nhật Bản

C. Mĩ

D. Phát xít Đức

Câu 23. Việc Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống lãnh thổ Nhật Bản là hành động

A. Cần thiết và có ý nghĩa quyết định kết thúc chiến tranh

B. Không cần thiết vì quân phiệt Nhật Bản đã liên tiếp thua trận và đứng trước sự sụp đổ

C. Góp phần kết thúc chiến tranh

D. Không cần thiết vì quân phiệt Nhật đã đầu hàng

Câu 24. Thắng lợi trong Chiến tranh tg thứ hai thuộc về

A. Chủ nghĩa phát xít

B. Chủ nghĩa cộng sản

C. Chủ nghĩa tư bản dân chủ

D. Nhân dân các dân tộc chống chủ nghĩa phát xít

Câu 25. Hệ quả quan trọng nhất của Chiến tranh tg thứ hai là

A. Dẫn đến những thay đổi căn bản trong tình hình tg

B. Hình thành trật tự tg hai cực

C. Làm sụp đổ hệ thống Vécxai – Oasinhton

D. Tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6	
Đáp án	C	A	D	B	D	B	
Câu	7	8	9	10	11	12	
Đáp án	C	C	D	B	B	A	
Câu	13	14	15	16	17	18	19
Đáp án	D	B	A	C	C	B	D
Câu	20	21	22	23	24	25	

BÀI 19: NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC (TỪ NĂM 1858 ĐẾN TRƯỚC NĂM 1873)

Câu 1. Điểm nổi bật của chế độ phong kiến Việt Nam giữa thế kỉ XIX là

A. Chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị

B. Có một nền chính trị độc lập

C. Đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hóa

D. Có những biểu hiện khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng

Câu 2. Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng lưu tán trở nên phổ biến ở nước ta giữa thế kỉ XIX?

- A. Ruộng đất rơi vào tay địa chủ, cường hào
- B. Đê điều không được chăm sóc
- C. Nhà nước tổ chức khẩn hoang quy mô lớn
- D. Sản xuất nông nghiệp sa sút

Câu 3. Nguyên nhân nào là cơ bản khiến công, thương nghiệp nước ta đình đốn ở thế kỉ XIX?

- A. Thợ thủ công, thương nhân bỏ nghề vì thuế khóa nặng nề
- B. Nhà nước nắm độc quyền về công thương nghiệp
- C. Bị thương nhân nước ngoài cạnh tranh gay gắt
- D. Thiếu nguyên vật liệu

Câu 4. Chính sách “bế quan tỏa cảng” của nhà Nguyễn thực chất là

- A. Nghiêm cấm các hoạt động buôn bán
- B. Nghiêm cấm các thương nhân buôn bán hàng hóa với người nước ngoài
- C. Không giao thương với thương nhân phương Tây
- D. Cấm người nước ngoài đến buôn bán tại Việt Nam

Câu 5. Chính sách “cấm đạo” của nhà Nguyễn đã dẫn đến hậu quả gì?

- A. Làm cho Thiên Chúa giáo không thể phát triển ở Việt nam
- B. Gây ra mâu thuẫn, làm rạn nứt khối đoàn kết dân tộc, khiến người dân theo các tôn giáo khác lo sợ
- C. Gây mâu thuẫn trong quan hệ với phương Tây, làm rạn nứt khối đoàn kết dân tộc, bất lợi cho sự nghiệp kháng chiến
- D. Gây không khí căng thẳng trong quan hệ với các nước phương Tây

Câu 6. Trong cuộc chạy đua thôn tính phương Đông, tư bản Pháp đã lợi dụng việc làm nào để chuẩn bị tiến hành xâm lược Việt Nam

- A. Buôn bán, trao đổi hàng hóa
- B. Truyền bá đạo Thiên Chúa
- C. Đầu tư kinh doanh, buôn bán tại Việt Nam
- D. Thông qua buôn bán vũ khí với triều đình nhà Nguyễn

Câu 7. Việc Nguyễn Ánh từng dựa vào Pháp để khôi phục quyền lợi của dòng họ Nguyễn đã tạo ra

- A. Xu hướng thân thiết với Pháp trong triều đình
- B. Sự phá vỡ chính sách “bế quan tỏa cảng”
- C. Điều kiện cho tư bản Pháp can thiệp vào Việt Nam
- D. Khả năng phát triển của Việt Nam bằng con đường hợp tác với phương Tây

Câu 8. Năm 1857, Napolêông III lập ra Hội đồng Nam Kỳ, tiếp đó cho sứ thần tới Huế đòi “tự do buôn bán và truyền đạo”, tăng viện cho hạm đội Pháp ở Thái Bình Dương. Những hành động đó chứng tỏ điều gì?

- A. Pháp muốn đầu tư, hợp tác kinh tế với Việt Nam
- B. Pháp chuẩn bị xâm lược Việt Nam
- C. Việt Nam là đối tác tiềm năng của Pháp
- D. Pháp không quan tâm đến Việt Nam

Câu 9. Giữa thế kỉ XIX, Pháp ráo riết tìm cách đánh chiếm Việt Nam để

- A. Biến Việt Nam thành bàn đạp xâm lược Quảng Châu (Trung Quốc)
- B. Tranh giành ảnh hưởng với Anh tại châu Á

C. Loại bỏ sự ảnh hưởng của triều đình Mãn Thanh ở Việt Nam

D. Biến Việt Nam thành căn cứ để tiến công thuộc địa của Anh

Câu 10. Chiều 31-8-1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo quân tới dàn trận trước cửa biển nào?

A. Đà Nẵng B. Hội An

C. Lăng Cô D. Thuận An

Câu 11. Vì sao Tây Ban Nha tham gia liên quân với Pháp xâm lược Việt Nam?

A. Quân Pháp quá yếu, muốn dựa vào quân Tây Ban Nha

B. Pháp và Tây Ban Nha thỏa thuận chia nhau xâm lược Việt Nam

C. Trả thù cho một số giáo sĩ Tây Ban Nha bị triều đình nhà Nguyễn giam giữ, giết hại

D. Tây Ban Nha không muốn Pháp độc chiếm Việt Nam

Câu 12. Hãy chọn phương án phù hợp để hoàn thiện đoạn dữ liệu sau: Âm mưu của Pháp là chiếm làm căn cứ, rồi tấn công ra nhanh chóng buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.

A. Lăng Cô ... Huế B. Đà Nẵng ... Huế

C. Đà Nẵng ... Hà Nội D. Huế ... Hà Nội

Câu 13. Nội dung nào không phải là lí do khiến Pháp quyết định chiếm Gia Định?

A. Pháp nhận thấy không thể chiếm Đà Nẵng

B. Chiếm Gia Định có thể cắt đường tiếp tế lương thực của nhà Nguyễn

C. Gia Định không có quân triều đình đóng

D. Gia Định có hệ thống giao thông thuận lợi, từ Gia Định có thể rút quân sang Campuchia

Câu 14. Tại sao khi chiếm được thành Gia Định năm 1859, quân Pháp lại phải dung thuốc nổ phá thành và rút xuống tàu chiến?

A. Vì trong thành không có lương thực

B. Vì trong thành không có vũ khí

C. Vì quân triều đình phản công quyết liệt

D. Vì các đội dân binh ngày đêm bám sát và tiêu diệt chúng

Câu 15. Khi chuyển hướng tấn công vào Gia Định, quân Pháp đã thay đổi kế hoạch xâm lược Việt Nam như thế nào?

A. Chuyển từ kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” sang “chinh phục từng góí nhỏ”

B. Chuyển từ kế hoạch “chinh phục từng góí nhỏ” sang “đánh nhanh thắng nhanh”

C. Chuyển từ kế hoạch “đánh chớp nhoáng” sang “đánh lâu dài”

D. Chuyển từ kế hoạch “đánh lâu dài” sang “đánh nhanh thắng nhanh”

Câu 16. Khi được điều từ Đà Nẵng vào Gia Định năm 1860, Nguyễn Tri Phương đã gấp rút huy động hàng vạn quân và dân binh để làm gì?

A. Sản xuất vũ khí

B. Xây dựng đại đồn Chí Hòa

C. Ngày đêm luyện tập quân sự

D. Tổ chức tấn công quân Pháp ở Gia Định

Câu 17. Vì sao năm 1861, Gia Định lại bị thất thủ một lần nữa?

A. Quân ta không chủ trương giữ thành Gia Định

B. Quân Pháp quá mạnh

C. Quân ta đã chọn cách phòng thủ, không chủ động tiến công khi có cơ hội

D. Lực lượng quân ta ở Gia Định quá yếu, thiếu vũ khí chiến đấu

Câu 18. Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) giữa Pháp và triều đình nhà Nguyễn được kí kết trong hoàn cảnh nào?

- A. Phong trào kháng chiến của nhân dân ta dâng cao, khiến quân Pháp vô cùng bối rối
- B. Phong trào kháng chiến của nhân dân ta đang gặp khó khăn
- C. Giặc Pháp chiếm đại đồn Chí Hòa và đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ một cách nhanh chóng
- D. Triều đình bị tổn thất nặng nề, sợ hãi trước sức mạnh của quân Pháp

Câu 19. Thiệt hại nghiêm trọng nhất của Việt Nam khi kí Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) với Pháp là

- A. Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và đảo Côn Lôn
- B. Bồi thường 20 triệu quan tiền cho Pháp
- C. Triều đình phải mở ba cửa biển: Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho thương nhân Pháp vào buôn bán
- D. Mất thành Vĩnh Long nếu triều đình không chấm dứt các hoạt động chống Pháp ở ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ

Câu 20. Người đã kháng lệnh triều đình, phát cao ngọn cờ “Bình Tây Đại nguyên soái”, lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp là ai?

- A. Nguyễn Tri Phương B. Nguyễn Trung Trực
- C. Phạm Văn Nghị D. Trương Định

Câu 21. Sau khi kí Hiệp ước Nhâm Tuất, triều đình nhà Nguyễn Đã có chủ trương gì?

- A. Bí mật chuẩn bị lực lượng chống quân Pháp để giành lại vùng đất đã mất
- B. Ra lệnh giải tán nghĩa binh chống Pháp để mong Pháp trả lại thành Vĩnh Long
- C. Không chủ trương giành lại vùng đất đã mất
- D. Yêu cầu triều đình Mãn Thanh can thiệp để đánh đuổi quân Pháp

Câu 22. Sau khi ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ rơi vào tay quân Pháp, thái độ của nhân dân ta như thế nào?

- A. Các đội nghĩa quân chống thực dân Pháp tự giải tán, nhân dân bỏ đi nơi khác sinh sống
- B. Các đội nghĩa binh không chịu hạ vũ khí, phong trào “tị địa” diễn ra sôi nổi
- C. Nhân dân vừa sợ giặc Pháp, vừa sợ triều đình nên bỏ trốn
- D. Nhân dân chán ghét triều đình, không còn tha thiết đánh Pháp

Câu 23. Thực dân Pháp đã hành động ra sao sau khi buộc triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước Nhâm Tuất?

- A. Pháp bắt tay ngay vào tổ chức bộ máy cai trị và mở rộng phạm vi chiếm đóng, áp đặt nền bảo hộ đối với Campuchia và âm mưu thôn tính ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.
- B. Pháp bắt tay ngay vào tổ chức bộ máy cai trị ở ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và trả lại thành Vĩnh Long cho triều đình nhà Nguyễn để thực hiện phân chia phạm vi cai trị
- C. Pháp mở rộng phạm vi kiểm soát, dùng hỏa lực tấn công chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ
- D. Pháp tổ chức bộ máy cai trị và mua chuộc quan lại người Việt Nam làm tay sai, vu cáo triều đình nhà Nguyễn không thực hiện cam kết trong Hiệp ước 1862

Câu 24. Việc nhân dân chống lại lệnh giải tán nghĩa binh chống Pháp của triều đình chứng tỏ điều gì?

- A. Tư tưởng trung quân ái quốc không còn
- B. Nhân dân chán ghét triều đình
- C. Nhân dân muốn tách khỏi triều đình để tự do hành động

D. Sự đối lập giữa nhân dân và triều đình trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược

Câu 25. Ai là người đã chỉ huy nghĩa quân đánh chìm tàu Étpêrăng của Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông (1861) và có câu nói nổi tiếng: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”

- A. Trương Định B. Nguyễn Trung Trực
C. Nguyễn Hữu Huân D. Dương Bình Tâm

Câu 26. Quân Pháp đã chiếm được sáu tỉnh Nam Kỳ như thế nào?

- A. Pháp đánh chiếm được ba tỉnh miền Đông trước, sau đó, dùng ba tỉnh miền Đông làm căn cứ đánh chiếm ba tỉnh miền Tây
B. Pháp dùng vũ lực đánh chiếm ba tỉnh miền Đông, sau đó chiếm ba tỉnh miền Tây mà không tốn một viên đạn
C. Pháp thông qua đàm phán buộc triều đình nhà Nguyễn nộp ba tỉnh miền Tây, sau đó dùng binh lực đánh chiếm ba tỉnh miền Đông
D. Pháp không tốn một viên đạn để chiếm ba tỉnh miền Đông, sau đó tấn công đánh chiếm ba tỉnh miền Tây

Câu 27. Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, thái độ của triều đình nhà Nguyễn và nhân dân như thế nào?

- A. Triều đình và nhân dân đồng lòng kháng chiến chống Pháp
B. Triều đình sợ hãi không dám đánh Pháp, nhân dân hoang mang
C. Triều đình kiên quyết đánh Pháp, nhân dân hoang mang
D. Triều đình do dự không dám đánh Pháp, nhân dân kiên quyết kháng chiến chống Pháp

Câu 28. Ý nào không phản ánh đúng nguyên nhân làm cho phong trào kháng chiến chống Pháp xâm lược ở Nam Kỳ nửa sau thế kỉ XIX thất bại?

- A. Tương quan lực lượng chênh lệch không có lợi cho ta, vũ khí thô sơ
B. Triều đình Huế từng bước đầu hàng thực dân Pháp, ngăn cản không cho nhân dân chống Pháp
C. Nhân dân không kiên quyết đánh Pháp và không có người lãnh đạo
D. Phong trào thiếu sự liên kết, thống nhất

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	A	B	C	C
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	B	B	A
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	C	B	C	D	A
Câu	16	17	18	19	20
Đáp án	B	C	A	A	D

Câu	21	22	23	24
Đáp án	B	B	A	D
Câu	25	26	27	28
Đáp án	B	B	D	C

**BÀI 20: CHIẾN SỰ LẤN RỘNG RA CẢ NƯỚC.
CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ NĂM 1873 ĐẾN NĂM 1884.
NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG**

Câu 1. Sau khi chiếm được sáu tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp đã làm gì?

- A. Tìm cách xoa dịu nhân dân
- B. Tìm cách mua chuộc triều đình nhà Nguyễn
- C. Bắt tay thiết lập bộ máy cai trị, chuẩn bị kế hoạch đánh ra Bắc Kỳ
- D. Ngừng kế hoạch mở rộng cuộc chiến để củng cố lực lượng

Câu 2. Ý nào không phản ánh đúng chính sách của nhà Nguyễn trước vận nước nguy nan, khi Pháp đã chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ?

- A. “Bế quan tỏa cảng”
- B. Cử các phái đoàn đi Pháp để đàm phán đòi lại sáu tỉnh Nam Kỳ
- C. Đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa của nhân dân
- D. Từ chối mọi đề nghị cải cách duy tân đất nước

Câu 3. Đứng trước vận nước nguy nan, ai là người đã mạnh dạn dâng lên triều đình những bản điều trần, bày tỏ ý kiến cải cách duy tân?

- A. Nguyễn Tri Phương B. Nguyễn Trường Tộ
- C. Tôn Thất Thuyết D. Hoàng Diệu

Câu 4. Để chuẩn bị tấn công ra Bắc Kỳ lần thứ nhất, thực dân Pháp đã làm gì?

- A. Xây dựng lực lượng quân đội ở Bắc Kỳ
- B. Tăng cường viện binh
- C. Cử gián điệp ra Bắc nắm tình hình và lôi kéo một số tín đồ Công giáo làm lạ
- D. Gây sức ép buộc triều đình nhà Nguyễn kí hiệp ước mới

Câu 5. Thực dân Pháp đã viện cớ nào để tấn công ra Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)?

- A. Nhà Nguyễn vẫn tiếp tục chính sách “bế quan tỏa cảng”
- B. Nhà Nguyễn đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa của nông dân
- C. Nhà Nguyễn nhờ giải quyết “vụ Duypuy”
- D. Nhà Nguyễn phản đối những chính sách ngang ngược của Pháp

Câu 6. Tướng Pháp chỉ huy cuộc tấn công ra Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873) là

- A. Gáchủ nghĩaie B. Bôlaéc
- C. Rivie D. Rove

Câu 7. Ngày 20-11-1873, quân Pháp đã nổ súng tấn công tỉnh thành nào ở Bắc Kỳ?

- A. Hà Nội B. Hưng Yên
- C. Hải Dương D. Nam Định

Câu 8. Vì sao quân đội triều đình nhanh chóng thất thủ tại thành Hà Nội năm 1873?

- A. Triều đình đã đầu hàng
- B. Quân triều đình chống cự yếu ớt

C. Quân triều đình đã thực hiện chiến thuật phòng thủ, dựa vào thành đội giặc, chưa kết hợp với nhân dân kháng chiến

D. Triều đình mãi lo đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân

Câu 9. Trận đánh nào gây được tiếng vang lớn nhất ở Bắc Kỳ năm 1873?

A. Trận bao vây quân địch trong thành Hà Nội

B. Trận chiến đấu ở cửa ô Quan Chưởng (Hà Nội)

C. Trận phục kích của quân ta và quân Cờ đen tại Cầu Giấy (Hà Nội)

D. Trận phục kích của quân ta và quân Cờ đen tại cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa)

Câu 10. Trong trận Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ nhất (12-1873), tên tướng Pháp nào đã tử trận?

A. Gác chủ nghĩa B. Rivie

C. Hác cách mạng D. Đuy-puy

Câu 11. Trong trận chiến đấu ở cửa ô Quan Chưởng, ai đã lãnh đạo binh sĩ chiến đấu đến cùng để bảo vệ thành?

A. Một viên Chưởng cơ B. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương

C. Lưu Vĩnh Phúc D. Hoàng Tá Viêm

Câu 12. Chiến thắng của quân ta tại Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ nhất (1873) đã khiến thực dân Pháp phải

A. Tăng nhanh viện binh ra Bắc Kỳ

B. Hoang mang lo sợ và tìm cách thương lượng

C. Bàn kế hoạch mở rộng chiến tranh xâm lược ra Bắc Kỳ

D. Ráo riết đẩy mạnh thực hiện âm mưu xâm lược toàn bộ Việt Nam

Câu 13. Hãy sắp xếp các sự kiện sau đây theo đúng trình tự thời gian:

1. Pháp nổ súng tấn công thành Hà Nội lần thứ nhất

2. Phong trào phản đối triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước Giáp Tuất dâng cao khắp cả nước

3. Thực dân Pháp phái đại úy Gác chủ nghĩa đưa quân ra Bắc

A. 1,2,3 B. 2,1,3

C. 3,2,1 D. 3,1,2

Câu 14. Vì sao thực dân Pháp tìm cách thương lượng với triều đình nhà Nguyễn để kí kết bản hiệp ước mới vào năm 1874?

A. Pháp thất bại trong việc đánh chiếm thành Hà Nội

B. Pháp bị chặn đánh ở Thanh Hóa

C. Pháp thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ nhất

D. Pháp thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ hai

Câu 15. Triều đình nhà Nguyễn đã làm gì sau chiến thắng của quân dân ta tại trận Cầu Giấy lần thứ nhất (1873)?

A. Kí Hiệp ước Giáp Tuất (1874)

B. Lãnh đạo nhân dân kháng chiến

C. Cử Tổng đốc Hoàng Diệu tiếp tục chỉ huy cuộc kháng chiến

D. Tiến hành cải cách duy tân đất nước

Câu 16. Hiệp ước nào đánh dấu việc triều đình nhà Nguyễn chính thức thừa nhận sáu tỉnh Nam Kỳ là đất thuộc Pháp?

A. Hiệp ước Nhâm Tuất B. Hiệp ước Giáp Tuất

C. Hiệp ước Hác cách mạng D. Hiệp ước Patonốt

Câu 17. Thực dân Pháp đã viện cớ nào để xâm lược Bắc Kỳ lần thứ hai (1882)?

- A. Nhà Nguyễn vẫn tiếp tục chính sách “bế quan tỏa cảng”
- B. Nhà Nguyễn đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa của nông dân
- C. Nhà Nguyễn tiếp tục có sự giao hảo với nhà Thanh ở Trung Quốc
- D. Nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước Giáp Tuất (1874)

Câu 18. Tên tướng Pháp nào đã chỉ huy cuộc tiến công ra Bắc Kì lần thứ hai?

- A. Gáchủ nghĩaie B. Rivie
- C. Cuốcbê D. Đuyputy

Câu 19. Người lãnh đạo quan quân triều đình chống lại cuộc tấn công thành Hà Nội lần thứ hai (1882) của quân Pháp là

- A. Nguyễn Tri Phương B. Lưu Vĩnh Phúc
- C. Hoàng Diệu D. Hoàng Tá Viêm

Câu 20. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai chứng tỏ điều gì về tinh thần kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta?

- A. Lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta
- B. Ý chí quyết tâm, sẵn sàng tiêu diệt giặc của nhân dân ta
- C. Lối đánh giặc tài tình của nhân dân ta
- D. Sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của quân và dân ta trong việc phá thế bao vây của địch

Câu 21. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất (1873) và lần thứ hai (1883) đều là chiến công của lực lượng nào?

- A. Dân binh Hà Nội
- B. Quan quân binh sĩ triều đình
- C. Quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc
- D. Quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc kết hợp với quân của Hoàng Tá Viêm

Câu 22. Sự kiện nào đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn trước sự xâm lược của thực dân Pháp?

- A. Quân Pháp tấn công và chiếm được Thuận An
- B. Triều đình kí Hiệp ước Hácách mạnggăng (1883) và Hiệp ước Patonốt (1884)
- C. Thành Hà Nội thất thủ lần thứ nhất (1873)
- D. Thành Hà Nội thất thủ lần thứ hai (1882)

Câu 23. Hiệp ước nào đánh dấu thực dân Pháp đã hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam?

- A. Hiệp ước Nhâm Tuất B. Hiệp ước Giáp Tuất
- C. Hiệp ước Hácách mạnggăng D. Hiệp ước Patonốt

Câu 24. Triều đình nhà Nguyễn thừa nhận nền bảo hộ của Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam hông qua hiệp ước nào?

- A. Hiệp ước Hácách mạnggăng
- B. Hiệp ước Giáp Tuất
- C. Hiệp ước Patonốt
- D. Hiệp ước Hácách mạnggăng và Hiệp ước Patonốt

Câu 25. Thực dân Pháp hoàn thành cơ bản công cuộc xâm lược Việt Nam khi nào?

- A. Sau khi đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ hai
- B. Sau khi kí Hiệp ước Hácách mạnggăng và Patonốt
- C. Sau khi đánh chiếm kinh thành Huế
- D. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng

Đáp án

Câu		1			2		3		4	
Đáp án		C			B		B		C	
Câu		5			6		7		8	
Đáp án		C			A		A		C	
Câu		9			10		11		12	
Đáp án		C			A		A		B	
Câu		13			14		15		16	
Đáp án		D			C		A		B	
Câu	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
Đáp án	D	B	C	B	D					
Câu	22	23	24	25						
Đáp án	B	D	D	B						

BÀI 21: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN TA CUỐI THẾ KỈ XIX

Câu 1. Tuy đã hoàn thành về cơ bản công cuộc bình định Việt Nam, thực dân Pháp vẫn gặp phải sự phản kháng quyết liệt của lực lượng nào?

- A. Một số quan lại yêu nước và nhân dân Nam Kỳ
- B. Một số quan lại, văn thân, sĩ phu yêu nước và nhân dân trong cả nước
- C. Một số quan lại yêu nước và nhân dân Trung Kỳ
- D. Một số quan lại, văn thân, sĩ phu yêu nước ở Bắc Kỳ

Câu 2. Người đứng đầu phái chủ chiến chủ trương chống Pháp trong triều đình Huế là

- A. Phan Thanh Giản B. Vua Hàm Nghi
- C. Tôn Thất Thuyết D. Nguyễn Văn Tường

Câu 3. Sau khi cuộc phản công kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết đã làm gì?

- A. Đưa vua Hàm Nghi và Tam cung rời khỏi Hoàng thành đến sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị)
- B. Tiếp tục xây dựng hệ thống sơn phòng
- C. Bổ sung lực lượng quân sự
- D. Đưa vua Hàm Nghi và Tam cung rời khỏi Hoàng thành đến sơn phòng Ấu Sơn (Hà Tĩnh)

Câu 4. Nội dung chủ yếu của chiếu Cần vương là

- A. Kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên kháng chiến
- B. Kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước vì vua mà đứng lên kháng chiến

C. Kêu gọi tiến hành cải cách về chính trị, xã hội

D. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp

Câu 5. Phong trào Cần vương diễn ra sôi nổi ở địa phương nào?

A. Trung Kỳ và Nam Kỳ B. Bắc Kỳ và Nam Kỳ

C. Bắc Kỳ và Trung Kỳ D. Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ

Câu 6. Trong giai đoạn từ năm 1885 đến năm 1888, phong trào Cần vương đặt dưới sự chỉ huy của

A. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường

B. Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết

C. Nguyễn Văn Tường và Trần Xuân Soạn

D. Nguyễn Đức Nhuận và Đào Doãn Dịch

Câu 7. Bộ chỉ huy của phong trào Cần vương đóng tại địa bàn thuộc hai tỉnh nào?

A. Quảng Ngãi và Bình Định B. Quảng Nam và Quảng Trị

C. Quảng Bình và Quảng Trị D. Quảng Trị và Hà Tĩnh

Câu 8. Sau khi bắt được vua Hàm Nghi, thực dân Pháp đã đưa ông đi đày ở đâu?

A. Tuynidi B. Angiêri

C. Mêhicô D. Nam Phi

Câu 9. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần vương

A. Chấm dứt hoạt động

B. Chỉ hoạt động cầm chừng

C. Vẫn tiếp tục nhưng thu hẹp địa bàn ở Nam Trung Bộ

D. Tiếp tục hoạt động, quy tụ dần thành những trung tâm lớn

Câu 10. Ý nghĩa của phong trào Cần vương là

A. Cùng cố chế độ phong kiến Việt Nam

B. Buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập

C. Thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh cứu nước trong nhân dân

D. Tạo tiền đề cho sự xuất hiện trào lưu dân tộc chủ nghĩa đầu thế kỉ XX

Câu 11. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thất bại của phong trào Cần vương là gì?

A. Triều đình đã đầu hàng thực dân Pháp

B. Phong trào diễn ra rời rạc, lẻ tẻ

C. Thiếu đường lối lãnh đạo đúng đắn và sự chỉ huy thống nhất

D. Thực dân Pháp mạnh và đã củng cố được nền thống trị ở Việt Nam

Câu 12. Đặc điểm của phong trào Cần vương là

A. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng và ý thức hệ phong kiến

B. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản

C. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

D. Là phong trào yêu nước của các tầng lớp nông dân

Câu 13. Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX là

A. Khởi nghĩa Hương Khê B. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh

C. Khởi nghĩa Ba Đình D. Khởi nghĩa Bãi Sậy

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy là do ai lãnh đạo?

A. Đinh Công Tráng B. Nguyễn Thiện Thuật

C. Phan Đình Phùng D. Đinh Gia Quế

Câu 15. Cuộc khởi nghĩa Ba Đình do ai lãnh đạo?

A. Phạm Bành, Đinh Công Tráng

B. Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Gia Quế

C. Tổng Duy Tân, Trần Xuân Soạn

D. Phạm Bành, Cầm Bá Thước

Câu 16. Cuộc khởi nghĩa Hương Khê do ai lãnh đạo?

A. Cao Điền và Tổng Duy Tân

B. Tổng Duy Tân và Cao Thắng

C. Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám

D. Phan Đình Phùng và Cao Thắng

Câu 17. Cao Thắng có vai trò như thế nào trong khởi nghĩa Hương Khê?

A. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự

B. Xây dựng căn cứ thuộc vùng rừng núi các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình

C. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự, xây dựng căn cứ, nghiên cứu chế tạo thành công súng trường theo mẫu của Pháp

D. Chuẩn bị lực lượng và vũ khí cho khởi nghĩa

Câu 18. Giai đoạn từ 1885 đến năm 1888, nghĩa quân Hương Khê tập trung thực hiện nhiệm vụ chủ yếu gì?

A. Tập trung lực lượng đánh thực dân Pháp

B. Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu

C. Xây dựng hệ thống chiến lũy để chiến đấu

D. Chặn đánh các đoàn xe vận tải của thực dân Pháp

Câu 19. Giai đoạn từ 1888 đến năm 1896, nghĩa quân Hương Khê tập trung thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Tập trung lực lượng đánh Pháp

B. Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu của nghĩa quân

C. Xây dựng hệ thống chiến lũy để chiến đấu

D. Chiến đấu quyết liệt

Câu 20. Cuộc khởi nghĩa vũ trang lớn và kéo dài nhất trong phong trào chống Pháp cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là

A. Khởi nghĩa Hương Khê

B. Khởi nghĩa Yên Thế

C. Khởi nghĩa ở vùng Tây Bắc và hạ lưu sông Đà

D. Khởi nghĩa của đồng bào Tây Nguyên

Câu 21. Nông dân Yên Thế đứng lên chống Pháp vì

A. Hưởng ứng chiếu Cần vương

B. Chống lại chính sách cướp bóc, bình định của thực dân Pháp, bảo vệ cuộc sống

C. Phản ứng trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình

D. Gồm tất cả những nguyên nhân trên

Câu 22. Lực lượng tham gia đông đảo nhất trong khởi nghĩa Yên Thế là

A. Công nhân B. Nông dân

C. Các dân tộc sống ở miền núi D. Nông dân và công nhân

Câu 23. Đến năm 1981, từ Yên Thế, nghĩa quân đã mở rộng hoạt động sang vùng nào?

A. Yên Lẽ, Mục Sơn, Nhã Nam, Hữu Thượng

B. Phủ Lạng Thương

C. Tiên Lữ (Hưng Yên)

D. Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Hưng Yên, Hải Dương

Câu 24. Trong giai đoạn từ năm 1893 đến năm 1897, lãnh tụ tối cao của khởi nghĩa Yên Thế là

- A. Đề Nắm B. Đề Thám
C. Nguyễn Trung Trực D. Phan Đình Phùng

Câu 25. Điểm khác của khởi nghĩa Yên Thế so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương là

- A. Hưởng ứng chiếu Cần vương
B. Chống thực dân Pháp, chống triều đình nhà Nguyễn
C. Là phong trào nông dân chống Pháp, không thuộc phạm trù phong trào Cần vương
D. Phản ứng trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình

Đáp án

Câu			1		2		3		4	
Đáp án			B		B		A		B	
Câu			5		6		7		8	
Đáp án			C		B		D		B	
Câu			9		10		11		12	
Đáp án			C		D		C		A	
Câu			13		14		15		16	
Đáp án			A		B		A		D	
Câu	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
Đáp án	C	B	D	B	B					
Câu	22	23	24	25						
Đáp án	B	B	B	C						

BÀI 22: XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP

Câu 1. Năm 1897, thực dân Pháp cử nhân vật nào sang làm Toàn quyền Đông Dương?

- A. Rivie B. Gáchủ nghĩaie
C. Pôn Đume D. Bôlaéc

Câu 2. Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là

- A. Kinh tế nông nghiệp phát triển, kinh tế công nghiệp chậm phát triển
B. Xuất hiện những mầm mống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa nhưng manh mún và lệ thuộc vào Pháp
C. Thương nghiệp phát triển
D. Hệ thống đường giao thông được mở rộng

Câu 3. Trước cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, xã hội Việt Nam có hai giai cấp cơ bản là

- A. Địa chủ phong kiến và tiểu tư sản
- B. Địa chủ phong kiến và tư sản
- C. Địa chủ phong kiến và nông dân
- D. Công nhân và nông dân

Câu 4. Giai cấp công nhân Việt Nam tập trung đông nhất ở ngành nào?

- A. Khai thác mỏ
- B. Đồn điền
- C. Công nghiệp đóng tàu
- D. Các xí nghiệp chế biến

Câu 5. Đầu thế kỉ XX, mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam là gì?

- A. Đòi quyền lợi kinh tế
- B. Đòi quyền lợi giai cấp
- C. Đòi quyền lợi dân tộc
- D. Đòi quyền tự do, dân chủ

Câu 6. Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách nào ngay từ khi tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam?

- A. Chính sách “chia để trị”
- B. Chính sách “dùng người Pháp trị người Việt”
- C. Chính sách “đồng hóa” dân tộc Việt Nam
- D. Chính sách “khủng bố trắng” đối với những người chống đối

Câu 7. Trong quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam, thực dân Pháp chú trọng vào ngành nào?

- A. Công nghiệp nặng
- B. Công nghiệp nhẹ
- C. Khai thác mỏ
- D. Luyện kim và cơ khí

Câu 8. Giai cấp hay tầng lớp nào ở Việt Nam ngày càng gánh chịu nhiều thứ thuế và bị khổ cực trầm bẽ trong thời gian thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất?

- A. Tầng lớp tư sản dân tộc
- B. Tầng lớp tiểu tư sản
- C. Giai cấp công nhân
- D. Giai cấp nông dân

Câu 9. Thành phần xuất thân của giai cấp công nhân Việt Nam chủ yếu từ

- A. Tầng lớp tư sản
- B. Giai cấp nông dân
- C. Tầng lớp tiểu tư sản
- D. Tầng lớp địa chủ nhỏ.

Câu 10. Hệ quả lớn nhất trong chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất là

- A. Nền kinh tế phát triển rõ rệt
- B. Công nghiệp phát triển
- C. Cơ cấu kinh tế ít nhiều có sự biến chuyển, cơ cấu xã hội biến đổi sâu sắc
- D. Phong trào yêu nước phát triển mạnh

Câu 11. Qua công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, phương thức sản xuất nào từng bước du nhập vào Việt Nam?

- A. Phương thức sản xuất phong kiến
- B. Phương thức sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp
- C. Phương thức sản xuất thực dân
- D. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

Câu 12. Để tối đa hóa nguồn lợi nhuận, trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam, thực dân Pháp vẫn duy trì phương thức bóc lột nào?

- A. Phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa
- B. Phương thức bóc lột phong kiến

- C. Phương thức bóc lột thực dân
D. Phương thức bóc lột tiền tư bản chủ nghĩa

Câu 13. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam đã làm xuất hiện các giai cấp và tầng lớp xã hội mới, đó là

- A. Địa chủ nhỏ và công nhân
B. Công nhân, tư sản dân tộc và tiểu tư sản
C. Công nhân, nông dân và tư sản dân tộc
D. Công nhân, nông dân và tiểu tư sản

Câu 14. Giai cấp nào ra đời trước cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam và trở thành lực lượng đông đảo của cách mạng?

- A. Tư sản dân tộc B. Công nhân
C. Nông dân D. Tiểu tư sản

Câu 15. Vì sao phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX còn mang tính tự phát?

- A. Vì họ đấu tranh chưa mạnh mẽ, chưa kiên quyết
B. Vì họ đấu tranh chỉ đòi quyền lợi về kinh tế
C. Vì họ chưa quan tâm đến việc đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ
D. Vì sự đàn áp dã man của thực dân Pháp

Câu 16. Lực lượng xã hội nào đã tiếp thu luồng tư tưởng mới bên ngoài vào Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Nông dân
B. Công nhân
C. Sĩ phu yêu nước tiến bộ và các tầng lớp nhân dân đô thị
D. Sĩ phu yêu nước

Câu 17. Những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, tư tưởng tiến bộ từ những nước nào đã ảnh hưởng đến Việt Nam?

- A. Các nước ở khu vực Đông Nam Á B. Nhật Bản và Trung Quốc
C. Anh và Pháp D. Ấn Độ và Trung Quốc

Đáp án

Đáp án					
Câu	1	2		3	4
Đáp án	C	B		C	A
Câu	5	6		7	8
Đáp án	A	A		C	D
Câu	9	10	11	12	13
Đáp án	B	C	D	B	B
Câu	14	15	16	17	
Đáp án	B	B	C	B	

BÀI 23: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)

Câu 1. Ý nào không phải là lí do mà vào những năm đầu thế kỉ XX một số nhà yêu nước Việt Nam muốn đi theo con đường cứu nước của Nhật Bản?

- A. Nhật Bản là nước “đồng văn, đồng chủng”, là nước duy nhất ở châu Á thoát khỏi số phận một nước thuộc địa
- B. Sau Cải cách Minh Trị, Nhật Bản trở thành nước tư bản hùng mạnh
- C. Nhật Bản đã đánh thắng đế quốc Nga (1905)
- D. Nhật Bản đã đề ra thuyết “Đại Đông Á” nhằm mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam

Câu 2. Phan Bội Châu thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào?

- A. Cải cách kinh tế, xã hội
- B. Duy tân để phát triển đất nước
- C. Bạo lực để giành độc lập dân tộc
- D. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang

Câu 3. Phan Bội Châu và các đồng chí của ông chủ trương thành lập Hội Duy tân nhằm mục đích gì?

- A. Đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến ở Việt Nam
- B. Duy tân làm cho đất nước cường thịnh để giành độc lập
- C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ phong kiến, hành lập chính thể cộng hòa
- D. Đánh đổ ngôi vua, phát triển lên tư bản chủ nghĩa

Câu 4. Để thực hiện chủ trương cầu viện Nhật Bản giúp đỡ đánh Pháp, Phan Bội Châu đã tổ chức phong trào

- A. Duy tân B. Đông du
- C. Bạo động chống Pháp D. “Chấn hưng nội hóa”

Câu 5. Vì sao phong trào Đông du tan rã (1908)?

- A. Phụ huynh đòi đưa con em về nước trước thời hạn
- B. Đã hết thời gian đào tạo, học sinh phải về nước
- C. Phan Bội Châu thấy không có tác dụng nên đưa học sinh về nước
- D. Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp ở Đông Dương, trục xuất số lưu học sinh Việt Nam, kể cả Phan Bội Châu

Câu 6. Sau thời gian ở Nhật Bản, Phan Bội Châu đã đến đâu để tiếp tục hoạt động?

- A. Trung Quốc B. Triều Tiên
- C. Về nước D. Thái Lan

Câu 7. Tại sao Phan Bội Châu lại quay trở lại hoạt động ở Trung Quốc?

- A. Trung Quốc gần với Việt Nam nên dễ dàng về nước hoạt động
- B. Ảnh hưởng tư tưởng của các cuộc cải cách ở Trung Quốc
- C. Cách mạng Tân Hợi (1911) bùng nổ, triều đình Mãn Thanh bị lật đổ, Chính phủ Dân quốc được thành lập, thi hành nhiều chính sách tiến bộ
- D. Do Trung Quốc không phải là thuộc địa của thực dân Pháp

Câu 8. Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm mục đích gì?

- A. Tập hợp các lực lượng yêu nước của Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc
- B. Chuẩn bị lực lượng để tiến hành bạo động giành độc lập
- C. Đào tạo đội ngũ cán bộ, đưa về nước hoạt động

D. Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam

Câu 9. Việt Nam Quang phục hội đã có những hoạt động gì để gây tiếng vang trong nước và thức tỉnh đồng bào?

- A. Tổ chức tuyên truyền vận động đòi với quần chúng cách mạng trong nước
- B. Mở lớp huấn luyện đội ngũ cán bộ tại Quảng Châu
- C. Cử người bí mật về nước trừ khử những tên thực dân đầu sỏ, kẻ cả Toàn quyền Anbe Xarô và những tên tay sai đắc lực
- D. Tiến hành bạo động vũ trang ở trong nước

Câu 10. Kết quả hoạt động buổi đầu của Việt Nam Quang phục hội là

- A. Tuyên truyền vận động được quần chúng nhân dân ở trong nước
- B. Mở được nhiều lớp huấn luyện đội ngũ cán bộ tại Quảng Châu
- C. Khuấy động được dư luận trong và ngoài nước
- D. Kích động được tinh thần yêu nước của nhân dân ta

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	C	A	B	D
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	D	C	C

BÀI 24: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

Câu 1. “Nhiệm vụ chủ yếu của Đông Dương là cung cấp cho chính quốc đến mức tối đa nhân lực, vật lực và tài lực ...” là tuyên bố của

- A. Chính phủ Pháp
- B. Toàn quyền Đông Dương
- C. Chính phủ tay sai ở Đông Dương
- D. Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương

Câu 2. Để phục vụ cho cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thực hiện chính sách gì?

- A. Khuyến khích nhân dân ta tích cực sản xuất nông nghiệp để tăng nguồn lương thực
- B. Tăng cường đầu tư sản xuất công nghiệp
- C. Tăng thuế để tăng nguồn thu ngân sách
- D. Bắt nhân dân ta đóng nhiều thứ thuế, mua công trái, đưa lương thực, nông sản, kim loại sang Pháp

Câu 3. Chính sách của thực dân Pháp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tác động mạnh nhất đến lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế B. Văn hóa
- C. Kinh tế - xã hội D. Giáo dục

Câu 4. Nền công nghiệp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có vai trò như thế nào?

- A. Phải gánh đỡ những tổn thất, thiếu hụt của chính quốc

B. Có vai trò chính trong việc bù đắp những tổn thất, thiếu hụt do chiến tranh của chính quốc

C. Cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu của chiến tranh

D. Tránh sự phụ thuộc vào nền công nghiệp chính quốc

Câu 5. Chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho việc trao đổi hàng hóa giữa Pháp với Đông Dương thế nào?

A. Hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương giảm

B. Hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương tăng lên

C. Hàng hóa xuất khẩu từ Đông Dương sang Pháp giảm

D. Hàng hóa xuất khẩu từ Đông Dương sang Pháp tăng lên

Câu 6. Để giải quyết khó khăn trong việc trao đổi hàng hóa giữa Đông Dương và Pháp trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư bản Pháp đã đưa ra giải pháp gì?

A. Liên kết đầu tư kinh doanh

B. Nói lỏng độc quyền, cho tư bản người Việt được kinh doanh tương đối tự do

C. Khuyến khích đầu tư vốn vào các ngành sản xuất công nghiệp

D. Khuyến khích các nghề thủ công truyền thống phát triển

Câu 7. Nền nông nghiệp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có sự chuyển biến ra sao?

A. Chuyển từ độc canh cây lúa sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh

B. Chuyển hẳn sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh

C. Chuyển sang nền nông nghiệp chuyên canh hóa

D. Chuyển sang nền nông nghiệp hàng hóa

Câu 8. Yếu tố nào tác động đến tình hình xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Chính sách về kinh tế, xã hội của Pháp ở Việt Nam

B. Những biến động về kinh tế ở Việt Nam

C. Chính sách của Pháp và những biến động về kinh tế ở Việt Nam

D. Pháp là một bên tham chiến trong Chiến tranh thế giới thứ nhất

Câu 9. Nguyên nhân nào dẫn đến đời sống của nông dân Việt Nam ngày càng bần cùng trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Pháp chuyển sang độc canh cây công nghiệp phục vụ chiến tranh

B. Không quan tâm phát triển nông nghiệp

C. Nạn bắt lính đưa sang chiến trường châu Âu, nạn chiếm đoạt ruộng đất, sưu cao thuế nặng

D. Hạn hán, lũ lụt diễn ra thường xuyên

Câu 10. Trong bối cảnh đó, tư sản Việt Nam làm gì để có địa vị chính trị nhất định?

A. Tăng cường đẩy mạnh sản xuất kinh doanh

B. Đẩy mạnh buôn bán với tư bản Pháp

C. Lập cơ quan ngôn luận, bênh vực quyền lợi về chính trị và kinh tế cho người trong nước

D. Cử người tham gia bộ máy chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương

Câu 11. Lực lượng chủ chốt của phong trào dân tộc trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Tư sản dân tộc B. Tiểu tư sản

C. Công nhân D. Công nhân và nông dân

Câu 12. Hình thức đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Đấu tranh chính trị
- B. Đấu tranh kinh tế
- C. Đấu tranh kinh tế kết hợp với bạo động
- D. Bạo động vũ trang

Câu 13. Hình thức đấu tranh kinh tế của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Chống cúp phạt lương
- B. Đòi tăng lương
- C. Đòi giảm giờ làm
- D. Chống làm việc quá 12 giờ trong ngày

Câu 14. Phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có ý nghĩa gì?

- A. Đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân
- B. Thể hiện tinh thần đoàn kết, ý thức kỉ luật của giai cấp công nhân
- C. Tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc
- D. Khẳng định vị trí, vai trò của công nhân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc

Câu 15. Đối với các nhà yêu nước tiên bối, Nguyễn Tất Thành có thái độ như thế nào?

- A. Khâm phục tinh thần yêu nước của họ
- B. Không tán thành con đường cứu nước của họ
- C. Khâm phục tinh thần yêu nước, nhưng không tán thành con đường cứu nước của họ
- D. Tán thành con đường cứu nước của họ

Câu 16. Trước những hạn chế của khuynh hướng cứu nước của các chí sĩ yêu nước đi trước, Nguyễn Tất Thành đã có quyết định gì?

- A. Quyết định ra nước ngoài tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc
- B. Tích cực tham gia các hoạt động yêu nước để tìm hiểu thêm
- C. Sang Trung Quốc tìm hiểu và nhờ sự giúp đỡ
- D. Sang Nga học tập và nhờ sự giúp đỡ

Câu 17. Bối cảnh lịch sử nào quyết định việc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước?

- A. Thực dân Pháp đặt xong ách thống trị trên đất nước Việt Nam
- B. Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ
- C. Các tư tưởng cứu nước mới theo khuynh hướng dân chủ tư sản ảnh hưởng sâu rộng đến nước ta
- D. Con đường cứu nước giải phóng dân tộc ở Việt Nam đang bế tắc, chưa có lối thoát

Câu 18. Vì sao Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước?

- A. Vì Pháp là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta
- B. Nơi đặt trụ sở của Quốc tế Cộng sản – tổ chức ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc
- C. Để tìm hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đồng bào mình
- D. Nơi diễn ra các cuộc cách mạng tư sản nổi tiếng

Câu 19. Điểm đến đầu tiên trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành là quốc gia nào?

- A. Pháp
- B. Trung Quốc
- C. Nhật Bản
- D. Liên Xô

Câu 20. Trong hành trình tìm đường cứu nước, nhận thức đầu tiên của Nguyễn Tất Thành, khác với các nhà yêu nước đi trước là

- A. Cần phải đoàn kết các lực lượng dân tộc để đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược
- B. Ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu người lao động cũng bị áp bức bóc lột dã man
- C. Cần phải đoàn kết với các dân tộc bị áp bức để đấu tranh giành độc lập
- D. Cần phải đoàn kết với nhân dân Pháp trong cuộc đấu tranh giành độc lập

Câu 21. Những hoạt động yêu nước đầu tiên của Nguyễn Tất Thành ở Pháp có tác dụng gì?

- A. Là cơ sở tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga
- B. Làm chuyển biến mạnh mẽ tư tưởng của Người
- C. Tuyên truyền và khích lệ tinh thần yêu nước của Việt kiều ở Pháp
- D. Là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam

Đáp án

Câu	1	2		3		4	5
Đáp án	B	D		C		B	A
Câu	6	7		8		9	10
Đáp án	B	A		C		C	C
Câu	11	12	13		14	15	16
Đáp án	D	C	A		B	C	A
Câu	17	18	19		20	21	
Đáp án	D	C	A		B	D	

BÀI 25: SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858-1918)

Câu 1. Chế độ phong kiến Việt Nam lâm vào khủng hoảng từ thời gian nào?

- A. Thế kỉ XVII B. Thế kỉ XVIII
- C. Đầu thế kỉ XIX D. Giữa thế kỉ XIX

Câu 2. Biểu hiện của mâu thuẫn xã hội ở Việt Nam giai đoạn này là

- A. Xung đột về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp tăng lên
- B. Làng xóm xơ xác, tiêu điều, đời sống nhân dân cực khổ
- C. Các cuộc bạo loạn và khởi nghĩa nông dân bùng phát trên phạm vi cả nước
- D. Xã hội loạn lạc, nông dân bị bần cùng hóa

Câu 3. Từ đầu thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX, nền kinh tế tiểu nông của Việt Nam bị cản trở phát triển vì

- A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa hình thành
- B. Gặp phải trở lực lớn là chế độ chiếm hữu và bóc lột phong kiến lỗi thời
- C. Tư tưởng sản xuất nhỏ, manh mún của đa số nông dân Việt Nam
- D. Kỹ thuật canh tác quá lạc hậu

Câu 4. Để nền kinh tế hàng hóa và thị trường dân tộc phát triển, yêu cầu đặt ra là gì?

- A. Thống nhất đất nước, thống nhất thị trường dân tộc
- B. Du nhập quan hệ sản xuất tư bản vào Việt Nam
- C. Xóa bỏ chế độ chiếm hữu và bóc lột phong kiến lỗi thời
- D. Thay đổi kỹ thuật canh tác đã lạc hậu

Câu 5. Giữa thế kỉ XIX, khi chế độ phong kiến Việt Nam đang trong tình trạng khủng hoảng thì ở bên ngoài lại xuất hiện nguy cơ gì đe dọa nền độc lập của nước ta?

- A. Nhà Thanh ở Trung Quốc lăm le xâm lược nước ta
- B. Nhật Bản tăng cường các hoạt động gây ảnh hưởng đến Việt Nam
- C. Chủ nghĩa tư bản phương Tây ráo riết bành trướng thế lực sang phương Đông
- D. Phong kiến Xiêm triển khai kế hoạch bành trướng thế lực ở Đông Nam Á

Câu 6. Thực dân Pháp triển khai âm mưu xâm lược Việt Nam thông qua hoạt động nào?

- A. Điều tra, tìm hiểu tình hình Việt Nam trong thời gian dài
- B. Thông qua hoạt động của các giáo sĩ trong Hội truyền giáo nước ngoài của Pháp để thiết lập cơ sở về chính trị, xã hội cần thiết
- C. Mua chộc quan lại nhà Nguyễn
- D. Thông qua các thương nhân Pháp để tìm hiểu tình hình Việt Nam

Câu 7. Trước nguy cơ xâm lược từ tư bản phương Tây, yêu cầu lịch sử đặt ra là gì?

- A. Cải cách – duy tân đất nước để tự cường, cải thiện đời sống nhân dân
- B. Tăng cường liên kết với các nước trong kv để tăng tiềm lực
- C. “Đóng cửa” không giao thương với phương Tây để tránh những tác động tiêu cực
- D. Thực hiện chính sách “cấm đạo” triệt để

Câu 8. Sự kiện liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng tấn công ở cửa biển Đà Nẵng (1858) chứng tỏ điều gì?

- A. Quan hệ giữa nhà Nguyễn và thực dân Pháp chấm dứt
- B. Pháp chính thức mở cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam
- C. Là hoạt động dọn đường, chuẩn bị cho cuộc xâm lược Việt Nam của quân Pháp
- D. Nhà Nguyễn sẽ thất bại trước cuộc xâm lược của quân Pháp

Câu 9. Nguyên nhân chính khiến Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp là gì?

- A. Tiềm lực kinh tế, quân sự yếu hơn nhiều so với tư bản Pháp
- B. Nhà Nguyễn thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại sai lầm, thiếu đường lối chỉ đạo đúng đắn và thiếu ý chí quyết tâm đánh giặc
- C. Nhà Nguyễn không nhận được sự ủng hộ của nhân dân
- D. Ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời, không đủ sức hiệu triệu nhân dân chống Pháp

Câu 10. Hiệp ước Patonót đã đánh dấu

- A. Triều đình nhà Nguyễn bước đầu đầu hàng thực dân Pháp
- B. Một phần nước ta bị bán cho thực dân Pháp
- C. Lần cuối cùng triều đình nhà Nguyễn kí hiệp ước đầu hàng thực dân Pháp
- D. Sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn trước thực dân Pháp, kể thúc sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập

Câu 11. Tại sao sau gần 40 năm (1858 – 1896), thực dân Pháp mới thiết lập được nền thống trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam?

- A. Tình hình nước Pháp có nhiều biến động, làm gián đoạn tiến trình xâm lược
- B. Pháp phải tập trung lực lượng tranh giành ảnh hưởng ở Trung Quốc với các đế quốc khác
- C. Chúng vấp phải cuộc chiến tranh nhân dân bền bỉ, quyết liệt của nhân dân ta

D. Sự cản trở quyết liệt của triều đình Mãn Thanh

Câu 12. Một phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp của nhân dân ta diễn ra khắp Bắc Kỳ, Trung Kỳ những năm cuối thế kỉ XIX là

- A. Phong trào Cần vương
- B. Phong trào “tị địa”
- C. Phong trào cải cách – duy tân đất nước
- D. Phong trào nông dân Yên Thế

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thất bại của phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX là gì?

- A. Triều đình phong kiến đã đầu hàng hoàn toàn
- B. Kẻ thù đã áp đặt được ách thống trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam
- C. Thiếu một lực lượng xã hội tiên tiến, có đủ năng lực và đề ra đường lối đúng để lãnh đạo phong trào
- D. Việt Nam là một nước phong kiến lạc hậu

Câu 14. Mục đích của Pháp trong công cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là

- A. Khai hóa văn minh cho Việt Nam – một nước phong kiến lạc hậu
- B. Biến Việt Nam thành nơi cung cấp tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt để làm giàu cho nước Pháp
- C. Mang lại nguồn lợi cho cả Pháp và Việt Nam

Câu 15. Xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX mang tính chất

- A. Xã hội thuộc địa nửa phong kiến
- B. Xã hội thuộc địa
- C. Xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến
- D. Xã hội tư bản chủ nghĩa

Câu 16. Lực lượng có vai trò tiên phong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX là

- A. Văn thân, sĩ phu yêu nước
- B. Văn thân, sĩ phu yêu nước tiến bộ
- C. Công nhân
- D. Tư sản và tiểu tư sản

Câu 17. Yêu cầu lịch sử dân tộc đặt ra đầu thế kỉ XX là gì?

- A. Thống nhất các lực lượng chống Pháp, đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất
- B. Đưa người ra nước ngoài học tập để chuẩn bị cho công cuộc cứu nước lâu dài
- C. Phải tìm ra một con đường cứu nước mới, đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân
- D. Gồm tất cả các yêu cầu trên

Câu 18. Ai là người đã nhận thức đúng đắn yêu cầu đó và có quyết định bước đầu phù hợp?

- A. Phan Bội Châu B. Phan Châu Trinh
- C. Hoàng Hoa Thám D. Nguyễn Tất Thành

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	B	A	C
Câu	6	7	8	9	10

Đáp án	B	A	B	B	D
Câu	11	12	13	14	
Đáp án	C	A	C	B	
Câu	15	16	17	18	
Đáp án	A	B	C	D	